

CÔNG TY TNHH MTV TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH
XÂY DỰNG THÁI HÀ

HỒ SƠ

THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ
NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN
NGÀNH XÂY DỰNG

Lai Châu, năm 2026

CÔNG TY TNHH MTV TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH
XÂY DỰNG THÁI HÀ



HỒ SƠ

**THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ
NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN
NGÀNH XÂY DỰNG**

Lai Châu, năm 2026

SỞ TÀI CHÍNH TỈNH LAI CHÂU
PHÒNG QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP
VÀ ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Lai Châu, ngày 23 tháng 03 năm 2025

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 6200047158

Đăng ký lần đầu: ngày 06 tháng 07 năm 2010

Đăng ký thay đổi lần thứ: 6, ngày 23 tháng 03 năm 2025

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TƯ VẤN
KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG THÁI HÀ

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Số nhà 60, đường Chu Văn An, Tổ 1, Phường Đoàn Kết, Thành phố Lai Châu, Tỉnh Lai
Châu, Việt Nam

Điện thoại: 0974190999

Email: thaihalas964@gmail.com

Fax:

Website:

3. Vốn điều lệ : 3.800.000.000 đồng.

Bằng chữ: Ba tỷ tám trăm triệu đồng

4. Thông tin về chủ sở hữu

Họ và tên: TRẦN ANH TUẤN

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 06/02/1982

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 025082006215

Ngày cấp: 20/04/2023

Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: Số nhà 13, phố Tân Đà, Tổ 10, Phường Tân Phong, Thành phố
Lai Châu, Tỉnh Lai Châu, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số nhà 13, phố Tân Đà, Tổ 10, Phường Tân Phong, Thành phố Lai
Châu, Tỉnh Lai Châu, Việt Nam

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: TRẦN ANH TUẤN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 06/02/1982

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 025082006215

Ngày cấp: 20/04/2023

Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: Số nhà 13, phố Tân Đà, Tổ 10, Phường Tân Phong, Thành phố Lai Châu, Tỉnh Lai Châu, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số nhà 13, phố Tân Đà, Tổ 10, Phường Tân Phong, Thành phố Lai Châu, Tỉnh Lai Châu, Việt Nam

TRƯỞNG PHÒNG
KẾ TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Phạm Hồng Khẩn

Số: 01/QĐ-TH

Lai Châu, ngày 01 tháng 04 năm 2026

*V/v Đăng tải thông tin năng lực hoạt
động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng*

**BẢNG CÔNG BỐ
THÔNG TIN NĂNG LỰC ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

Kính gửi:

- Sở Xây dựng tỉnh Lai Châu
- Chủ đầu tư, Ban quản lý dự án tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát, nhà thầu thi công;
các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng.

*Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy
định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số
điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13 tháng 01 năm 2026 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản
hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc
phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.*

*Thực hiện theo quy định tại điều 10, Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của
Chính phủ; Công ty TNHH một thành viên tư vấn kiểm định xây dựng Thái Hà công bố công khai
thông tin về năng lực hoạt động phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng.*

1. Tên tổ chức hoạt động chuyên ngành xây dựng:

*** Tên tổ chức: Công ty TNHH MTV tư vấn kiểm định xây dựng Thái Hà.**

- Địa chỉ: Số nhà 60, Chu Văn An, tổ 1, phường Đoàn Kết, tỉnh Lai Châu

- Điện thoại: 0974190999 fax/ Email: hoanganh2525@gmail.com

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: **6200047158** do Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Lai
Châu cấp ngày 06/07/2010, thay đổi lần thứ 6 ngày 23 tháng 03 năm 2025.

- Mã số thuế: 6200047158. Website: <https://kiemdinhthaiha.com>

- Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

- Mã số phòng thí nghiệm: LAS-XD 964.

- Địa chỉ: Số nhà 60, Chu Văn An, tổ 1, phường Đoàn Kết, tỉnh Lai Châu.

- Điện thoại: 0974190999; 0985275222 Email: hoanganh2525@gmail.com

- Trưởng phòng: Hoàng Văn Anh

2. Thông tin về năng lực của tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng.

- Danh mục các phép thử của phòng thí nghiệm:

STT	Chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn áp dụng	Thiết bị	Thí nghiệm viên
THỬ NGHIỆM XI MĂNG				
1	Độ mịn, khối lượng riêng của xi măng	TCVN 4030:03, ASTM C 184, 188, AASHTO T133, T128	Sàng độ mịn xi măng 0,09mm D200. Bình tỷ trọng xi măng	Giảng A Vàng; Nguyễn Đức Biên; Nguyễn Văn Cương; Tạ Văn Sơn; Đình Sơn Lâm; Nguyễn Thành Trung.
2	Xác định giới hạn bền uốn và nén	TCVN 6016: 11; ASTM C 109, AASHTO T106	Khuôn uốn xi măng 40x40x160 kép 3 -TQ; Máy trộn vữa xi măng Dung tích: 5 lít; Máy nén	
3	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017: 15, ASTM C191, C187, AASHTO T129, 131	Dụng cụ VICA - .TECH Bao gồm: Thân chính gắn thước, thanh dẫn chuẩn, 3 kim chuẩn, khâu chuẩn, tấm kính	
CỐT LIỆU BÊ TÔNG VÀ VỮA				
4	Thành phần cỡ hạt, modun độ lớn	TCVN 7572-2 :06	Cân kỹ thuật, bộ sàng tiêu chuẩn	Giảng A Vàng; Nguyễn Đức Biên; Nguyễn Văn Cương; Tạ Văn Sơn; Đình Sơn Lâm; Nguyễn Thành Trung.
5	Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4 :06	Cân kỹ thuật, độ chính xác 0,1%; - Tủ sấy có bộ phận điều chỉnh nhiệt độ sấy ổn định từ 105oC đến 110oC; Bình dung tích, bằng thủy tinh, có miệng rộng, nhãn, phẳng dung tích từ 1,05 lít đến 1,5 lít và có tấm nắp đậy bằng thủy tinh, đảm bảo kín khí;	
6	XĐ khối LR; KL thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-5 :06	Cân kỹ thuật, bộ sàng tiêu chuẩn, thùng ngâm mẫu, bình thủy tinh, tủ sấy, công thử độ sụt bình giữ ẩm, sàng, que chọc, thước kẹp, bàn chải, thùng đong, phễu chứa, thước lá, dụng cụ đảo mẫu. thùng rửa, đồng hồ bấm giây, tấm kính	
7	Xác định khối lượng thể tích và độ xốp và độ hồng	TCVN 7572-6 :06		
8	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7 :06		
9	XĐ HL bùn, bụi, sét trong cốt liệu và HL sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8: 06		
10	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572- 9:06	Cân kỹ thuật, bộ sàng. ống đong thang màu, Dung dịch NaOH 3%	
11	Xác định cường độ và hệ số hoá mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:06	Máy nén, máy khoan, cắt, mài, thước, thùng ngâm mẫu	
12	XĐ độ nén đập và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572- 11:06	Máy nén, sàng, tủ sấy, thùng ngâm, cân, bộ xi	

			lanh
13	XĐ độ hao mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn (Los Angeles)	TCVN 7572- 12:06	Bộ máy mài mòn, cân , sàng, tủ sấy.
14	XĐ hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13 :06	Thước kẹp, cân , sàng, tủ sấy
15	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hoá	TCVN 7572- 17:06	cân, tủ sấy,sàng, búa, kính lúp, thước
16	XĐ hàm lượng mica	TCVN7572-20:06	cân, tủ sấy,sàng, giấy nhám, đĩa thủy tinh
17	Xác định Hệ số (ES)	ASTM DI 883-99	Thiết bị thí nghiệm góc nghỉ tự nhiên
18	PP xác định góc dốc tự nhiên của cát	ASTM D2419-91	Cân kỹ thuật, bộ sàng, ống đồng
19	Xác định hàm lượng hạt bị đập vỡ	TCVN 9205:2012	Bộ sàng, khay, tủ sấy, cân kỹ thuật ...
BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG			
20	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông nặng	TCVN 3106:22	Bộ côn thử độ sụt
21	Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông nặng	TCVN 3108:22	Thước, cân, tủ sấy
22	Xác định độ tách nước, tách vữa	TCVN 3109:22	Bộ côn thử độ sụt, đầm rung, đồng hồ, cân, sàng, khay sắt thước
23	Xác định hàm lượng bột khí của bê tông	TCVN 3111:22	Bình thử bột khí, bình chứa, ống tiêu chuẩn, ống phun, lò so...
24	Xác định khối lượng riêng	TCVN 3112:22	Cân, tủ sấy, bình thủy tinh
25	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:22	Cân, tủ sấy, bình thủy tinh, bàn chải, đá mài, thùng ngâm
26	Xác định độ mài mòn	TCVN 3114:22	Máy mài đĩa, cân kỹ thuật, thước kẹp, vật liệu mài...
27	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 3115:22	Thước, cân, tủ sấy, Bình hút ẩm
28	Xác định độ chống thấm nước	TCVN 3116:22	Máy thử độ chống thấm, khuôn D15x15, bàn chải
29	Thử độ co	TCVN 3117:22	Khung đo, biến dạng kế, Cân kỹ thuật, nhiệt kế...
30	Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118:22	Máy nén bê tông, thước đo
31	Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119:22	Máy nén bê tông, thước đo
32	Xác định modun đàn hồi khi nén tĩnh của bê tông	TCVN 5726:2022	Khuôn đo biến dạng, biến dạng kế, máy nén, thước đo...
33	Xác định độ kéo khi bừa	TCVN 3120:22	Máy nén, gối truyền tải, tấm đệm...
VỮA XÂY DỰNG			

Giảng A Vàng;
 Nguyễn Đức Biên;
 Nguyễn Văn Cương;
 Tạ Văn Sơn;
 Đinh Sơn Lâm;
 Nguyễn Thành Trung.

34	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1: 22	Bộ sàng tiêu chuẩn có kích thước lỗ sàng 10mm; 5mm; 2,5mm; 1,25mm; 0,63mm; 0,315mm, 0,14mm (TCVN 342 : 1986) và sàng có kích thước lỗ 0,08mm; Cân kỹ thuật có độ chính xác đến 1 gam; Tủ sấy điện có bộ phận điều chỉnh và ổn định nhiệt độ ở 1050C + 50C và 600C
35	Xác định độ lưu động của vữa tươi (Phương pháp bàn dẫn)	TCVN 3121-3: 22	Cân kỹ thuật có độ chính xác đến 1 gam;- bàn dẫn vữa, thước kẹp
36	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6: 22	Cân kỹ thuật có độ chính xác tới 1 gam. Bình đong bằng kim loại không gỉ, có thể tích 1 lít, đường kính trong bằng 113 mm.
37	Xác định thời gian bắt đầu ninh kết của	TCVN 3121-9: 22	Máy hút chân không, đồng hồ đo áp lực chân không, bình chứa 1 lít - Phễu có đường kính trong 154 mm – 156 mm, chiều cao 20mm - Đồng hồ bấm giây.- Giấy lọc loại chảy trung bình, 20 g/m ² , có đường kính bằng đường kính trong của phễu. - Thiết bị thử độ lưu động theo TCVN 3121-3: 2003
38	Xác định Khối lượng thể tích mẫu vữa đông rắn	TCVN3121-10: 22	Cân kỹ thuật có độ chính xác đến 1 gam;- Tủ sấy có bộ phận điều chỉnh và ổn định nhiệt độ;- Thước kẹp có độ chính 0,1 mm;- Cân thủy tĩnh.
39	Xác định cường độ uốn và nén của vữa đã đóng rắn	TCVN3121-11: 22	Khuôn bằng kim loại, có hình lăng trụ. Chày đâm mẫu, được làm từ vật liệu không, Thùng bảo dưỡng mẫu- Mảnh vải cotton, - Tấm kính- Máy thử uốn, có khả năng chịu tải đến 5 KN- Máy thử nén máy nén có khả năng tạo lực nén đến 100 KN- Tấm nén phải đảm bảo phẳng,

Giàng A Vàng;
 Nguyễn Đức Biên;
 Nguyễn Văn Cường;
 Tạ Văn Sơn;
 Đinh Sơn Lâm;
 Nguyễn Thành Trung.

			khe hở bề mặt giữa 2 tấm nén không lớn hơn 0,01mm;
40	Xác định độ hút nước của vữa đã đóng rắn	TCVN3121-18: 22	Cân kỹ thuật (1g), - Thùng ngâm mẫu, - Tủ sấy 2000C, - Khăn lau mẫu- Thước lá
41	Vữa không co trộn sẵn: Xác định độ chảy, độ tcahs nước, cường độ nén, thay đổi chiều cao, cột vữa trong quá trình đông kết của vữa	TCVN 9204:2022; TCVN 8824:11	Ông trụ bằng đồng hoặc thép không gỉ và tấm đáy bằng mica hoặc kính. Kích thước ông trụ: Đường kính trong: 50 mm, Chiều cao: 100mm Chiều dày thành ông: (2 , 3) mm...
THÍ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH XÂY			
42	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6355-1:09	Máy nén thủy lực, thước lá
43	Xác định cường độ nén	TCVN 6355-2:09	Máy thử uốn hoặc nén, thước đo có độ chính xác tới 1mm, các miếng kính để là phẳng vữa trát mẫu bay chảo ...
44	Xác định cường độ uốn	TCVN 6355-3:09	Máy thử uốn, thước đo, bay chảo...
45	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:09	Tủ sấy tới 200 ⁰ C có điều chỉnh nhiệt độ, Cân kỹ thuật có độ chính xác đến 1g, thùng để ngâm mẫu
46	Xác định khối lượng thể tích, khối lượng riêng	TCVN 6355-5:09	Tủ sấy tới 200 ⁰ C có điều chỉnh nhiệt độ, Cân kỹ thuật có độ chính xác đến 1g, thùng để ngâm mẫu
47	Xác định độ rỗng	TCVN 6355-6:09	Tủ sấy tới 200 ⁰ C có điều chỉnh nhiệt độ, Cân kỹ thuật có độ chính xác đến 1g, thùng để ngâm mẫu
48	Xác định vết tróc do vôi của các loại gạch xây	TCVN 6355-7:09	Thước đo, Thùng hoặc bể giữ ẩm, ...
49	Xác định sự thoát muối của gạch xây	TCVN 6355-8:09	Khay chứa nước, bàn chải, tủ sấy,...
SẢN PHẨM BÊ TÔNG, GẠCH BÊ TÔNG			
50	Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6477:11	Dùng thước lá Thước kẹp, căn chuẩn, thước vuông góc. Máy nén
51	Xác định cường độ nén	TCVN 6476:99	Máy nén thủy lực, thước lá
52	Xác định độ hút nước	TCVN 6476:99	Tủ sấy tới 200 ⁰ C có điều chỉnh nhiệt độ, Cân kỹ thuật có độ chính xác đến 1g, thùng để ngâm

Giàng A Vàng;
Nguyễn Đức Biên;
Nguyễn Văn Cương;
Tạ Văn Sơn;
Đình Sơn Lâm;
Nguyễn Thành Trung.

Giàng A Vàng;
Nguyễn Đức Biên;
Nguyễn Văn Cương;
Tạ Văn Sơn;
Đình Sơn Lâm;
Nguyễn Thành Trung.

			mẫu	
53	Xác định độ mài mòn	TCVN 6476:99	Thước, cân kỹ thuật, tủ sấy, vật liệu mài, máy mài	
54	Xác định cọc bê tông ly tâm, cấu kiện bê tông ứng lực trước, Xác định kích thước, khuyết tật ngoại quan, độ bền nứt thân cọc, độ bền uốn gãy thân cọc, xác định, độ bền cắt thân cọc, độ bền uốn mối nối cọc	TCVN 7888:14	Thước thép, thước cuộn (độ chính xác 1 mm), bộ căn lá thép kiểm tra nứt (0.02 - 1.00 mm).	
55	Cột điện bê tông cốt thép li tâm, Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan, khả năng chịu tải của cột	TCVN 5847: 16	Thước thép cuộn có khả năng đo độ dài 25 m, vạch chia đến 1 mm; Thước kẹp có vạch chia đến 0,05 mm; Thước lá thép có vạch chia đến 1 mm.	
THÉP, KIM LOẠI, MỐI HÀN				
56	Thử kéo	TCVN 197: 2014	Máy kéo nén vạn năng, bộ uốn mẫu, kích thủy lực, bộ đai ốc bu lông, Thước kẹp . bộ kẹp mẫu	Giàng A Vàng; Nguyễn Đức Biên; Nguyễn Văn Cương; Tạ Văn Sơn; Đình Sơn Lâm; Nguyễn Thành Trung.
57	Thử uốn	TCVN 198: 2008		
58	Bu lông, đai ốc: Kiểm tra kích thước hình học, thử kéo	TCVN 1916: 95		
59	Mối hàn kim loại: thử kéo, thử uốn	TCVN 8310-10; TCVN 5401:10; TCVN 11977:17		
60	Xác định chiều dày lớp phủ sơn, mạ kẽm nóng	TCVN 2095:93; TCVN 5408:07		
61	Rọ đá, thảm đá và sản phẩm lưới lọc góc: Kiểm tra hình dạng kích thước mắt lưới, kích thước dây; thử kéo, độ giãn dài, khối lượng riêng, độ cứng	TCVN 10335:2014		
VÁI ĐỊA, BẮC THẨM, VÀ CÁC SẢN PHẨM ĐỊA KỸ THUẬT XÂY DỰNG				
62	Xác định độ dày tiêu chuẩn	TCVN 8220: 2009	Khuôn lấy mẫu, kích hoặc bàn ép, thiết bị đo độ dày, đồng hồ bấm giây...	Giàng A Vàng; Nguyễn Đức Biên; Nguyễn Văn Cương; Tạ Văn Sơn; Đình Sơn Lâm; Nguyễn Thành Trung.
63	Xác định khối lượng trên đơn vị diện tích	TCVN 8221: 2009	Thước phẳng, com pa, kéo cắt, bút ghi, khuôn lấy mẫu thử...	
64	Xác định kích thước lỗ biểu kiến	TCVN 8871-6: 11	Khay, nắp và khung rây đường kính 200 mm...	
65	Xác định độ thấm xuyên	TCVN 8487: 2010	Nhiệt kế, đồng hồ bấm giây, các ống đo...	
66	Xác định lực xé rách hình thang	TCVN 8871-2: 11	Thiết bị kéo, ngàm kẹp...	
67	Xác định lực kéo giật và độ giãn dài kéo giật	TCVN 8871-1: 11	Thiết bị kéo, ngàm kẹp...	
68	Xác định cường độ chịu kéo	TCVN 8485: 2010	Thiết bị kéo, thiết bị đo	

	và độ giãn dài		độ giãn dài...	
THỬ NGHIỆM GẠCH ỐP LÁT				
69	Xác định kích thước bề mặt	TCVN 6415-2:16	Thước calip	Giàng A Vàng; Nguyễn Đức Biên; Nguyễn Văn Cương; Tạ Văn Sơn; Đình Sơn Lâm; Nguyễn Thành Trung.
70	Xác định độ hút nước, khối lượng riêng	TCVN 6415-3:16	Tủ sấy, có khả năng làm việc ở $110\text{ }^{\circ}\text{C} \pm 5\text{ }^{\circ}\text{C}$, cân, tủ sấy, bình hút ẩm, nước cất, thiết bị gia nhiệt...	
71	Xác định độ bền uốn	TCVN 6415-4:16	Tủ sấy, đồng hồ đo áp lực,...	
ỐNG NHỰA PVC, uPVC, PPR, HDPE, PHỤ KIỆN ỐNG NHỰA				
72	Đo đường kính, chiều dày thành ống	TCVN 6145:2007	Thước đo	Giàng A Vàng; Nguyễn Đức Biên; Nguyễn Văn Cương; Tạ Văn Sơn; Đình Sơn Lâm; Nguyễn Thành Trung.
73	Xác định nhiệt độ hóa mềm Vicat	TCVN 6147-03	Thanh đỡ, Mũi kim loại, Micromet kiểu đồng hồ, Đĩa đỡ tải trọng, Bể điều nhiệt...	
74	Ống nhựa, gân xoắn HDPE xác định: Kích thước và sai lệch, độ bền của ống, trong môi trường hóa chất, độ biến dạng hình học của ống	TCVN 9070:2012	Máy cắt ống, Thước cặp, thước đo chiều dài phù hợp...	
75	Xác định độ bền kéo và giãn dài	TCVN 7434:2004	Máy thử độ bền kéo, bộ phận chỉ báo tải trọng, máy phay và máy cắt...	
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GỖ NHÂN TẠO				
76	Kích thước độ vuông góc, thẳng cạnh	TCVN 7756-2:07	Thước cặp/calip, thước thẳng, thước góc	Giàng A Vàng; Nguyễn Đức Biên; Nguyễn Văn Cương; Tạ Văn Sơn; Đình Sơn Lâm; Nguyễn Thành Trung.
77	Độ ẩm	TCVN 7756-3:07	Cân kỹ thuật, tủ sấy, bình hút ẩm...	
78	Khối lượng thể tích	TCVN 7756-4:07	Cân phân tích, thước cặp, thước thẳng	
79	Độ trương nở theo chiều dày	TCVN 7756-5:07	Thước cặp, có độ chính xác đến 0,05 mm. Hùng chứa nước có thể duy trì được nhiệt độ ổn định ở $(27 \pm 2)\text{ }^{\circ}\text{C}$	
80	Độ bền uốn tĩnh và modun đàn hồi	TCVN 7756-6:07	Thước cặp có độ chính xác đến 0,05 mm; thước thẳng, có độ chính xác đến 0,1 mm.	
81	Độ bền kéo vuông góc với mặt ván	TCVN 7756-7:07	Thước cặp, chính xác đến 0,05 mm.	
THÍ NGHIỆM CƠ LÝ GỖ TỰ NHIÊN				
82	Xác định độ ẩm, độ hút ẩm	TCVN8048-1:09; TCVN 8046:09	Cân kỹ thuật, tủ sấy, bình hút ẩm...	Giàng A Vàng; Nguyễn Đức Biên; Nguyễn Văn Cương; Tạ Văn Sơn; Đình Sơn Lâm; Nguyễn Thành Trung.
83	Xác định khối lượng thể tích	TCVN8048-2:09	Cân kỹ thuật, Dụng cụ đo, dụng cụ xác định độ ẩm...	
84	Xác định độ bền uốn tĩnh	TCVN8048-3:09	Máy thử, dụng cụ đo, dụng cụ xác định độ ẩm...	

85	Thử nghiệm nén vuông góc với thớ	TCVN8048-5:09	Máy nén, máy gia tải đồng đều, dụng cụ đo, xác định độ ẩm...	
PHỤ GIA CHO BÊ TÔNG				Giàng A Vàng; Nguyễn Đức Biên; Nguyễn Văn Cương; Tạ Văn Sơn; Đình Sơn Lâm; Nguyễn Thành Trung.
86	Xác định lượng mất khi nung	TCVN 141:08; JIS R5202	Cân kỹ thuật, tủ sấy, lò nung, bình hút ẩm, pipet, giấy lọc...	
87	Xác định chỉ số hoạt tính	TCVN 8827:2011	Sàng tiêu chuẩn, cân kỹ thuật, đồng hồ áp lực	
THÍ NGHIỆM BỘT BÃ				Giàng A Vàng; Nguyễn Đức Biên; Nguyễn Văn Cương; Tạ Văn Sơn; Đình Sơn Lâm Nguyễn Thành Trung.
88	Xác định độ mịn, khối lượng thể tích, thời gian đông kết, độ cứng bề mặt, độ bám dính với nền, độ giữ nước	TCVN 7239:14	Cân kỹ thuật, đồng hồ bấm giây, ống đong, thìa xúc mẫu...	
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT				Giàng A Vàng; Nguyễn Đức Biên; Nguyễn Văn Cương; Tạ Văn Sơn; Đình Sơn Lâm; Nguyễn Thành Trung.
89	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:2012	Cân, tủ sấy, bình thủy tinh	
90	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012	Cân, tủ sấy, bình dưỡng mẫu, khay	
91	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:2012	Cân, tủ sấy, bình dưỡng mẫu, khay, bộ thí nghiệm chảy và dẻo	
92	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:2012	Cân, tủ sấy, sàng	
93	Thí nghiệm đầm nén đất; đá dăm trong phòng thí nghiệm	TCVN 12790: 20	Cối chày đầm, cân kỹ thuật, tủ sấy, sàng tiêu chuẩn...	
94	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 4202:2012	Cân, tủ sấy, khuôn đầm, chày đầm,	
95	Xác định sức chịu tải của đất (CBR)- Trong phòng thí nghiệm	22TCN 332- 06	Cân, tủ sấy, bộ khuôn đầm CBR chày đầm, đồng hồ	
96	Xác định đặc trưng tan rã của đất	TCVN 8718:2012	Cân kỹ thuật, bình giữ ẩm, Dao vòng, Dao gạt, nước cất...	
97	Xác định đặc trưng trương nở của đất	TCVN 8719:2012	Thiết bị chuyên dụng	
98	Xác định đặc trưng co ngót của đất	TCVN 8720:2012	Dao vòng, thước cặp, Cân kỹ thuật, ...	
99	Xác định khối lượng thể tích khô lớn nhất và nhỏ nhất của đất rời trong phòng thí nghiệm.	TCVN 8721:2012	Cối đầm Proctor, búa rung, tủ sấy, Cân kỹ thuật, Sàng tiêu chuẩn, ...	
100	Xác định hệ số thấm của đất	TCVN 8723:2012	Thiết bị thí nghiệm thấm, dao vòng chứa đất thí nghiệm, dụng cụ xác định độ ẩm, Thiết bị, dụng cụ xác định khối lượng thể tích đất kết cấu nguyên trạng	
THÍ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG				
101	Đo dung trọng, độ ẩm, độ chặt của đất, cát tại hiện	TCVN 8729:2012; 22 TCN 02:1971;	Cân, cón, bộ dao đai, khay	

	trường	AASHTO T204; ASTM D 2937	
102	Độ ẩm; Khối lượng TT của đất, đá dăm trong lớp kết cấu bằng pp rớt cát	22TCN 346:06	Phễu rớt cát, cân, búa đục, khay
103	Xác định mô đun đàn hồi của nền đất và các lớp kết cấu áo đường bằng phương pháp sử dụng tấm ép cứng	TCVN 8861:11	Cần đo và tấm ép tròn, đồng hồ
104	Độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3m	TCVN 8864:11	Thước 3 M và con nôm
105	Xác định Mô đun đàn hồi E chung của áo đường bằng cần Benkelman	TCVN 8867:11	Cần Benkenman. Đồng hồ
106	Phương pháp xác định modun biến dạng tại hiện trường bằng tấm nén phẳng	TCVN 9354:2012	Tấm nén, kích thủy lực, Dầm định vị dọc, Các cọc neo vít
107	Cọc-PP thí nghiệm tại hiện trường bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393:2012	Kích, bơm, Tấm đệm, Hệ đo đặc, Đồng hồ áp lực...
108	Phương pháp không phá hoại sử dụng máy đo siêu âm và súng bật nảy để xác định cường độ nén của bê tông	TCVN 9335:2012	Thước đo và máy siêu âm, Súng bật nảy, mỡ va giờ lin
109	Phương pháp không phá hoại sử dụng súng bật nảy để xác định cường độ bê tông	TCVN 9334:2012	Thước đo, súng bật nảy, mỡ va giờ lin
110	Thí nghiệm CBR - ngoài hiện trường	ASTM D4429:92; TCVN 8821:2011	Bộ dụng cụ CBR hiện trường
111	Đo điện trở đất	TCVN 9385:2012	Máy đo Điện Trở
112	Thí nghiệm gia tải cầu kiện bê tông và bê tông cốt thép đúc sẵn đánh giá độ bền, độ cứng và khả năng chống nứt	TCVN 9347:2012	Thiết bị gia tải, đo lực, đo độ võng, độ bề rộng vết nứt...
113	PP điện từ xác định chiều dày lớp bê tông bảo vệ, vị trí và đường kính cốt thép trong bê tông	TCVN 9356:2012	Máy đo điện từ
114	Xác định lực liên kết cốt thép, Bu lông trong bê tông	TCVN 9490:12	Thiết bị thử
115	Cọc khoan nhồi- Phương pháp siêu âm	TCVN 9396-2012; ASTM D6760, TCVN 9396:12	Máy siêu âm
THÍ NGHIỆM NHỰA BITUM, NHỰA ĐƯỜNG LÔNG, NHỮ TƯƠNG AXÍT			
116	Xác định độ kim lún, chỉ số kim lún PI theo phụ lục II Thông tư 27/2014/TT-BGTVT	TCVN 7495:05	Bộ đo độ kim lún, tủ sấy, cân, bình ổn nhiệt, nhiệt kế, đồng hồ bấm giây
117	Xác định độ kéo dài	TCVN 7496:05	Bộ máy thí nghiệm kéo dài, tủ sấy, bình ổn nhiệt, nhiệt kế
118	Xác định nhiệt độ hoá mềm (PP vòng và bi)	TCVN 7497:05	Bộ thí nghiệm vòng bi, tủ sấy, bình ổn nhiệt, nhiệt kế

Giàng A Vàng;
Nguyễn Đức Biên;
Nguyễn Văn Cương;
Tạ Văn Sơn;
Đình Sơn Lâm;
Nguyễn Thành Trung.

Giàng A Vàng;
Nguyễn Đức Biên;
Nguyễn Văn Cương;
Tạ Văn Sơn;
Đình Sơn Lâm;
Nguyễn Thành Trung.

119	Xác định nhiệt độ bắt lửa	TCVN 8818-2:2011-/ TCVN 7498:05	Bộ thí nghiệm bắt lửa, tủ sấy, que diêm
120	Xác định lượng tổn thất sau khối lượng sau khi gia nhiệt	TCVN 7499:05	Cân, tủ sấy, cốc đựng mẫu
121	Xác định khối lượng riêng	TCVN 7501:2005; AASHTO T228; ASTM D70	Tỷ trọng kế, bể ổn nhiệt, nhiệt kế...
122	Xác định hàm lượng paraffin bằng PP chung cất	TCVN 7503:05	Máy xác định hàm lượng paraffin. Cân, bình giữ ấm, giấy lọc, nhiệt kế
123	Xác định độ bám dính với đá	TCVN 7504:05	Dây buộc, bình thủy tinh, bếp đun, nhiệt kế
124	Xác định độ lắng và độ ổn định lưu trữ	TCVN 8817-3:2011	Cân kỹ thuật, tủ sấy, Cốc thủy tinh, Pi pet, thìa khuấy..
125	Xác định lượng hạt quá cỡ (Thử nghiệm sàng)	TCVN 8817-4:2011	Cân kỹ thuật, tủ sấy, bộ sàng tiêu chuẩn...
126	Xác định độ khử nhũ	TCVN 8817-6:2011	Cân kỹ thuật, sàng tiêu chuẩn, cốc kim loại, thìa kim loại..
127	Thử nghiệm trộn với xi măng	TCVN 8817-7:2011	Cân kỹ thuật, tủ sấy, Sàng tiêu chuẩn, ống đong, chảo trộn...
128	Xác định độ bám dính và sức chịu nước	TCVN 8817-8:2011	Cân kỹ thuật, Chảo trộn, Dao trộn, Sàng tiêu chuẩn, nhiệt kế...
129	Thử nghiệm chung cất	TCVN 8817-9:2011; TCVN 8818-4:11	Cân kỹ thuật, ống đong, nhiệt kế, Sàng tiêu chuẩn...
130	Thử nghiệm bay hơi	TCVN 8817-10:2011	Cốc thủy tinh, Cân kỹ thuật, tủ sấy, sàng tiêu chuẩn...
131	Xác định trộn lẫn với nước	TCVN 8817-13:2011	Cốc thủy tinh, ống đong, nhiệt kế, nước cất...
132	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 8817-14:2011	Cân kỹ thuật, bể ổn nhiệt, bình đong tiêu chuẩn..
133	Xác định độ dính bám với cốt liệu hiện trường	TCVN 8817-15:2011	Cốc kim loại, ống đong, dao trộn, sàng tiêu chuẩn..
134	Xác định hàm lượng nước	TCVN 8817-3:2011	Cân kỹ thuật, tủ sấy, Cốc thủy tinh, Pi pet, thìa khuấy..
BÊ TÔNG NHỰA			
135	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:11	Máy marshall và bộ đo đồng hồ, cung lực 30kN
136	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy li tâm	TCVN 8860-2:11	Máy chiết nhựa, giấy lọc, cân, tủ sấy, lò nung
137	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:11	cân, tủ sấy, bộ sàng theo tcvn

Giảng A Vàng;
 Nguyễn Đức Biên;
 Nguyễn Văn Cương;
 Tạ Văn Sơn;
 Đinh Sơn Lâm;
 Nguyễn Thành Trung.

138	Xác định tỉ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:11	cân, tủ sấy, khuôn đúc mẫu, bộ đầm mẫu, máy hút chân không. Bình đựng
139	Xác định tỉ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đã đầm nén	TCVN 8860-5:11	
140	Xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:11	Cân, tủ sấy, rọ đựng mẫu, đĩa kim loại, chảo bay
141	Xác định độ góc canh của cát	TCVN 8860-7:11	ống đồng, phễu, tấm kính, dao gạt, cân, tủ sấy
142	Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:11	Cân, tủ sấy, rọ đựng mẫu, đĩa kim loại, chảo bay, khuôn đúc
143	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:11	PP tính toán
144	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:11	PP tính toán
145	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:11	PP tính toán
146	Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:11	PP tính toán
BỘT KHOÁNG CHO BÊ TÔNG NHỰA			
147	Bột khoáng cho bê tông nhựa: Xác định thành phần hạt, lượng mất khi nung, hàm lượng nước, khối lượng riêng, khối lượng thể tích, KL-TT và độ rỗng dư, hệ số háo nước hàm lượng chất hòa tan, trong nước, độ trương nở thể tích, chỉ số hàm lượng nhựa	22TCN:58:84; ASTM D5329	Cần kỹ thuật, tủ sấy, bộ sàng tiêu chuẩn, bình tỷ trọng, bình hút ẩm...
148	Bột khoáng dùng cho hỗn hợp đá trộn nhựa: xác định thành phần hạt, độ ẩm, hệ số thích nước	TCVN 12884-2:2020	Cần kỹ thuật, tủ sấy, bộ sàng tiêu chuẩn, Bình hút ẩm,
ĐẤT GIA CỐ CHẤT KẾT DÍNH			
153	Đất, cát gia cố xi măng: Xác định cường độ kéo khi ép chẻ, cường độ kháng nén, kháng uốn	TCVN 9403:12; TCVN 8862:11	Máy nén một trục, Máy trộn mẫu hoặc dụng cụ trộn mẫu, Dụng cụ tạo mẫu đất hỗn hợp...
154	Đất gia cố chất kết dính: Xác định đầm nén chặt, cường độ kháng ép, nén, độ ổn định nước sau chu kỳ bão hòa sấy	TCVN 9843:13	Máy nén, tấm đệm truyền tải, khuôn tạo mẫu...
MÀNG CHỐNG THẨM, BĂNG CHẶN NƯỚC			
155	Băng chặn nước PVC: Xác định sai lệch kích thước, khối lượng riêng, cường độ chịu nén, và độ giãn dài khi đứt, độ cứng shore, khối lượng riêng	TCVN 9407:14	Máy thử kéo, bình chứa, tủ sấy, cân kỹ thuật, thước kẹp..
			Giàng A Vàng; Nguyễn Đức Biên; Nguyễn Văn Cương; Tạ Văn Sơn; Đình Sơn Lâm; Nguyễn Thành Trung.
			Giàng A Vàng; Nguyễn Đức Biên; Nguyễn Văn Cương; Tạ Văn Sơn; Đình Sơn Lâm; Nguyễn Thành Trung.
			Giàng A Vàng; Nguyễn Đức Biên; Nguyễn Văn Cương; Tạ Văn Sơn; Đình Sơn Lâm

3. Cam kết của tổ chức

- Công ty TNHH Một thành viên tư vấn kiểm định xây dựng Thái Hà chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, chính xác của thông tin đã công bố./.

- Tổ chức sẽ thực hiện công bố lại thông tin ngay khi có bất kỳ sự thay đổi nào về năng lực hoạt động so với nội dung đã công bố.

- Thông tin này đã được Công ty TNHH Một thành viên tư vấn kiểm định xây dựng Thái Hà đăng tải công khai trên trang thông tin điện tử của đơn vị tại địa chỉ : <https://kiemdinhthaiha.com/>

- Công ty TNHH Một thành viên tư vấn kiểm định xây dựng Thái Hà kính đề nghị Sở Xây Dựng xem xét, tiếp nhận và đăng tải thông tin năng lực của đơn vị trên cổng/trang thông tin điện tử của sở theo quy định./.

Nơi nhận:

- Sở xây dựng tỉnh Lai Châu;
- Lưu VP, Phòng thí nghiệm.

**CÔNG TY TNHH MTV TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH
XÂY DỰNG THÁI HÀ
Giám đốc**



GIÁM ĐỐC
Ks. Trần Anh Tuấn

CÔNG TY TNHH MTV TƯ VẤN
KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG THÁI HÀ

SỐ: 02/2026/QĐ-TH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lai Châu, ngày 23 tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

V/v: Thành lập phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng thuộc Công ty TNHH MTV tư vấn kiểm định xây dựng Thái Hà.

GIÁM ĐỐC CÔNG TY TNHH MTV TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG THÁI HÀ

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/2014 của Quốc hội;
- Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung tại Điều 8 Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026;
- Căn cứ Điều lệ Công ty TNHH MTV tư vấn kiểm định xây dựng Thái Hà;
- Căn cứ yêu cầu tổ chức của Công ty TNHH MTV tư vấn kiểm định xây dựng Thái Hà;
- Căn cứ tình hình hoạt động kinh doanh của công ty;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Thành lập phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng thuộc Công ty TNHH MTV tư vấn kiểm định xây dựng Thái Hà, tên giao dịch: Phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (Phòng thí nghiệm LAS-XD 964).

Điều 2: Cán bộ, nhân viên và trưởng phòng thí nghiệm do Giám đốc công ty phân công, điều hành.

Điều 3: Phòng thí nghiệm có trách nhiệm thực hiện toàn bộ các phép thử được Sở Xây dựng công nhận và Công ty TNHH MTV tư vấn kiểm định xây dựng Thái Hà công bố đảm bảo tính khách quan, trung thực.

Điều 4: Các ông Trưởng phòng các bộ phận chuyên môn Công ty TNHH MTV tư vấn kiểm định xây dựng Thái Hà, các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT.

T/M CÔNG TY TNHH MTV TƯ VẤN
KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG THÁI HÀ

GIÁM ĐỐC
CÔNG TY
T.N.H.H
MỘT THÀNH VIÊN
TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH
XÂY DỰNG
THÁI HÀ
TP. LAI CHÂU - T. LAI CHÂU

Ks. Trần Anh Tuấn

CÔNG TY TNHH MTV TƯ VẤN
KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG THÁI HÀ

SỐ: 03/2026/QĐ-TH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lai Châu, ngày 23 tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

V/v: Bổ nhiệm trưởng phòng thí nghiệm

GIÁM ĐỐC CÔNG TY TNHH MTV TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG THÁI HÀ

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/2014 của Quốc hội;
- Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung tại Điều 8 Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026;
- Căn cứ Điều lệ Công ty TNHH MTV tư vấn kiểm định xây dựng Thái Hà;
- Căn cứ yêu cầu tổ chức của Công ty TNHH MTV tư vấn kiểm định xây dựng Thái Hà;
- Xét trình độ chuyên môn và năng lực của cán bộ;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Bổ nhiệm Ông Hoàng Văn Anh.

Mang CMND/CCCD/Hộ chiếu số: 008085005622 do Cục trưởng cục cảnh sát QLHC về trật tự xã hội cấp ngày: 14/05/2024 giữ chức vụ Trưởng phòng thí nghiệm, phụ trách hoạt động: Thí nghiệm, kiểm định của công ty.

Điều 2: Ông Hoàng Văn Anh có trách nhiệm báo cáo đầy đủ và chịu trách nhiệm cá nhân trước Giám đốc về các hoạt động của mình theo quy định của công ty.

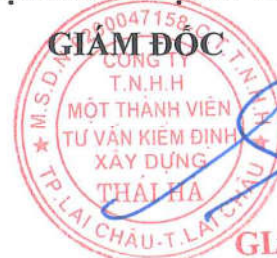
Điều 3: Các Phòng, ban và Ông Hoàng Văn Anh chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Điều 4: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT.

T/M CÔNG TY TNHH MTV TƯ VẤN
KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG THÁI HÀ



GIÁM ĐỐC
Ks. Trần Anh Tuấn

CÔNG TY TNHH MTV TƯ VẤN KIỂM
ĐỊNH XÂY DỰNG THÁI HÀ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỐ: 04/2026/QĐ-TH

Lai Châu, ngày 23 tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

V/v: Bổ nhiệm phó trưởng phòng thí nghiệm

GIÁM ĐỐC CÔNG TY TNHH MTV TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG THÁI HÀ

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/2014 của Quốc hội;
- Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung tại Điều 8 Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026;
- Căn cứ Điều lệ Công ty TNHH MTV tư vấn kiểm định xây dựng Thái Hà;
- Căn cứ yêu cầu tổ chức của Công ty TNHH MTV tư vấn kiểm định xây dựng Thái Hà;
- Xét trình độ chuyên môn và năng lực của cán bộ;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Bổ nhiệm Ông Điều Hoàng Anh.

Mang CMND/CCCD/Hộ chiếu số: 045122339 cấp ngày: 12/03/2020 tại CA tỉnh Lai Châu giữ chức vụ Phó trưởng phòng thí nghiệm, phụ trách hoạt động: Thí nghiệm, kiểm định của công ty.

Điều 2: Ông Điều Hoàng Anh có trách nhiệm báo cáo đầy đủ và chịu trách nhiệm cá nhân trước Giám đốc về các hoạt động của mình theo quy định của công ty.

Điều 3: Các Phòng, ban và Ông Điều Hoàng Anh chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Điều 4: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT.

**T/M CÔNG TY TNHH MTV TƯ VẤN
KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG THÁI HÀ**

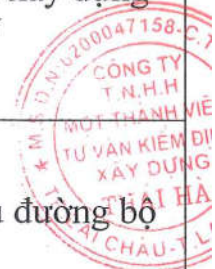


GIÁM ĐỐC

Ks. Trần Anh Tuấn

Danh sách nhân viên thí nghiệm :

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số chứng chỉ đào tạo thí nghiệm viên
1	Hoàng Văn Anh	Trưởng phòng thí nghiệm	- Quản lý phòng TN số: 30/05/2017/TNVL
2	Điêu Hoàng Anh	Phó phòng thí nghiệm	- Quản lý phòng TN số: 10821-A10826B/VNĐ/QL
3	Giàng A Vàng	Cán bộ thí nghiệm	- Chứng chỉ Thí nghiệm vật liệu xây dựng số: 7537-A4542B/VNĐ-TNV.
4	Nguyễn Đức Biên	Cán bộ thí nghiệm	- Chứng chỉ Thí nghiệm vật liệu xây dựng số: 03225-A02019B/VNĐ-TNV
5	Nguyễn Văn Cương	Cán bộ thí nghiệm	- Bằng nghề Thí nghiệm vật liệu đường bộ số: 000566344/LĐT BXH - DN
6	Tạ Văn Sơn	Cán bộ thí nghiệm	- Bằng nghề Thí nghiệm vật liệu đường bộ số: 001035056/LĐT BXH - DN
7	Đinh Sơn Lâm	Cán bộ thí nghiệm	- Bằng nghề Thí nghiệm vật liệu đường bộ số: 000556362/LĐT BXH - DN



8	Nguyễn Thành Trung	Cán bộ thí nghiệm	- Bằng nghề Thí nghiệm vật liệu đường bộ số: 001035063/LĐT BXH - DN
---	-----------------------	----------------------	--



Vv. Phân công công việc cho các cá nhân trong phòng thí nghiệm.

Căn cứ Điều lệ Công ty TNHH MTV tư vấn kiểm định xây dựng Thái Hà

Căn cứ yêu cầu tổ chức của công ty và trình độ chuyên môn và năng lực cán bộ của Phòng thí nghiệm./.

Bảng phân công nhiệm vụ, công việc của cán bộ phòng thí nghiệm;

Lĩnh vực phụ trách	Họ và tên	Chức vụ	Chức năng - Nhiệm vụ	Ghi chú
Quản lý phòng thí nghiệm	Hoàng Văn Anh	Trưởng phòng	<ul style="list-style-type: none">- Trưởng phòng thí nghiệm phụ trách chung điều hành công việc mọi hoạt động liên quan của các phòng thí nghiệm- Chịu trách nhiệm về công tác quản lý chất lượng, công tác thí nghiệm, tính trung thực, khách quan của các kết quả thí nghiệm của Phòng thí nghiệm xuất ra khỏi phòng trước khách hàng, trước ban lãnh đạo công ty và trước pháp luật.- Tham mưu cho Ban lãnh đạo công ty xây dựng chính sách chất lượng, định hướng phát triển của phòng thí nghiệm, xây dựng mối quan hệ với khách hàng- Tổ chức sắp xếp, tham mưu cho Ban lãnh đạo công ty tổ chức sắp xếp cán bộ nhân sự cho phòng thí nghiệm theo nhu cầu công việc để đạt được hiệu quả cao nhất- Trực tiếp điều động nhân sự trong phòng thí nghiệm phục vụ công tác thí nghiệm đáp ứng nhu cầu của khách hàng và tiến độ của công việc- Điều hành hoạt động của các Trạm thí nghiệm tại hiện trường khi có công trình yêu cầu đặt phòng thí nghiệm.	

			<ul style="list-style-type: none"> - Quản lý trang thiết bị thí nghiệm, có kế hoạch trong phòng thí nghiệm đảm bảo công tác quản lý tài sản của Công ty. - Tham gia xây dựng Hệ thống quản lý chất lượng cho phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn và quy chế quản lý phòng thí nghiệm hiện hành theo quy định. - Trực tiếp tham gia thí nghiệm và chịu trách nhiệm về các kết quả thí nghiệm của mình khi yêu cầu công việc cần sự đáp ứng về tiến độ, trình độ năng lực - Đề xuất với Ban lãnh đạo công ty về các chương trình đào tạo nâng cao tay nghề cho các thí nghiệm viên. - Quản lý trực tiếp quản lý hồ sơ, kết quả thí nghiệm, tiến độ các công trình mà công ty tham gia thí nghiệm.
Tiếp nhận mẫu, theo dõi và lưu mẫu, trả hồ sơ	<p>Giàng A Vàng</p> <p>Nguyễn Đức Biên</p> <p>Tạ Văn Sơn</p> <p>Đình Sơn Lâm</p>	<p>Trưởng phòng thí nghiệm hiện trường</p>	<p>Phụ trách chung điều hành công việc mọi hoạt động liên quan của các phòng thí nghiệm hiện trường</p> <p>Tiếp nhận tất cả các yêu cầu, thông tin phản ánh đến của khách hàng kể cả các thông tin khiếu nại của khách hàng để báo cáo Ban lãnh đạo Công ty,</p> <p>Tiếp nhận mẫu, Mã hóa mẫu thí nghiệm, chuyển đến cho cán bộ thí nghiệm, vào sổ lưu mẫu, theo dõi quá trình lưu mẫu, làm biên bản hủy mẫu theo quy định</p> <p>Trả Hồ sơ, kết quả thí nghiệm cho khách hàng và theo dõi Hồ sơ kết quả thí nghiệm</p> <p>Theo dõi, Quản lý các mẫu lưu theo định của công ty và của yêu cầu khách hàng.</p> <p>Theo dõi công nợ khách hàng, làm các Hồ sơ thanh toán các hợp đồng thí nghiệm</p>



<p>1, Thử nghiệm cơ lý xi măng 2, Thí nghiệm Bê tông và Bê tông nặng 3, Thí nghiệm cốt liệu cát, đá, sỏi, bột khoáng (Cốt liệu). Cấp phối 4, Thử nghiệm vữa xây 5, Thí nghiệm các chỉ tiêu cơ lý của nhựa và bê tông nhựa</p>	<p>Giàng A Vàng Nguyễn Đức Biên Nguyễn Văn Cương Tạ Văn Sơn Đinh Sơn Lâm Nguyễn Thành Trung.</p>	<p>Nhân Viên thí nghiệm</p>	<p>- Chức năng: Phụ trách công tác thí nghiệm, thử nghiệm cho các lĩnh vực: 1, Thử nghiệm cơ lý xi măng 2, Thí nghiệm Bê tông và Bê tông nặng 3, Thí nghiệm (Cấp phối) cốt liệu cát, đá, sỏi, bột khoáng Cốt liệu... 4, Thử nghiệm vữa xây dựng 5, Thí nghiệm các chỉ tiêu cơ lý của nhựa và bê tông nhựa</p> <p>- Nhiệm vụ: + Chịu trách nhiệm lập các quy trình, chuẩn bị các dụng cụ, máy móc phục vụ công tác thí nghiệm, thực hiện thí nghiệm, phân tích đánh giá kết quả, xuất kết quả theo biểu mẫu quy định tại tiêu chuẩn, trình lãnh đạo phê duyệt kết quả, trả kết quả cho người tiếp nhận để trả kết quả cho khách hàng + Tư vấn, đề xuất với trưởng phòng về các điều kiện để thực hiện thí nghiệm một cách khách quan, trung thực + Hỗ trợ các bộ phận khác khi có yêu cầu của trưởng phòng + Tham mưu, tư vấn cho lãnh đạo các trong việc xây dựng các hướng dẫn thí nghiệm trong lĩnh vực phụ trách + Hỗ trợ các công việc khác của phòng thí nghiệm khi có yêu cầu của cấp trên.</p>	
<p>1, Thí nghiệm tại hiện trường 2. thí nghiệm ống nhựa, kính, gỗ, bentonine, vải địa, ..</p>	<p>Giàng A Vàng Nguyễn Đức Biên Nguyễn Văn Cương Tạ Văn Sơn Đinh Sơn Lâm Nguyễn Thành Trung.</p>	<p>Nhân viên thí nghiệm</p>	<p>- Chức năng: Phụ trách công tác thí nghiệm, thử nghiệm cho các lĩnh vực: 1, Thí nghiệm tại hiện trường + Chịu trách nhiệm lập các quy trình thí nghiệm, chuẩn bị các dụng cụ, máy móc phục vụ công tác thí nghiệm, thực hiện thí nghiệm, phân tích đánh giá kết quả, xuất kết quả</p>	

04
T.N
TH
AN
AY
TH
TH

			<p>theo biểu mẫu quy định tại tiêu chuẩn, trình lãnh đạo phê duyệt kết quả, trả kết quả cho người tiếp nhận mẫu hoặc trong một số trường hợp thì phải trả kết quả cho khách hàng, quản lý, lưu trữ hồ sơ, kết quả thí nghiệm, lưu trữ mẫu thí nghiệm cần lưu (khi có yêu cầu của Lãnh đạo phòng)</p> <p>+ Tư vấn, đề xuất với trưởng phòng về các điều kiện để thực hiện thí nghiệm một cách khách quan, trung thực</p> <p>+ Hỗ trợ các bộ phận khác khi có yêu cầu của trưởng phòng</p> <p>+ Tham mưu, tư vấn cho lãnh đạo các trong việc xây dựng các hướng dẫn thí nghiệm trong lĩnh vực phụ trách</p> <p>+ Thực hiện các công việc khác của phòng thí nghiệm khi có yêu cầu của trưởng phòng thí nghiệm</p>
1, Thí nghiệm Thép – Kim loại và mối hàn	<p>Giàng A Vàng</p> <p>Nguyễn Đức Biên</p> <p>Nguyễn Văn Cương</p> <p>Tạ Văn Sơn</p> <p>Đình Sơn Lâm</p> <p>Nguyễn Thành Trung.</p>	Nhân viên thí nghiệm	<p>- Chức năng:</p> <p>Phụ trách công tác thí nghiệm, thử nghiệm cho các lĩnh vực:</p> <p>1, Thí nghiệm Thép – Kim loại và mối hàn</p> <p>+ Chịu trách nhiệm lập các quy trình thí nghiệm, chuẩn bị các dụng cụ, máy móc phục vụ công tác thí nghiệm, thực hiện thí nghiệm, phân tích đánh giá kết quả, xuất kết quả theo biểu mẫu quy định tại tiêu chuẩn, trình lãnh đạo phê duyệt kết quả, trả kết quả cho người tiếp nhận mẫu hoặc trong một số trường hợp thì phải trả kết quả cho khách hàng, quản lý, lưu trữ hồ sơ, kết quả thí nghiệm, lưu trữ mẫu thí nghiệm cần lưu (khi có yêu cầu của Lãnh đạo phòng)</p> <p>+ Tư vấn, đề xuất với trưởng phòng về các điều kiện để thực hiện thí nghiệm một cách khách</p>

			<p>quan, trung thực</p> <p>+ Hỗ trợ các bộ phận khác khi có yêu cầu của trưởng phòng</p> <p>+ Tham mưu, tư vấn cho lãnh đạo các trong việc xây dựng các hướng dẫn thí nghiệm trong lĩnh vực phụ trách</p> <p>+ Thực hiện các công việc khác của phòng thí nghiệm khi có yêu cầu của trưởng phòng thí nghiệm</p>	
1, Thí nghiệm Hóa nước cho xây dựng	<p>Giảng A Vàng</p> <p>Nguyễn Đức Biên</p> <p>Nguyễn Văn Cương</p> <p>Tạ Văn Sơn</p> <p>Đinh Sơn Lâm</p> <p>Nguyễn Thành Trung.</p>	Nhân viên thí nghiệm	<p>- Chức năng:</p> <p>Phụ trách công tác thí nghiệm, thử nghiệm cho các lĩnh vực:</p> <p>1, Thí nghiệm các chỉ tiêu phân tích hóa nước cho xây dựng</p> <p>+ Chịu trách nhiệm lập các quy trình thí nghiệm, chuẩn bị các dụng cụ, máy móc phục vụ công tác thí nghiệm, thực hiện thí nghiệm, phân tích đánh giá kết quả, xuất kết quả theo biểu mẫu quy định tại tiêu chuẩn, trình lãnh đạo phê duyệt kết quả, trả kết quả cho người tiếp nhận mẫu hoặc trong một số trường hợp thì phải trả kết quả cho khách hàng, quản lý, lưu trữ hồ sơ, kết quả thí nghiệm, lưu trữ mẫu thí nghiệm cần lưu (khi có yêu cầu của Lãnh đạo phòng)</p> <p>+ Tư vấn, đề xuất với trưởng phòng về các điều kiện để thực hiện thí nghiệm một cách khách quan, trung thực</p> <p>+ Hỗ trợ các bộ phận khác khi có yêu cầu của trưởng phòng</p> <p>+ Tham mưu, tư vấn cho lãnh đạo các trong việc xây dựng các hướng dẫn thí nghiệm trong lĩnh vực phụ trách</p> <p>+ Thực hiện các công việc khác của phòng thí nghiệm khi có yêu cầu của trưởng phòng thí nghiệm</p>	
1, Thí nghiệm cơ lý gạch xây	Giảng A Vàng	Thí nghiệm	- Chức năng:	

<p>2, Thí nghiệm cơ lý gạch Bloc bê tông 3, Thí nghiệm cơ lý gạch bê tông tự chèn</p>	<p>Nguyễn Đức Biên Nguyễn Văn Cương Tạ Văn Sơn Đình Sơn Lâm Nguyễn Thành Trung.</p>	<p>viên</p>	<p>Phụ trách công tác thí nghiệm, thử nghiệm cho các lĩnh vực:</p> <p>1, Thí nghiệm cơ lý gạch xây 2, Thí nghiệm cơ lý gạch Bloc bê tông 3, Thí nghiệm cơ lý gạch bê tông tự chèn</p> <p>+ Chịu trách nhiệm lập các quy trình thí nghiệm, chuẩn bị các dụng cụ, máy móc phục vụ công tác thí nghiệm, thực hiện thí nghiệm, phân tích đánh giá kết quả, xuất kết quả theo biểu mẫu quy định tại tiêu chuẩn, trình lãnh đạo phê duyệt kết quả, trả kết quả cho người tiếp nhận mẫu hoặc trong một số trường hợp thì phải trả kết quả cho khách hàng, quản lý, lưu trữ hồ sơ, kết quả thí nghiệm, lưu trữ mẫu thí nghiệm cần lưu (khi có yêu cầu của Lãnh đạo phòng)</p> <p>+ Tư vấn, đề xuất với trưởng phòng về các điều kiện để thực hiện thí nghiệm một cách khách quan, trung thực</p> <p>+ Hỗ trợ các bộ phận khác khi có yêu cầu của trưởng phòng</p> <p>+ Tham mưu, tư vấn cho lãnh đạo các trong việc xây dựng các hướng dẫn thí nghiệm trong lĩnh vực phụ trách</p> <p>+ Trong một số trường hợp thì phải trực tiếp tiếp nhận yêu cầu của khách hàng, mã hóa mẫu thí nghiệm, vào sổ lưu trữ thông tin, lưu mẫu thí nghiệm tại hiện trường (nếu có yêu cầu của Lãnh đạo phòng)</p>	
<p>Thống kê, theo dõi, xây dựng, cập nhật, thay đổi, giám sát hệ thống quản lý chất lượng phòng thí nghiệm</p>	<p>Giàng A Vàng Nguyễn Đức Biên Tạ Văn Sơn Đình Sơn Lâm</p>	<p>Quản lý hệ thống chất lượng</p>	<p>Ông Nguyễn Đức Biên, được giao trách nhiệm tham khảo các phòng ban, trực tiếp xây dựng các quy trình quản lý hoạt động của Phòng thí nghiệm, hỗ trợ lãnh đạo theo dõi, giám sát, bổ sung, cập nhật và thay đổi các quy trình, biểu mẫu để phù hợp với yêu cầu của phòng thí</p>	

ISO17025:20115		nghiệm theo từng giai đoạn	
----------------	--	----------------------------	--

**CÔNG TY TNHH MTV TƯ VẤN KIỂM
ĐỊNH XÂY DỰNG THÁI HÀ**



Trần Anh Tuấn

GIÁM ĐỐC
Ks. Trần Anh Tuấn

Lai Châu, ngày 06 tháng 02 năm 2026

HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 21/2003/TT-BLĐTBXH
ngày 22/9/2003 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)*

Chúng tôi, một bên là Ông/Bà: **Trần Anh Tuấn** (Người sử dụng LĐ).

Quốc tịch: Việt Nam.

Chức vụ: Giám đốc.

Đại diện cho (1): Công ty TNHH MTV TVKĐ XD Thái Hà

Địa chỉ: Số nhà 60, đường Chu Văn An, tổ 1, Phường Đoàn Kết, tỉnh Lai Châu.

Điện thoại: 0974190999

Và một bên là Ông/Bà: **Hoàng Văn Anh**. Quốc tịch: Việt Nam.

Sinh năm 25/8/1985, tại Tuyên Quang

Nghề nghiệp (2):

Địa chỉ thường trú: Tổ 7 Phường Đoàn Kết, TP Lai Châu, tỉnh Lai Châu.

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu số: 008085005622 do Cục trưởng cục cảnh sát QLHC về trật tự xã hội cấp ngày: 30/07/2025.

Thỏa thuận ký kết hợp đồng lao động và cam kết làm đúng những điều khoản sau đây:

Điều 1. Thời hạn và công việc hợp đồng

- Loại hợp đồng lao động (3): Xác định thời hạn.
- Thử việc: Công ty không áp dụng thử việc kể từ ngày ký hợp đồng lao động.
- Địa điểm làm việc (4): Tại văn phòng Công ty và các công trình do Công ty tổ chức thi công, lắp đặt thiết bị. Theo yêu cầu công việc, người lao động còn phải sẵn sàng đi công tác ngoại tỉnh trong bất cứ hoàn cảnh nào mà không được phép có lý do trì hoãn ảnh hưởng đến công việc của Công ty, trường hợp thật đặc biệt Công ty sẽ xem xét cụ thể để giải quyết.
- Chức danh chuyên môn: Theo quyết định của Công ty.
- Chức vụ (nếu có): Nếu hoàn thành tốt các công việc một cách xuất sắc sẽ được lãnh đạo Công ty xem xét bổ nhiệm chức vụ phù hợp với khả năng cá nhân sau khi chấp thuận đề xuất của thủ trưởng bộ phận công tác.
- Công việc phải làm (5):

+ Thực hiện các công việc chuyên môn, nghiệp vụ thuộc lĩnh vực của Công ty. Chịu trách nhiệm cá nhân về những công việc do mình được phân công trong quá trình công tác.

+ Thực hiện nghiêm chỉnh các nội quy, quy chế của Công ty đề ra. Đảm bảo tính bí mật các thông tin của Công ty. Nếu vi phạm quy định này sẽ bị Ban lãnh đạo Công ty thi hành kỷ luật theo từng mức độ và xem xét truy tố trước pháp luật.

+ Không ngừng trau dồi chuyên môn, nghiệp vụ để phục vụ tốt công tác được giao, chịu sự kiểm tra thường xuyên về nghiệp vụ của Công ty. Trình độ nhân viên là cơ sở để xét tăng lương.

+ Nghiêm chỉnh chấp hành thời gian và kỷ luật lao động. Phải hoàn thành công việc được giao đúng thời hạn để đảm bảo tiến độ công việc với đối tác.

+ Có ý thức tự giác xây dựng thương hiệu và phát triển Công ty, không có bất kỳ hành động nào làm ảnh hưởng đến uy tín, lợi ích của Công ty.

+ Cam kết hoàn thành công việc đúng thời hạn được giao. Khắc phục khó khăn để hoàn thành tốt công việc được giao.

+ Sắp xếp hồ sơ, tài liệu một cách gọn gàng, ngăn nắp, có ý thức tiết kiệm chi phí cho Công ty.

+ Có tinh thần chủ động trong công việc và hỗ trợ đồng nghiệp hoàn thành công việc được giao.

Điều 2. Chế độ làm việc

Thời giờ làm việc (6): Thời gian làm việc là 44 giờ/tuần. Do yêu cầu công việc và đặc thù của công việc, Công ty sẽ yêu cầu người lao động thực hiện làm việc ngoài giờ để hoàn thành nhiệm vụ, thời gian làm ngoài giờ Công ty sẽ trả lương làm ngoài giờ.

Không được sử dụng thời gian làm việc vào việc riêng. Các trường hợp khác theo quyết định của ban lãnh đạo Công ty.

Được cấp phát những dụng cụ làm việc gồm: Các vật dụng cần thiết phục vụ công việc của Công ty như: Máy tính, túi, sổ, văn phòng phẩm, USB... Nếu người lao động để mất, hỏng phải chịu trách nhiệm trước Công ty và phải bồi thường vật chất cho Công ty.

Điều 3. Nghĩa vụ và quyền lợi của người lao động

1. Quyền lợi:

- Phương tiện đi lại làm việc (7): Phương tiện đi lại do người lao động tự túc.
- Mức lương chính hoặc tiền công (8): Theo quy định hiện hành của Nhà nước, của Công ty và năng lực của người lao động. Mức lương chính bao gồm:
 - + Lương cơ bản.
 - + Lương hiệu quả (sản phẩm) hoặc theo chính sách trả lương của Công ty.
- Hình thức trả lương: Tiền mặt hoặc chuyển khoản.

- Phụ cấp gồm (9): Công ty sẽ trả tiền phụ cấp trách nhiệm nhưng có thể sẽ giảm trừ hoặc không chi trả nếu chất lượng công việc kém theo đề nghị của Trưởng bộ phận phụ trách hoặc theo đề nghị của ban lãnh đạo Công ty. Phụ cấp công tác phí ngoại tỉnh theo thông báo của ban lãnh đạo Công ty theo từng thời kỳ và theo quy định của Nhà nước.

- Được trả lương vào các ngày 10 hàng tháng.

- Tiền thưởng: Theo quy chế của Công ty và quyết định của ban lãnh đạo Công ty.

- Chế độ nâng lương: Theo quy định chung của Nhà nước và Công ty, do năng lực của người lao động có thể được Công ty nâng lương định kỳ hoặc đột xuất phụ thuộc vào chất lượng công việc hoàn thành của người lao động.

- Được trang bị bảo hộ lao động gồm: Tất cả các loại bảo hộ lao động.

- Chế độ nghỉ ngơi (nghỉ hàng tuần, phép năm, lễ tết...): Theo quy định của Nhà nước. Mọi trường hợp nghỉ khác phải có lý do chính đáng và báo cáo nghỉ.

- Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế (10): Người lao động làm việc lâu dài tại Công ty sẽ được thực hiện chế độ Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế đầy đủ theo quy định của Nhà nước.

- Chế độ đào tạo (11): Người lao động được tham gia bồi dưỡng các lớp tập huấn nghiệp vụ.

- Những thoả thuận khác (12): Công ty có trách nhiệm tạo điều kiện để người lao động thực hiện và phát huy hết khả năng trong công việc. Người lao động vi phạm kỷ luật sẽ chịu kỷ luật của Công ty. Người lao động nếu nghỉ việc hoặc chuyển công tác phải báo cho Công ty trước 45 ngày bằng văn bản, trong khoảng thời gian này người lao động vẫn làm việc bình thường.

2. Nghĩa vụ:

- Hoàn thành những công việc đã cam kết trong hợp đồng lao động.

- Chấp hành lệnh điều động công tác, nội quy kỷ luật lao động, an toàn lao động...

- Bồi thường vi phạm và vật chất (13): Người lao động gây thiệt hại cho Công ty phải bồi thường chi phí theo quyết định của ban Giám đốc. Các bồi thường vật chất phải được thực hiện trong vòng 07 ngày kể từ khi có thông báo của Công ty, quá thời hạn này người chịu bồi thường vật chất chịu lãi suất 12%/1năm.

Điều 4. Nghĩa vụ và quyền hạn của người sử dụng lao động

1. Nghĩa vụ:

- Bảo đảm việc làm và thực hiện đầy đủ những điều đã cam kết trong hợp đồng lao động.

- Thanh toán đầy đủ, đúng thời hạn các chế độ và quyền lợi cho người lao động theo hợp đồng lao động, thoả ước lao động tập thể (nếu có).

2. Quyền hạn:

- Điều hành người lao động hoàn thành công việc theo hợp đồng (bố trí, điều chuyển, tạm ngừng việc...).

- Tạm hoãn, chấm dứt hợp đồng lao động, kỷ luật người lao động theo quy định của pháp luật, thoả ước lao động tập thể (nếu có) và nội quy lao động của doanh nghiệp.

Điều 5. Điều khoản thi hành

- Những vấn đề về lao động không ghi trong hợp đồng lao động này thì áp dụng quy định của thoả ước tập thể, trường hợp chưa có thoả ước tập thể thì áp dụng quy định của pháp luật lao động.

- Hợp đồng lao động được làm thành 02 bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ một bản và có hiệu lực từ ngày ký. Khi hai bên ký kết phụ lục hợp đồng lao động thì nội dung của phụ lục hợp đồng lao động cũng có giá trị như các nội dung của bản hợp đồng lao động này.

Hợp đồng được này làm tại văn phòng Công ty TNHH MTV TVKĐ XD Thái Hà./.

NGƯỜI LAO ĐỘNG

Hoàng Văn Anh

NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG



Trần Anh Tuấn



Lai Châu, ngày 06 tháng 02 năm 2026

HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 21/2003/TT-BLĐTBXH
ngày 22/9/2003 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)*

Chúng tôi, một bên là Ông/Bà: **Trần Anh Tuấn** (Người sử dụng LĐ).

Quốc tịch: Việt Nam.

Chức vụ: Giám đốc.

Đại diện cho (1): Công ty TNHH MTV TVKĐ XD Thái Hà

Địa chỉ: Số nhà 60, đường Chu Văn An, tổ 1, Phường Đoàn Kết, tỉnh Lai Châu.

Điện thoại: 0974190999

Và một bên là Ông/Bà: **Điêu Hoàng Anh**. Quốc tịch: Việt Nam.

Sinh năm 03/9/1995, tại Lai Châu

Nghề nghiệp (2):

Địa chỉ thường trú: Phường Tân Phong, TP Lai Châu, tỉnh Lai Châu.

Số CMND: 045122339 cấp ngày 12 tháng 03 năm 2020 Tại: CA tỉnh.

Thỏa thuận ký kết hợp đồng lao động và cam kết làm đúng những điều khoản sau đây:

Điều 1. Thời hạn và công việc hợp đồng

- Loại hợp đồng lao động (3): Xác định thời hạn.
- Thử việc: Công ty không áp dụng thử việc kể từ ngày ký hợp đồng lao động.
- Địa điểm làm việc (4): Tại văn phòng Công ty và các công trình do Công ty tổ chức thi công, lắp đặt thiết bị. Theo yêu cầu công việc, người lao động còn phải sẵn sàng đi công tác ngoại tỉnh trong bất cứ hoàn cảnh nào mà không được phép có lý do trì hoãn ảnh hưởng đến công việc của Công ty, trường hợp thật đặc biệt Công ty sẽ xem xét cụ thể để giải quyết.
- Chức danh chuyên môn: Theo quyết định của Công ty.
- Chức vụ (nếu có): Nếu hoàn thành tốt các công việc một cách xuất sắc sẽ được lãnh đạo Công ty xem xét bổ nhiệm chức vụ phù hợp với khả năng cá nhân sau khi chấp thuận đề xuất của thủ trưởng bộ phận công tác.
- Công việc phải làm (5):

+ Thực hiện các công việc chuyên môn, nghiệp vụ thuộc lĩnh vực của Công ty. Chịu trách nhiệm cá nhân về những công việc do mình được phân công trong quá trình công tác.

+ Thực hiện nghiêm chỉnh các nội quy, quy chế của Công ty đề ra. Đảm bảo tính bí mật các thông tin của Công ty. Nếu vi phạm quy định này sẽ bị Ban lãnh đạo Công ty thi hành kỷ luật theo từng mức độ và xem xét truy tố trước pháp luật.

+ Không ngừng trau dồi chuyên môn, nghiệp vụ để phục vụ tốt công tác được giao, chịu sự kiểm tra thường xuyên về nghiệp vụ của Công ty. Trình độ nhân viên là cơ sở để xét tăng lương.

+ Nghiêm chỉnh chấp hành thời gian và kỷ luật lao động. Phải hoàn thành công việc được giao đúng thời hạn để đảm bảo tiến độ công việc với đối tác.

+ Có ý thức tự giác xây dựng thương hiệu và phát triển Công ty, không có bất kỳ hành động nào làm ảnh hưởng đến uy tín, lợi ích của Công ty.

+ Cam kết hoàn thành công việc đúng thời hạn được giao. Khắc phục khó khăn để hoàn thành tốt công việc được giao.

+ Sắp xếp hồ sơ, tài liệu một cách gọn gàng, ngăn nắp, có ý thức tiết kiệm chi phí cho Công ty.

+ Có tinh thần chủ động trong công việc và hỗ trợ đồng nghiệp hoàn thành công việc được giao.

Điều 2. Chế độ làm việc

Thời giờ làm việc (6): Thời gian làm việc là 44 giờ/tuần. Do yêu cầu công việc và đặc thù của công việc, Công ty sẽ yêu cầu người lao động thực hiện làm việc ngoài giờ để hoàn thành nhiệm vụ, thời gian làm ngoài giờ Công ty sẽ trả lương làm ngoài giờ.

Không được sử dụng thời gian làm việc vào việc riêng. Các trường hợp khác theo quyết định của ban lãnh đạo Công ty.

Được cấp phát những dụng cụ làm việc gồm: Các vật dụng cần thiết phục vụ công việc của Công ty như: Máy tính, túi, sổ, văn phòng phẩm, USB... Nếu người lao động để mất, hỏng phải chịu trách nhiệm trước Công ty và phải bồi thường vật chất cho Công ty.

Điều 3. Nghĩa vụ và quyền lợi của người lao động

1. Quyền lợi:

- Phương tiện đi lại làm việc (7): Phương tiện đi lại do người lao động tự túc.
- Mức lương chính hoặc tiền công (8): Theo quy định hiện hành của Nhà nước, của Công ty và năng lực của người lao động. Mức lương chính bao gồm:
 - + Lương cơ bản.
 - + Lương hiệu quả (sản phẩm) hoặc theo chính sách trả lương của Công ty.
- Hình thức trả lương: Tiền mặt hoặc chuyển khoản.

- Phụ cấp gồm (9): Công ty sẽ trả tiền phụ cấp trách nhiệm nhưng có thể sẽ giảm trừ hoặc không chi trả nếu chất lượng công việc kém theo đề nghị của Trưởng bộ phận phụ trách hoặc theo đề nghị của ban lãnh đạo Công ty. Phụ cấp công tác phí ngoại tỉnh theo thông báo của ban lãnh đạo Công ty theo từng thời kỳ và theo quy định của Nhà nước.

- Được trả lương vào các ngày 10 hàng tháng.

- Tiền thưởng: Theo quy chế của Công ty và quyết định của ban lãnh đạo Công ty.

- Chế độ nâng lương: Theo quy định chung của Nhà nước và Công ty, do năng lực của người lao động có thể được Công ty nâng lương định kỳ hoặc đột xuất phụ thuộc vào chất lượng công việc hoàn thành của người lao động.

- Được trang bị bảo hộ lao động gồm: Tất cả các loại bảo hộ lao động.

- Chế độ nghỉ ngơi (nghỉ hàng tuần, phép năm, lễ tết...): Theo quy định của Nhà nước. Mọi trường hợp nghỉ khác phải có lý do chính đáng và báo cáo nghỉ.

- Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế (10): Người lao động làm việc lâu dài tại Công ty sẽ được thực hiện chế độ Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế đầy đủ theo quy định của Nhà nước.

- Chế độ đào tạo (11): Người lao động được tham gia bồi dưỡng các lớp tập huấn nghiệp vụ.

- Những thoả thuận khác (12): Công ty có trách nhiệm tạo điều kiện để người lao động thực hiện và phát huy hết khả năng trong công việc. Người lao động vi phạm kỷ luật sẽ chịu kỷ luật của Công ty. Người lao động nếu nghỉ việc hoặc chuyển công tác phải báo cho Công ty trước 45 ngày bằng văn bản, trong khoảng thời gian này người lao động vẫn làm việc bình thường.

2. Nghĩa vụ:

- Hoàn thành những công việc đã cam kết trong hợp đồng lao động.

- Chấp hành lệnh điều động công tác, nội quy kỷ luật lao động, an toàn lao động...

- Bồi thường vi phạm và vật chất (13): Người lao động gây thiệt hại cho Công ty phải bồi thường chi phí theo quyết định của ban Giám đốc. Các bồi thường vật chất phải được thực hiện trong vòng 07 ngày kể từ khi có thông báo của Công ty, quá thời hạn này người chịu bồi thường vật chất chịu lãi suất 12%/1năm.

Điều 4. Nghĩa vụ và quyền hạn của người sử dụng lao động

1. Nghĩa vụ:

- Bảo đảm việc làm và thực hiện đầy đủ những điều đã cam kết trong hợp đồng lao động.

- Thanh toán đầy đủ, đúng thời hạn các chế độ và quyền lợi cho người lao động theo hợp đồng lao động, thoả ước lao động tập thể (nếu có).

2. Quyền hạn:

- Điều hành người lao động hoàn thành công việc theo hợp đồng (bổ trí, điều chuyển, tạm ngừng việc...).

- Tạm hoãn, chấm dứt hợp đồng lao động, kỷ luật người lao động theo quy định của pháp luật, thoả ước lao động tập thể (nếu có) và nội quy lao động của doanh nghiệp.

Điều 5. Điều khoản thi hành

- Những vấn đề về lao động không ghi trong hợp đồng lao động này thì áp dụng quy định của thoả ước tập thể, trường hợp chưa có thoả ước tập thể thì áp dụng quy định của pháp luật lao động.

- Hợp đồng lao động được làm thành 02 bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ một bản và có hiệu lực từ ngày ký. Khi hai bên ký kết phụ lục hợp đồng lao động thì nội dung của phụ lục hợp đồng lao động cũng có giá trị như các nội dung của bản hợp đồng lao động này.

Hợp đồng được này làm tại văn phòng Công ty TNHH MTV TVKĐ XD Thái Hà./.

NGƯỜI LAO ĐỘNG

Đieu Hoang Anh

NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG



Trần Anh Tuấn



Lai Châu, ngày 06 tháng 02 năm 2026

HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 21/2003/TT-BLĐTBXH
ngày 22/9/2003 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)*

Chúng tôi, một bên là Ông/Bà: **Trần Anh Tuấn** (Người sử dụng LĐ).

Quốc tịch: Việt Nam.

Chức vụ: Giám đốc.

Đại diện cho (1): **Công ty TNHH MTV TVKĐ XD Thái Hà**

Địa chỉ: Số nhà 60, đường Chu Văn An, tổ 1, Phường Đoàn Kết, tỉnh Lai Châu.

Điện thoại: 0974190999

Và một bên là Ông/Bà: **Giàng A Vàng**. Quốc tịch: Việt Nam.

Sinh năm 05/1/1991, tại Lai Châu

Nghề nghiệp (2):

Địa chỉ thường trú: Xã Mù Sang, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.

Số CMND: cấp ngày Tại: CA tỉnh Lai Châu.

Thỏa thuận ký kết hợp đồng lao động và cam kết làm đúng những điều khoản sau đây:

Điều 1. Thời hạn và công việc hợp đồng

- Loại hợp đồng lao động (3): Xác định thời hạn.
- Thử việc: Công ty không áp dụng thử việc kể từ ngày ký hợp đồng lao động.
- Địa điểm làm việc (4): Tại văn phòng Công ty và các công trình do Công ty tổ chức thi công, lắp đặt thiết bị. Theo yêu cầu công việc, người lao động còn phải sẵn sàng đi công tác ngoại tỉnh trong bất cứ hoàn cảnh nào mà không được phép có lý do trì hoãn ảnh hưởng đến công việc của Công ty, trường hợp thật đặc biệt Công ty sẽ xem xét cụ thể để giải quyết.
- Chức danh chuyên môn: Theo quyết định của Công ty.
- Chức vụ (nếu có): Nếu hoàn thành tốt các công việc một cách xuất sắc sẽ được lãnh đạo Công ty xem xét bổ nhiệm chức vụ phù hợp với khả năng cá nhân sau khi chấp thuận đề xuất của thủ trưởng bộ phận công tác.
- Công việc phải làm (5):

+ Thực hiện các công việc chuyên môn, nghiệp vụ thuộc lĩnh vực của Công ty. Chịu trách nhiệm cá nhân về những công việc do mình được phân công trong quá trình công tác.

+ Thực hiện nghiêm chỉnh các nội quy, quy chế của Công ty đề ra. Đảm bảo tính bí mật các thông tin của Công ty. Nếu vi phạm quy định này sẽ bị Ban lãnh đạo Công ty thi hành kỷ luật theo từng mức độ và xem xét truy tố trước pháp luật.

+ Không ngừng trau dồi chuyên môn, nghiệp vụ để phục vụ tốt công tác được giao, chịu sự kiểm tra thường xuyên về nghiệp vụ của Công ty. Trình độ nhân viên là cơ sở để xét tăng lương.

+ Nghiêm chỉnh chấp hành thời gian và kỷ luật lao động. Phải hoàn thành công việc được giao đúng thời hạn để đảm bảo tiến độ công việc với đối tác.

+ Có ý thức tự giác xây dựng thương hiệu và phát triển Công ty, không có bất kỳ hành động nào làm ảnh hưởng đến uy tín, lợi ích của Công ty.

+ Cam kết hoàn thành công việc đúng thời hạn được giao. Khắc phục khó khăn để hoàn thành tốt công việc được giao.

+ Sắp xếp hồ sơ, tài liệu một cách gọn gàng, ngăn nắp, có ý thức tiết kiệm chi phí cho Công ty.

+ Có tinh thần chủ động trong công việc và hỗ trợ đồng nghiệp hoàn thành công việc được giao.

Điều 2. Chế độ làm việc

Thời giờ làm việc (6): Thời gian làm việc là 44 giờ/tuần. Do yêu cầu công việc và đặc thù của công việc, Công ty sẽ yêu cầu người lao động thực hiện làm việc ngoài giờ để hoàn thành nhiệm vụ, thời gian làm ngoài giờ Công ty sẽ trả lương làm ngoài giờ.

Không được sử dụng thời gian làm việc vào việc riêng. Các trường hợp khác theo quyết định của ban lãnh đạo Công ty.

Được cấp phát những dụng cụ làm việc gồm: Các vật dụng cần thiết phục vụ công việc của Công ty như: Máy tính, túi, sổ, văn phòng phẩm, USB... Nếu người lao động để mất, hỏng phải chịu trách nhiệm trước Công ty và phải bồi thường vật chất cho Công ty.

Điều 3. Nghĩa vụ và quyền lợi của người lao động

1. Quyền lợi:

- Phương tiện đi lại làm việc (7): Phương tiện đi lại do người lao động tự túc.
- Mức lương chính hoặc tiền công (8): Theo quy định hiện hành của Nhà nước, của Công ty và năng lực của người lao động. Mức lương chính bao gồm:
 - + Lương cơ bản.
 - + Lương hiệu quả (sản phẩm) hoặc theo chính sách trả lương của Công ty.
- Hình thức trả lương: Tiền mặt hoặc chuyển khoản.

1047
CÔNG
T. N. I
THA
N. K
AY I
THA
HAI

- Phụ cấp gồm (9): Công ty sẽ trả tiền phụ cấp trách nhiệm nhưng có thể sẽ giảm trừ hoặc không chi trả nếu chất lượng công việc kém theo đề nghị của Trưởng bộ phận phụ trách hoặc theo đề nghị của ban lãnh đạo Công ty. Phụ cấp công tác phí ngoại tỉnh theo thông báo của ban lãnh đạo Công ty theo từng thời kỳ và theo quy định của Nhà nước.

- Được trả lương vào các ngày 10 hàng tháng.

- Tiền thưởng: Theo quy chế của Công ty và quyết định của ban lãnh đạo Công ty.

- Chế độ nâng lương: Theo quy định chung của Nhà nước và Công ty, do năng lực của người lao động có thể được Công ty nâng lương định kỳ hoặc đột xuất phụ thuộc vào chất lượng công việc hoàn thành của người lao động.

- Được trang bị bảo hộ lao động gồm: Tất cả các loại bảo hộ lao động.

- Chế độ nghỉ ngơi (nghỉ hàng tuần, phép năm, lễ tết...): Theo quy định của Nhà nước. Mọi trường hợp nghỉ khác phải có lý do chính đáng và báo cáo nghỉ.

- Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế (10): Người lao động làm việc lâu dài tại Công ty sẽ được thực hiện chế độ Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế đầy đủ theo quy định của Nhà nước.

- Chế độ đào tạo (11): Người lao động được tham gia bồi dưỡng các lớp tập huấn nghiệp vụ.

- Những thoả thuận khác (12): Công ty có trách nhiệm tạo điều kiện để người lao động thực hiện và phát huy hết khả năng trong công việc. Người lao động vi phạm kỷ luật sẽ chịu kỷ luật của Công ty. Người lao động nếu nghỉ việc hoặc chuyển công tác phải báo cho Công ty trước 45 ngày bằng văn bản, trong khoảng thời gian này người lao động vẫn làm việc bình thường.

2. Nghĩa vụ:

- Hoàn thành những công việc đã cam kết trong hợp đồng lao động.

- Chấp hành lệnh điều động công tác, nội quy kỷ luật lao động, an toàn lao động...

- Bồi thường vi phạm và vật chất (13): Người lao động gây thiệt hại cho Công ty phải bồi thường chi phí theo quyết định của ban Giám đốc. Các bồi thường vật chất phải được thực hiện trong vòng 07 ngày kể từ khi có thông báo của Công ty, quá thời hạn này người chịu bồi thường vật chất chịu lãi suất 12%/1năm.

Điều 4. Nghĩa vụ và quyền hạn của người sử dụng lao động

1. Nghĩa vụ:

- Bảo đảm việc làm và thực hiện đầy đủ những điều đã cam kết trong hợp đồng lao động.

- Thanh toán đầy đủ, đúng thời hạn các chế độ và quyền lợi cho người lao động theo hợp đồng lao động, thoả ước lao động tập thể (nếu có).

2. Quyền hạn:

3-C.7
Y
4
VIỆ
ĐI
NG
HÀ
C.L.P

- Điều hành người lao động hoàn thành công việc theo hợp đồng (bổ trí, điều chuyển, tạm ngừng việc...).

- Tạm hoãn, chấm dứt hợp đồng lao động, kỷ luật người lao động theo quy định của pháp luật, thoả ước lao động tập thể (nếu có) và nội quy lao động của doanh nghiệp.

Điều 5. Điều khoản thi hành

- Những vấn đề về lao động không ghi trong hợp đồng lao động này thì áp dụng quy định của thoả ước tập thể, trường hợp chưa có thoả ước tập thể thì áp dụng quy định của pháp luật lao động.

- Hợp đồng lao động được làm thành 02 bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ một bản và có hiệu lực từ ngày ký. Khi hai bên ký kết phụ lục hợp đồng lao động thì nội dung của phụ lục hợp đồng lao động cũng có giá trị như các nội dung của bản hợp đồng lao động này.

Hợp đồng được này làm tại văn phòng Công ty TNHH MTV TVKĐ XD Thái Hà./.

NGƯỜI LAO ĐỘNG

Giàng A Vàng

NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG



Trần Anh Tuấn

Lai Châu, ngày 06 tháng 02 năm 2026

HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 21/2003/TT-BLĐTBXH
ngày 22/9/2003 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)*

Chúng tôi, một bên là Ông/Bà: **Trần Anh Tuấn** (Người sử dụng LĐ).

Quốc tịch: Việt Nam.

Chức vụ: Giám đốc.

Đại diện cho (1): Công ty TNHH MTV TVKĐ XD Thái Hà

Địa chỉ: Số nhà 60, đường Chu Văn An, tổ 1, Phường Đoàn Kết, tỉnh Lai Châu.

Điện thoại: 0974190999

Và một bên là Ông/Bà: **Đình Sơn Lâm**. Quốc tịch: Việt Nam.

Sinh năm 05/08/1973, tại Thái Bình

Nghề nghiệp (2):

Địa chỉ thường trú: Thái Thụy – Thái Bình.

Số CMND: 151128859 cấp ngày Tại: CA tỉnh Thái Bình.

Thỏa thuận ký kết hợp đồng lao động và cam kết làm đúng những điều khoản sau đây:

Điều 1. Thời hạn và công việc hợp đồng

- Loại hợp đồng lao động (3): Xác định thời hạn.
- Thử việc: Công ty không áp dụng thử việc kể từ ngày ký hợp đồng lao động.
- Địa điểm làm việc (4): Tại văn phòng Công ty và các công trình do Công ty tổ chức thi công, lắp đặt thiết bị. Theo yêu cầu công việc, người lao động còn phải sẵn sàng đi công tác ngoại tỉnh trong bất cứ hoàn cảnh nào mà không được phép có lý do trì hoãn ảnh hưởng đến công việc của Công ty, trường hợp thật đặc biệt Công ty sẽ xem xét cụ thể để giải quyết.
- Chức danh chuyên môn: Theo quyết định của Công ty.
- Chức vụ (nếu có): Nếu hoàn thành tốt các công việc một cách xuất sắc sẽ được lãnh đạo Công ty xem xét bổ nhiệm chức vụ phù hợp với khả năng cá nhân sau khi chấp thuận đề xuất của thủ trưởng bộ phận công tác.
- Công việc phải làm (5):



+ Thực hiện các công việc chuyên môn, nghiệp vụ thuộc lĩnh vực của Công ty. Chịu trách nhiệm cá nhân về những công việc do mình được phân công trong quá trình công tác.

+ Thực hiện nghiêm chỉnh các nội quy, quy chế của Công ty đề ra. Đảm bảo tính bí mật các thông tin của Công ty. Nếu vi phạm quy định này sẽ bị Ban lãnh đạo Công ty thi hành kỷ luật theo từng mức độ và xem xét truy tố trước pháp luật.

+ Không ngừng trau dồi chuyên môn, nghiệp vụ để phục vụ tốt công tác được giao, chịu sự kiểm tra thường xuyên về nghiệp vụ của Công ty. Trình độ nhân viên là cơ sở để xét tăng lương.

+ Nghiêm chỉnh chấp hành thời gian và kỷ luật lao động. Phải hoàn thành công việc được giao đúng thời hạn để đảm bảo tiến độ công việc với đối tác.

+ Có ý thức tự giác xây dựng thương hiệu và phát triển Công ty, không có bất kỳ hành động nào làm ảnh hưởng đến uy tín, lợi ích của Công ty.

+ Cam kết hoàn thành công việc đúng thời hạn được giao. Khắc phục khó khăn để hoàn thành tốt công việc được giao.

+ Sắp xếp hồ sơ, tài liệu một cách gọn gàng, ngăn nắp, có ý thức tiết kiệm chi phí cho Công ty.

+ Có tinh thần chủ động trong công việc và hỗ trợ đồng nghiệp hoàn thành công việc được giao.

Điều 2. Chế độ làm việc

Thời giờ làm việc (6): Thời gian làm việc là 44 giờ/tuần. Do yêu cầu công việc và đặc thù của công việc, Công ty sẽ yêu cầu người lao động thực hiện làm việc ngoài giờ để hoàn thành nhiệm vụ, thời gian làm ngoài giờ Công ty sẽ trả lương làm ngoài giờ.

Không được sử dụng thời gian làm việc vào việc riêng. Các trường hợp khác theo quyết định của ban lãnh đạo Công ty.

Được cấp phát những dụng cụ làm việc gồm: Các vật dụng cần thiết phục vụ công việc của Công ty như: Máy tính, túi, sổ, văn phòng phẩm, USB... Nếu người lao động để mất, hỏng phải chịu trách nhiệm trước Công ty và phải bồi thường vật chất cho Công ty.

Điều 3. Nghĩa vụ và quyền lợi của người lao động

1. Quyền lợi:

- Phương tiện đi lại làm việc (7): Phương tiện đi lại do người lao động tự túc.
- Mức lương chính hoặc tiền công (8): Theo quy định hiện hành của Nhà nước, của Công ty và năng lực của người lao động. Mức lương chính bao gồm:
 - + Lương cơ bản.
 - + Lương hiệu quả (sản phẩm) hoặc theo chính sách trả lương của Công ty.
- Hình thức trả lương: Tiền mặt hoặc chuyển khoản.

152
S.T
H.H
NH
KIỂM
DỰ
VI H
1.T

- Phụ cấp gồm (9): Công ty sẽ trả tiền phụ cấp trách nhiệm nhưng có thể sẽ giảm trừ hoặc không chi trả nếu chất lượng công việc kém theo đề nghị của Trưởng bộ phận phụ trách hoặc theo đề nghị của ban lãnh đạo Công ty. Phụ cấp công tác phí ngoài tỉnh theo thông báo của ban lãnh đạo Công ty theo từng thời kỳ và theo quy định của Nhà nước.

- Được trả lương vào các ngày 10 hàng tháng.

- Tiền thưởng: Theo quy chế của Công ty và quyết định của ban lãnh đạo Công ty.

- Chế độ nâng lương: Theo quy định chung của Nhà nước và Công ty, do năng lực của người lao động có thể được Công ty nâng lương định kỳ hoặc đột xuất phụ thuộc vào chất lượng công việc hoàn thành của người lao động.

- Được trang bị bảo hộ lao động gồm: Tất cả các loại bảo hộ lao động.

- Chế độ nghỉ ngơi (nghỉ hàng tuần, phép năm, lễ tết...): Theo quy định của Nhà nước. Mọi trường hợp nghỉ khác phải có lý do chính đáng và báo cáo nghỉ.

- Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế (10): Người lao động làm việc lâu dài tại Công ty sẽ được thực hiện chế độ Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế đầy đủ theo quy định của Nhà nước.

- Chế độ đào tạo (11): Người lao động được tham gia bồi dưỡng các lớp tập huấn nghiệp vụ.

- Những thoả thuận khác (12): Công ty có trách nhiệm tạo điều kiện để người lao động thực hiện và phát huy hết khả năng trong công việc. Người lao động vi phạm kỷ luật sẽ chịu kỷ luật của Công ty. Người lao động nếu nghỉ việc hoặc chuyển công tác phải báo cho Công ty trước 45 ngày bằng văn bản, trong khoảng thời gian này người lao động vẫn làm việc bình thường.

2. Nghĩa vụ:

- Hoàn thành những công việc đã cam kết trong hợp đồng lao động.

- Chấp hành lệnh điều động công tác, nội quy kỷ luật lao động, an toàn lao động...

- Bồi thường vi phạm và vật chất (13): Người lao động gây thiệt hại cho Công ty phải bồi thường chi phí theo quyết định của ban Giám đốc. Các bồi thường vật chất phải được thực hiện trong vòng 07 ngày kể từ khi có thông báo của Công ty, quá thời hạn này người chịu bồi thường vật chất chịu lãi suất 12%/1năm.

Điều 4. Nghĩa vụ và quyền hạn của người sử dụng lao động

1. Nghĩa vụ:

- Bảo đảm việc làm và thực hiện đầy đủ những điều đã cam kết trong hợp đồng lao động.

- Thanh toán đầy đủ, đúng thời hạn các chế độ và quyền lợi cho người lao động theo hợp đồng lao động, thoả ước lao động tập thể (nếu có).

2. Quyền hạn:

- Điều hành người lao động hoàn thành công việc theo hợp đồng (bổ trí, điều chuyển, tạm ngừng việc...).

- Tạm hoãn, chấm dứt hợp đồng lao động, kỷ luật người lao động theo quy định của pháp luật, thoả ước lao động tập thể (nếu có) và nội quy lao động của doanh nghiệp.

Điều 5. Điều khoản thi hành

- Những vấn đề về lao động không ghi trong hợp đồng lao động này thì áp dụng quy định của thoả ước tập thể, trường hợp chưa có thoả ước tập thể thì áp dụng quy định của pháp luật lao động.

- Hợp đồng lao động được làm thành 02 bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ một bản và có hiệu lực từ ngày ký. Khi hai bên ký kết phụ lục hợp đồng lao động thì nội dung của phụ lục hợp đồng lao động cũng có giá trị như các nội dung của bản hợp đồng lao động này.

Hợp đồng được này làm tại văn phòng Công ty TNHH MTV TVKĐ XD Thái Hà./.

NGƯỜI LAO ĐỘNG

Đinh Sơn Lâm

NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG



Trần Anh Tuấn

Lai Châu, ngày 06 tháng 02 năm 2026

HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 21/2003/TT-BLĐTBXH
ngày 22/9/2003 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)*

Chúng tôi, một bên là Ông/Bà: **Trần Anh Tuấn** (Người sử dụng LĐ).

Quốc tịch: Việt Nam.

Chức vụ: Giám đốc.

Đại diện cho (1): Công ty TNHH MTV TVKĐ XD Thái Hà

Địa chỉ: Số nhà 60, đường Chu Văn An, tổ 1, Phường Đoàn Kết, tỉnh Lai Châu.

Điện thoại: 0974190999

Và một bên là Ông/Bà: **Nguyễn Văn Cương**. Quốc tịch: Việt Nam.

Sinh ngày 05/03/1980, tại Ứng Hòa, Hà Tây

Nghề nghiệp (2):

Địa chỉ thường trú: Tổ 6 Phường Đoàn Kết, TP Lai Châu, tỉnh Lai Châu.

Thỏa thuận ký kết hợp đồng lao động và cam kết làm đúng những điều khoản sau đây:

Điều 1. Thời hạn và công việc hợp đồng

- Loại hợp đồng lao động (3): Xác định thời hạn.
- Thử việc: Công ty không áp dụng thử việc kể từ ngày ký hợp đồng lao động.
- Địa điểm làm việc (4): Tại văn phòng Công ty và các công trình do Công ty tổ chức thi công, lắp đặt thiết bị. Theo yêu cầu công việc, người lao động còn phải sẵn sàng đi công tác ngoại tỉnh trong bất cứ hoàn cảnh nào mà không được phép có lý do trì hoãn ảnh hưởng đến công việc của Công ty, trường hợp thật đặc biệt Công ty sẽ xem xét cụ thể để giải quyết.
- Chức danh chuyên môn: Theo quyết định của Công ty.
- Chức vụ (nếu có): Nếu hoàn thành tốt các công việc một cách xuất sắc sẽ được lãnh đạo Công ty xem xét bổ nhiệm chức vụ phù hợp với khả năng cá nhân sau khi chấp thuận đề xuất của thủ trưởng bộ phận công tác.
- Công việc phải làm (5):
 - + Thực hiện các công việc chuyên môn, nghiệp vụ thuộc lĩnh vực của Công ty. Chịu trách nhiệm cá nhân về những công việc do mình được phân công trong quá trình công tác.

+ Thực hiện nghiêm chỉnh các nội quy, quy chế của Công ty đề ra. Đảm bảo tính bí mật các thông tin của Công ty. Nếu vi phạm quy định này sẽ bị Ban lãnh đạo Công ty thi hành kỷ luật theo từng mức độ và xem xét truy tố trước pháp luật.

+ Không ngừng trau dồi chuyên môn, nghiệp vụ để phục vụ tốt công tác được giao, chịu sự kiểm tra thường xuyên về nghiệp vụ của Công ty. Trình độ nhân viên là cơ sở để xét tăng lương.

+ Nghiêm chỉnh chấp hành thời gian và kỷ luật lao động. Phải hoàn thành công việc được giao đúng thời hạn để đảm bảo tiến độ công việc với đối tác.

+ Có ý thức tự giác xây dựng thương hiệu và phát triển Công ty, không có bất kỳ hành động nào làm ảnh hưởng đến uy tín, lợi ích của Công ty.

+ Cam kết hoàn thành công việc đúng thời hạn được giao. Khắc phục khó khăn để hoàn thành tốt công việc được giao.

+ Sắp xếp hồ sơ, tài liệu một cách gọn gàng, ngăn nắp, có ý thức tiết kiệm chi phí cho Công ty.

+ Có tinh thần chủ động trong công việc và hỗ trợ đồng nghiệp hoàn thành công việc được giao.

Điều 2. Chế độ làm việc

Thời giờ làm việc (6): Thời gian làm việc là 44 giờ/tuần. Do yêu cầu công việc và đặc thù của công việc, Công ty sẽ yêu cầu người lao động thực hiện làm việc ngoài giờ để hoàn thành nhiệm vụ, thời gian làm ngoài giờ Công ty sẽ trả lương làm ngoài giờ.

Không được sử dụng thời gian làm việc vào việc riêng. Các trường hợp khác theo quyết định của ban lãnh đạo Công ty.

Được cấp phát những dụng cụ làm việc gồm: Các vật dụng cần thiết phục vụ công việc của Công ty như: Máy tính, túi, sổ, văn phòng phẩm, USB... Nếu người lao động để mất, hỏng phải chịu trách nhiệm trước Công ty và phải bồi thường vật chất cho Công ty.

Điều 3. Nghĩa vụ và quyền lợi của người lao động

1. Quyền lợi:

- Phương tiện đi lại làm việc (7): Phương tiện đi lại do người lao động tự túc.

- Mức lương chính hoặc tiền công (8): Theo quy định hiện hành của Nhà nước, của Công ty và năng lực của người lao động. Mức lương chính bao gồm:

+ Lương cơ bản.

+ Lương hiệu quả (sản phẩm) hoặc theo chính sách trả lương của Công ty.

- Hình thức trả lương: Tiền mặt hoặc chuyển khoản.

- Phụ cấp gồm (9): Công ty sẽ trả tiền phụ cấp trách nhiệm nhưng có thể sẽ giảm trừ hoặc không chi trả nếu chất lượng công việc kém theo đề nghị của Trưởng bộ phận phụ trách hoặc theo đề nghị của ban lãnh đạo Công ty. Phụ cấp

công tác phí ngoại tỉnh theo thông báo của ban lãnh đạo Công ty theo từng thời kỳ và theo quy định của Nhà nước.

- Được trả lương vào các ngày 10 hàng tháng.

- Tiền thưởng: Theo quy chế của Công ty và quyết định của ban lãnh đạo Công ty.

- Chế độ nâng lương: Theo quy định chung của Nhà nước và Công ty, do năng lực của người lao động có thể được Công ty nâng lương định kỳ hoặc đột xuất phụ thuộc vào chất lượng công việc hoàn thành của người lao động.

- Được trang bị bảo hộ lao động gồm: Tất cả các loại bảo hộ lao động.

- Chế độ nghỉ ngơi (nghỉ hàng tuần, phép năm, lễ tết...): Theo quy định của Nhà nước. Mọi trường hợp nghỉ khác phải có lý do chính đáng và báo cáo nghỉ.

- Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế (10): Người lao động làm việc lâu dài tại Công ty sẽ được thực hiện chế độ Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế đầy đủ theo quy định của Nhà nước.

- Chế độ đào tạo (11): Người lao động được tham gia bồi dưỡng các lớp tập huấn nghiệp vụ.

- Những thoả thuận khác (12): Công ty có trách nhiệm tạo điều kiện để người lao động thực hiện và phát huy hết khả năng trong công việc. Người lao động vi phạm kỷ luật sẽ chịu kỷ luật của Công ty. Người lao động nếu nghỉ việc hoặc chuyển công tác phải báo cho Công ty trước 45 ngày bằng văn bản, trong khoảng thời gian này người lao động vẫn làm việc bình thường.

2. Nghĩa vụ:

- Hoàn thành những công việc đã cam kết trong hợp đồng lao động.

- Chấp hành lệnh điều động công tác, nội quy kỷ luật lao động, an toàn lao động...

- Bồi thường vi phạm và vật chất (13): Người lao động gây thiệt hại cho Công ty phải bồi thường chi phí theo quyết định của ban Giám đốc. Các bồi thường vật chất phải được thực hiện trong vòng 07 ngày kể từ khi có thông báo của Công ty, quá thời hạn này người chịu bồi thường vật chất chịu lãi suất 12%/1năm.

Điều 4. Nghĩa vụ và quyền hạn của người sử dụng lao động

1. Nghĩa vụ:

- Bảo đảm việc làm và thực hiện đầy đủ những điều đã cam kết trong hợp đồng lao động.

- Thanh toán đầy đủ, đúng thời hạn các chế độ và quyền lợi cho người lao động theo hợp đồng lao động, thoả ước lao động tập thể (nếu có).

2. Quyền hạn:

- Điều hành người lao động hoàn thành công việc theo hợp đồng (bổ trí, điều chuyển, tạm ngừng việc...).

- Tạm hoãn, chấm dứt hợp đồng lao động, kỷ luật người lao động theo quy định của pháp luật, thoả ước lao động tập thể (nếu có) và nội quy lao động của doanh nghiệp.

Điều 5. Điều khoản thi hành

- Những vấn đề về lao động không ghi trong hợp đồng lao động này thì áp dụng quy định của thoả ước tập thể, trường hợp chưa có thoả ước tập thể thì áp dụng quy định của pháp luật lao động.

- Hợp đồng lao động được làm thành 02 bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ một bản và có hiệu lực từ ngày ký. Khi hai bên ký kết phụ lục hợp đồng lao động thì nội dung của phụ lục hợp đồng lao động cũng có giá trị như các nội dung của bản hợp đồng lao động này.

Hợp đồng được này làm tại văn phòng Công ty TNHH MTV TVKĐ XD Thái Hà./.

NGƯỜI LAO ĐỘNG

Nguyễn Văn Cường

NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG



Trần Anh Tuấn

Lai Châu, ngày 06 tháng 02 năm 2026

HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 21/2003/TT-BLĐTBXH
ngày 22/9/2003 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)*

Chúng tôi, một bên là Ông/Bà: **Trần Anh Tuấn** (Người sử dụng LĐ).

Quốc tịch: Việt Nam.

Chức vụ: Giám đốc.

Đại diện cho (1): Công ty TNHH MTV TVKĐ XD Thái Hà

Địa chỉ: Số nhà 60, đường Chu Văn An, tổ 1, Phường Đoàn Kết, tỉnh Lai Châu.

Điện thoại: 0974190999

Và một bên là Ông/Bà: **Nguyễn Thành Trung**. Quốc tịch: Việt Nam.

Sinh ngày 07/07/1988, tại Kim Bôi, Hòa Bình

Nghề nghiệp (2):

Địa chỉ thường trú: Tổ 7 Phường Đoàn Kết, TP Lai Châu, tỉnh Lai Châu.

Thỏa thuận ký kết hợp đồng lao động và cam kết làm đúng những điều khoản sau đây:

Điều 1. Thời hạn và công việc hợp đồng

- Loại hợp đồng lao động (3): Xác định thời hạn.
- Thử việc: Công ty không áp dụng thử việc kể từ ngày ký hợp đồng lao động.
- Địa điểm làm việc (4): Tại văn phòng Công ty và các công trình do Công ty tổ chức thi công, lắp đặt thiết bị. Theo yêu cầu công việc, người lao động còn phải sẵn sàng đi công tác ngoại tỉnh trong bất cứ hoàn cảnh nào mà không được phép có lý do trì hoãn ảnh hưởng đến công việc của Công ty, trường hợp thật đặc biệt Công ty sẽ xem xét cụ thể để giải quyết.
- Chức danh chuyên môn: Theo quyết định của Công ty.
- Chức vụ (nếu có): Nếu hoàn thành tốt các công việc một cách xuất sắc sẽ được lãnh đạo Công ty xem xét bổ nhiệm chức vụ phù hợp với khả năng cá nhân sau khi chấp thuận đề xuất của thủ trưởng bộ phận công tác.
- Công việc phải làm (5):
 - + Thực hiện các công việc chuyên môn, nghiệp vụ thuộc lĩnh vực của Công ty. Chịu trách nhiệm cá nhân về những công việc do mình được phân công trong quá trình công tác.



+ Thực hiện nghiêm chỉnh các nội quy, quy chế của Công ty đề ra. Đảm bảo tính bí mật các thông tin của Công ty. Nếu vi phạm quy định này sẽ bị Ban lãnh đạo Công ty thi hành kỷ luật theo từng mức độ và xem xét truy tố trước pháp luật.

+ Không ngừng trau dồi chuyên môn, nghiệp vụ để phục vụ tốt công tác được giao, chịu sự kiểm tra thường xuyên về nghiệp vụ của Công ty. Trình độ nhân viên là cơ sở để xét tăng lương.

+ Nghiêm chỉnh chấp hành thời gian và kỷ luật lao động. Phải hoàn thành công việc được giao đúng thời hạn để đảm bảo tiến độ công việc với đối tác.

+ Có ý thức tự giác xây dựng thương hiệu và phát triển Công ty, không có bất kỳ hành động nào làm ảnh hưởng đến uy tín, lợi ích của Công ty.

+ Cam kết hoàn thành công việc đúng thời hạn được giao. Khắc phục khó khăn để hoàn thành tốt công việc được giao.

+ Sắp xếp hồ sơ, tài liệu một cách gọn gàng, ngăn nắp, có ý thức tiết kiệm chi phí cho Công ty.

+ Có tinh thần chủ động trong công việc và hỗ trợ đồng nghiệp hoàn thành công việc được giao.

Điều 2. Chế độ làm việc

Thời giờ làm việc (6): Thời gian làm việc là 44 giờ/tuần. Do yêu cầu công việc và đặc thù của công việc, Công ty sẽ yêu cầu người lao động thực hiện làm việc ngoài giờ để hoàn thành nhiệm vụ, thời gian làm ngoài giờ Công ty sẽ trả lương làm ngoài giờ.

Không được sử dụng thời gian làm việc vào việc riêng. Các trường hợp khác theo quyết định của ban lãnh đạo Công ty.

Được cấp phát những dụng cụ làm việc gồm: Các vật dụng cần thiết phục vụ công việc của Công ty như: Máy tính, túi, sổ, văn phòng phẩm, USB... Nếu người lao động để mất, hỏng phải chịu trách nhiệm trước Công ty và phải bồi thường vật chất cho Công ty.

Điều 3. Nghĩa vụ và quyền lợi của người lao động

1. Quyền lợi:

- Phương tiện đi lại làm việc (7): Phương tiện đi lại do người lao động tự túc.
- Mức lương chính hoặc tiền công (8): Theo quy định hiện hành của Nhà nước, của Công ty và năng lực của người lao động. Mức lương chính bao gồm:
 - + Lương cơ bản.
 - + Lương hiệu quả (sản phẩm) hoặc theo chính sách trả lương của Công ty.
- Hình thức trả lương: Tiền mặt hoặc chuyển khoản.
- Phụ cấp gồm (9): Công ty sẽ trả tiền phụ cấp trách nhiệm nhưng có thể sẽ giảm trừ hoặc không chi trả nếu chất lượng công việc kém theo đề nghị của Trưởng bộ phận phụ trách hoặc theo đề nghị của ban lãnh đạo Công ty. Phụ cấp

công tác phí ngoại tỉnh theo thông báo của ban lãnh đạo Công ty theo từng thời kỳ và theo quy định của Nhà nước.

- Được trả lương vào các ngày 10 hàng tháng.

- Tiền thưởng: Theo quy chế của Công ty và quyết định của ban lãnh đạo Công ty.

- Chế độ nâng lương: Theo quy định chung của Nhà nước và Công ty, do năng lực của người lao động có thể được Công ty nâng lương định kỳ hoặc đột xuất phụ thuộc vào chất lượng công việc hoàn thành của người lao động.

- Được trang bị bảo hộ lao động gồm: Tất cả các loại bảo hộ lao động.

- Chế độ nghỉ ngơi (nghỉ hàng tuần, phép năm, lễ tết...): Theo quy định của Nhà nước. Mọi trường hợp nghỉ khác phải có lý do chính đáng và báo cáo nghỉ.

- Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế (10): Người lao động làm việc lâu dài tại Công ty sẽ được thực hiện chế độ Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế đầy đủ theo quy định của Nhà nước.

- Chế độ đào tạo (11): Người lao động được tham gia bồi dưỡng các lớp tập huấn nghiệp vụ.

- Những thoả thuận khác (12): Công ty có trách nhiệm tạo điều kiện để người lao động thực hiện và phát huy hết khả năng trong công việc. Người lao động vi phạm kỷ luật sẽ chịu kỷ luật của Công ty. Người lao động nếu nghỉ việc hoặc chuyển công tác phải báo cho Công ty trước 45 ngày bằng văn bản, trong khoảng thời gian này người lao động vẫn làm việc bình thường.

2. Nghĩa vụ:

- Hoàn thành những công việc đã cam kết trong hợp đồng lao động.

- Chấp hành lệnh điều động công tác, nội quy kỷ luật lao động, an toàn lao động...

- Bồi thường vi phạm và vật chất (13): Người lao động gây thiệt hại cho Công ty phải bồi thường chi phí theo quyết định của ban Giám đốc. Các bồi thường vật chất phải được thực hiện trong vòng 07 ngày kể từ khi có thông báo của Công ty, quá thời hạn này người chịu bồi thường vật chất chịu lãi suất 12%/1năm.

Điều 4. Nghĩa vụ và quyền hạn của người sử dụng lao động

1. Nghĩa vụ:

- Bảo đảm việc làm và thực hiện đầy đủ những điều đã cam kết trong hợp đồng lao động.

- Thanh toán đầy đủ, đúng thời hạn các chế độ và quyền lợi cho người lao động theo hợp đồng lao động, thoả ước lao động tập thể (nếu có).

2. Quyền hạn:

- Điều hành người lao động hoàn thành công việc theo hợp đồng (bố trí, điều chuyển, tạm ngừng việc...).

- Tạm hoãn, chấm dứt hợp đồng lao động, kỷ luật người lao động theo quy định của pháp luật, thoả ước lao động tập thể (nếu có) và nội quy lao động của doanh nghiệp.

Điều 5. Điều khoản thi hành

- Những vấn đề về lao động không ghi trong hợp đồng lao động này thì áp dụng quy định của thoả ước tập thể, trường hợp chưa có thoả ước tập thể thì áp dụng quy định của pháp luật lao động.

- Hợp đồng lao động được làm thành 02 bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ một bản và có hiệu lực từ ngày ký. Khi hai bên ký kết phụ lục hợp đồng lao động thì nội dung của phụ lục hợp đồng lao động cũng có giá trị như các nội dung của bản hợp đồng lao động này.

Hợp đồng được này làm tại văn phòng Công ty TNHH MTV TVKĐ XD Thái Hà./.

NGƯỜI LAO ĐỘNG

Nguyễn Thành Trung

NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG



Trần Anh Tuấn

Lai Châu, ngày 06 tháng 02 năm 2026

HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 21/2003/TT-BLĐTBXH
ngày 22/9/2003 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)*

Chúng tôi, một bên là Ông/Bà: **Trần Anh Tuấn** (Người sử dụng LĐ).

Quốc tịch: Việt Nam.

Chức vụ: Giám đốc.

Đại diện cho (1): Công ty TNHH MTV TVKĐ XD Thái Hà

Địa chỉ: Số nhà 60, đường Chu Văn An, tổ 1, Phường Đoàn Kết, tỉnh Lai Châu.

Điện thoại: 0974190999

Và một bên là Ông/Bà: **Nguyễn Đức Biên**. Quốc tịch: Việt Nam.

Sinh năm 03/07/2000 nơi đăng kí khai sinh: Chi Lăng, Hưng Hà, Thái Bình

Nghề nghiệp (2):

Nơi cư trú: Bản Sên Bay, TT Tam Đường, Tam Đường, Lai Châu.

Thỏa thuận ký kết hợp đồng lao động và cam kết làm đúng những điều khoản sau đây:

Điều 1. Thời hạn và công việc hợp đồng

- Loại hợp đồng lao động (3): Xác định thời hạn.
- Thử việc: Công ty không áp dụng thử việc kể từ ngày ký hợp đồng lao động.
- Địa điểm làm việc (4): Tại văn phòng Công ty và các công trình do Công ty tổ chức thi công, lắp đặt thiết bị. Theo yêu cầu công việc, người lao động còn phải sẵn sàng đi công tác ngoại tỉnh trong bất cứ hoàn cảnh nào mà không được phép có lý do trì hoãn ảnh hưởng đến công việc của Công ty, trường hợp thật đặc biệt Công ty sẽ xem xét cụ thể để giải quyết.
- Chức danh chuyên môn: Theo quyết định của Công ty.
- Chức vụ (nếu có): Nếu hoàn thành tốt các công việc một cách xuất sắc sẽ được lãnh đạo Công ty xem xét bổ nhiệm chức vụ phù hợp với khả năng cá nhân sau khi chấp thuận đề xuất của thủ trưởng bộ phận công tác.
- Công việc phải làm (5):
 - + Thực hiện các công việc chuyên môn, nghiệp vụ thuộc lĩnh vực của Công ty. Chịu trách nhiệm cá nhân về những công việc do mình được phân công trong quá trình công tác.

+ Thực hiện nghiêm chỉnh các nội quy, quy chế của Công ty đề ra. Đảm bảo tính bí mật các thông tin của Công ty. Nếu vi phạm quy định này sẽ bị Ban lãnh đạo Công ty thi hành kỷ luật theo từng mức độ và xem xét truy tố trước pháp luật.

+ Không ngừng trau dồi chuyên môn, nghiệp vụ để phục vụ tốt công tác được giao, chịu sự kiểm tra thường xuyên về nghiệp vụ của Công ty. Trình độ nhân viên là cơ sở để xét tăng lương.

+ Nghiêm chỉnh chấp hành thời gian và kỷ luật lao động. Phải hoàn thành công việc được giao đúng thời hạn để đảm bảo tiến độ công việc với đối tác.

+ Có ý thức tự giác xây dựng thương hiệu và phát triển Công ty, không có bất kỳ hành động nào làm ảnh hưởng đến uy tín, lợi ích của Công ty.

+ Cam kết hoàn thành công việc đúng thời hạn được giao. Khắc phục khó khăn để hoàn thành tốt công việc được giao.

+ Sắp xếp hồ sơ, tài liệu một cách gọn gàng, ngăn nắp, có ý thức tiết kiệm chi phí cho Công ty.

+ Có tinh thần chủ động trong công việc và hỗ trợ đồng nghiệp hoàn thành công việc được giao.

Điều 2. Chế độ làm việc

Thời giờ làm việc (6): Thời gian làm việc là 44 giờ/tuần. Do yêu cầu công việc và đặc thù của công việc, Công ty sẽ yêu cầu người lao động thực hiện làm việc ngoài giờ để hoàn thành nhiệm vụ, thời gian làm ngoài giờ Công ty sẽ trả lương làm ngoài giờ.

Không được sử dụng thời gian làm việc vào việc riêng. Các trường hợp khác theo quyết định của ban lãnh đạo Công ty.

Được cấp phát những dụng cụ làm việc gồm: Các vật dụng cần thiết phục vụ công việc của Công ty như: Máy tính, túi, sổ, văn phòng phẩm, USB... Nếu người lao động để mất, hỏng phải chịu trách nhiệm trước Công ty và phải bồi thường vật chất cho Công ty.

Điều 3. Nghĩa vụ và quyền lợi của người lao động

1. Quyền lợi:

- Phương tiện đi lại làm việc (7): Phương tiện đi lại do người lao động tự túc.

- Mức lương chính hoặc tiền công (8): Theo quy định hiện hành của Nhà nước, của Công ty và năng lực của người lao động. Mức lương chính bao gồm:

+ Lương cơ bản.

+ Lương hiệu quả (sản phẩm) hoặc theo chính sách trả lương của Công ty.

- Hình thức trả lương: Tiền mặt hoặc chuyển khoản.

- Phụ cấp gồm (9): Công ty sẽ trả tiền phụ cấp trách nhiệm nhưng có thể sẽ giảm trừ hoặc không chi trả nếu chất lượng công việc kém theo đề nghị của Trưởng bộ phận phụ trách hoặc theo đề nghị của ban lãnh đạo Công ty. Phụ cấp

158-
TY
-H
NH
IEM
DUN
I H
I.T.

công tác phí ngoại tỉnh theo thông báo của ban lãnh đạo Công ty theo từng thời kỳ và theo quy định của Nhà nước.

- Được trả lương vào các ngày 10 hàng tháng.

- Tiền thưởng: Theo quy chế của Công ty và quyết định của ban lãnh đạo Công ty.

- Chế độ nâng lương: Theo quy định chung của Nhà nước và Công ty, do năng lực của người lao động có thể được Công ty nâng lương định kỳ hoặc đột xuất phụ thuộc vào chất lượng công việc hoàn thành của người lao động.

- Được trang bị bảo hộ lao động gồm: Tất cả các loại bảo hộ lao động.

- Chế độ nghỉ ngơi (nghỉ hàng tuần, phép năm, lễ tết...): Theo quy định của Nhà nước. Mọi trường hợp nghỉ khác phải có lý do chính đáng và báo cáo nghỉ.

- Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế (10): Người lao động làm việc lâu dài tại Công ty sẽ được thực hiện chế độ Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế đầy đủ theo quy định của Nhà nước.

- Chế độ đào tạo (11): Người lao động được tham gia bồi dưỡng các lớp tập huấn nghiệp vụ.

- Những thoả thuận khác (12): Công ty có trách nhiệm tạo điều kiện để người lao động thực hiện và phát huy hết khả năng trong công việc. Người lao động vi phạm kỷ luật sẽ chịu kỷ luật của Công ty. Người lao động nếu nghỉ việc hoặc chuyển công tác phải báo cho Công ty trước 45 ngày bằng văn bản, trong khoảng thời gian này người lao động vẫn làm việc bình thường.

2. Nghĩa vụ:

- Hoàn thành những công việc đã cam kết trong hợp đồng lao động.

- Chấp hành lệnh điều động công tác, nội quy kỷ luật lao động, an toàn lao động...

- Bồi thường vi phạm và vật chất (13): Người lao động gây thiệt hại cho Công ty phải bồi thường chi phí theo quyết định của ban Giám đốc. Các bồi thường vật chất phải được thực hiện trong vòng 07 ngày kể từ khi có thông báo của Công ty, quá thời hạn này người chịu bồi thường vật chất chịu lãi suất 12%/1năm.

Điều 4. Nghĩa vụ và quyền hạn của người sử dụng lao động

1. Nghĩa vụ:

- Bảo đảm việc làm và thực hiện đầy đủ những điều đã cam kết trong hợp đồng lao động.

- Thanh toán đầy đủ, đúng thời hạn các chế độ và quyền lợi cho người lao động theo hợp đồng lao động, thoả ước lao động tập thể (nếu có).

2. Quyền hạn:

- Điều hành người lao động hoàn thành công việc theo hợp đồng (bổ trí, điều chuyển, tạm ngừng việc...).

- Tạm hoãn, chấm dứt hợp đồng lao động, kỷ luật người lao động theo quy định của pháp luật, thoả ước lao động tập thể (nếu có) và nội quy lao động của doanh nghiệp.

Điều 5. Điều khoản thi hành

- Những vấn đề về lao động không ghi trong hợp đồng lao động này thì áp dụng quy định của thoả ước tập thể, trường hợp chưa có thoả ước tập thể thì áp dụng quy định của pháp luật lao động.

- Hợp đồng lao động được làm thành 02 bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ một bản và có hiệu lực từ ngày ký. Khi hai bên ký kết phụ lục hợp đồng lao động thì nội dung của phụ lục hợp đồng lao động cũng có giá trị như các nội dung của bản hợp đồng lao động này.

Hợp đồng được này làm tại văn phòng Công ty TNHH MTV TVKĐ XD Thái Hà./.

NGƯỜI LAO ĐỘNG

Nguyễn Đức Biên

NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG



Trần Anh Tuấn

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

THE PRESIDENT
OF THANH TAY UNIVERSITY

has conferred

THE DEGREE OF ENGINEER

OF CIVIL ENGINEERING

Upon: *Ms.* HOANG VAN ANH

Date of birth: 25 August 1985

Year of graduation: 2016

Degree classification: Average good

Mode of study: Part-time

Ha Noi, 29 April 2016

Reg. No: K.5-LT062

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THÀNH TÂY

cấp

BẰNG KỸ SƯ

KỸ THUẬT CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

Cho: *Ông* HOÀNG VĂN ANH

Ngày sinh: 25/08/1985

Year of graduation: 2016

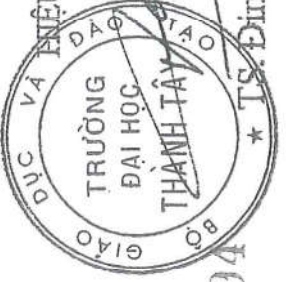
Ngày: 30/04/2016 tốt nghiệp: Trung bình Khá

Số chứng thực: 2 Hình thức đào tạo: Vừa làm vừa học

Ha Noi, ngày 29 tháng 04 năm 2016

Số hiệu: 334694 * TS. Đinh Ngọc Hiện

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG QUỐC DẠI
CHỨNG THỰC BẢN NAM TỐT NGHIỆP CHÍNH



CÔNG CHỨNG VIỆN cấp bằng: K.5-LT062
Dương Quốc Đại

VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VLXD NHIỆT ĐỚI
INSITUTE OF RESEARCH AND APPLICATION FOR
TROPICAL BUILDING MATERIALS (ITBM)



It is here by certified that:
Mr: Hoang Van Anh
Has successfully passed Training Course on
Management of Laboratory
In May 2017

Ref. N^o: 30/05/2017/TNVL



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ TỐT NGHIỆP

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VLXD NHIỆT ĐỚI

CHỨNG NHẬN

Ông: Hoàng Văn Anh

Ngày sinh: 25 - 08 - 1985

Thường trú: Tuyên Quang

Đã hoàn thành chương trình đào tạo thí nghiệm về:

Quản lý phòng thí nghiệm

Do Viện nghiên cứu và ứng dụng Vật liệu Xây dựng Nhiệt Đới
Trường Đại Học Xây Dựng tổ chức.

Thời gian đào tạo: Tháng 5 năm 2017

Kết quả học tập: Đạt loại khá.



VIỆN TRƯỞNG

PGS.TSKH. Nguyễn Đình Chiến

CÔNG CHỨNG VIÊN

Nguyễn Hồng Lười



VIỆN CƠ KHÍ NĂNG LƯỢNG VÀ MỎ- VINACOMIN
(VINACOMIN- INSTITUTE OF ENERGY AND MINING MECHANICAL ENGINEERING)

CHỨNG CHỈ

Certificate of Achievement

Chứng nhận
This is to certify that

Ông Hoàng Văn Anh

Đã tham dự khóa đào tạo
Has attended training course

NGHIỆP VỤ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG PTN THEO ISO/IEC 17025:2017
Quality Management in the Laboratory against ISO/IEC 17025:2017

Số giấy chứng nhận/ *Certification No.:* IEMM 0103.09A-ĐT
Ngày đào tạo/ *Training day:* 04-05/03/2022
Ngày cấp/ *Issued date:* 15/03/2022

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG



Nguyễn Thu Hiền

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

RECTOR

UNIVERSITY OF TRANSPORT TECHNOLOGY

has conferred

THE DEGREE OF ENGINEER

TRANSPORT ENGINEERING TECHNOLOGY

Upon: **Mr. DIEU HOANG ANH**
Date of birth: **03 September 1995**
Year of graduation: **2018**
Degree classification: **Ordinary**
Mode of study: **Full-time**

Hanoi, 01 June 2018

Reg. No: 0002782

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ GIAO THÔNG VẬN TẢI

cấp

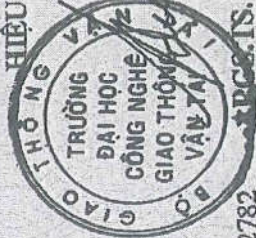
BẰNG KỸ SƯ

CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT GIAO THÔNG

Cho: **Ông Dieu Hoang Anh**
Ngày sinh: **03 / 09 / 1995**
Năm tốt nghiệp: **2018**
Xếp loại tốt nghiệp: **Trung bình**
Hình thức đào tạo: **Chính quy**

Hà Nội, ngày 01 tháng 06 năm 2018

HIỆU TRƯỞNG



Số hiệu: **545726**

Số vào sổ cấp bằng: 0002782

PGS.TS. Đào Văn Đông

VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VLXD NHIỆT ĐỚI
INSTITUTE OF RESEARCH AND APPLICATION FOR
TROPICAL BUILDING MATERIALS (ITBM)



It is hereby certified that
Mr/Mrs: DIEU HOANG ANH
Has successfully passed Training Course on
Laboratory management
In December 2019.



CÔNG CHỨNG VIÊN

Nguyễn Hồng Lười

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ TỐT NGHIỆP
VIỆN TRƯỞNG
VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VLXD NHIỆT ĐỚI

CHỨNG NHẬN

Ông/Bà: **ĐIỀU HOÀNG ANH**
Ngày sinh: 03 - 09 - 1995
Thường trú: Lai Châu

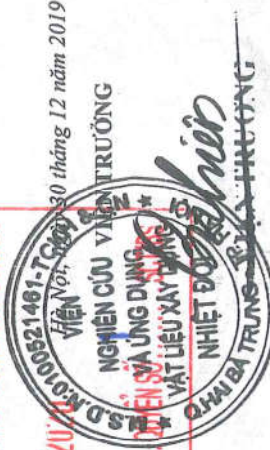
Đã hoàn thành chương trình đào tạo về:
Quản lý phòng thí nghiệm
Do Viện nghiên cứu và ứng dụng Vật liệu Xây dựng Nhiệt Đới
Trường Đại học Xây Dựng tổ chức.

Thời gian đào tạo: Tháng 12 năm 2019

CHỨNG THỰC ĐANG ĐANG VỢ ĐÀN CHINH

Ngày: **25-11-2019**

SỐ CHỨNG THỰC: **0121**



PGS.TSKII. Bạch Đình Chiến

VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VLXD NHIỆT ĐỚI
INSTITUTE OF RESEARCH AND APPLICATION FOR
TROPICAL BUILDING MATERIALS (ITBM)



It is hereby certified that
Mr/Mrs: GIANG A VÀNG
Has successfully passed the course on
Testing construction materials
In October 2019

Ref. N^o: 7537-44542B/VND-TNY



CÔNG CHỨNG VIÊN

Nguyễn Hoàng Tuấn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

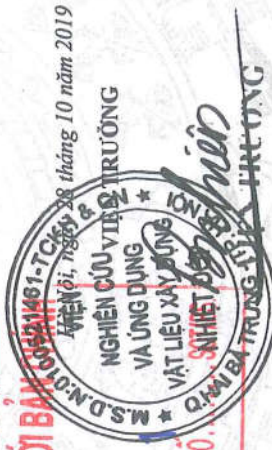
CHỨNG CHỈ TỐT NGHIỆP
VIỆN TRƯỞNG

VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VLXD NHIỆT ĐỚI

CHỨNG NHẬN

Ông/Bà: GIANG A VÀNG
Ngày sinh: 05 - 01 - 1991
Thường trú: Lai Châu

Đã hoàn thành chương trình đào tạo về:
Thí nghiệm vật liệu xây dựng
Do Viện nghiên cứu và ứng dụng Vật liệu Xây dựng Nhiệt Đới
Trường Đại học Xây Dựng tổ chức.
Thời gian đào tạo: Tháng 10 năm 2019
Kết quả học tập: Đạt loại khá.



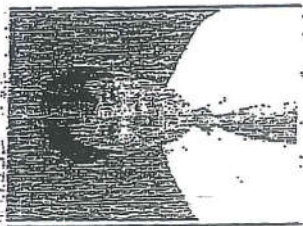
PGS.TSKII. Bạch Đình Chiến

CHỨNG THỰC BÀI SAO ĐÚNG VỚI BÀI SAO ĐÚNG
Ngày: 25-11-2019
Số chứng thực: 0121

ĐO LẠO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TỔNG CỤC DẠY NGHỀ

BẢNG NGHỀ

Số hiệu: **000556362** /LÊTHH - DN



Chữ ký của người được cấp bằng

Vào số số:.....
Ngày .. tháng .. năm ..

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HIỆU TRƯỞNG

Trưởng ..
Cấp cho: ..
Sinh ngày: ..
Nguyên quán ..
Nghề đào tạo ..
Từ ngày .. đến ngày ..
Đạt trình độ thợ bậc: ..
Tốt nghiệp hạng: ..
Theo quyết định số: ..
Ngày .. tháng .. năm ..

TRUNG TÂM DẠY NGHỀ TỈNH LẠO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRUNG ƯƠNG
Số Quyết định: 1
Quyển số: SCTBS

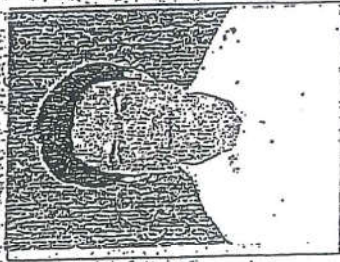


CÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Hồng Lười

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TỔNG CỤC DẠY NGHỀ

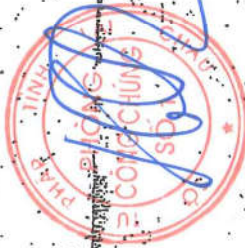
BẢNG NGHỀ

Số hiệu: **GU0556344** / LBTBXH - DN



Chữ ký của người được cấp bằng

Vào số số: **16.063**
Ngày **18** tháng **4** năm **2015**



CÔNG CHỨNG VIÊN

Nguyễn Hồng Sỏi

CÔNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

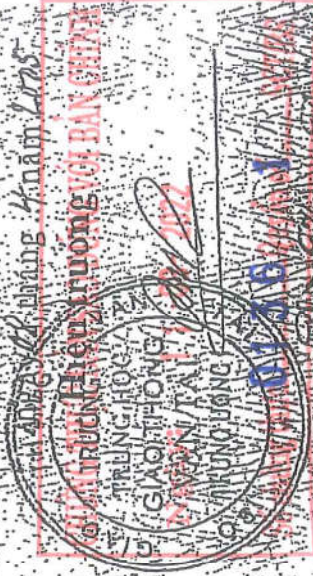
HÀNG TRƯỞNG

Trưởng Hàng Trống: **Nguyễn Văn Hoàng**

Cấp cho: **NGUYỄN VĂN QUANG**
Sinh ngày: **15.3.1980**

Nguyên quán: **Làng Hòa - Xã Mỹ**
Nghề-dao tạo: **Thủ công làm vật liệu xây dựng**
Từ ngày: **19.03.2015** đến ngày: **31.12.2015**

Đạt trình độ: **thợ bậc 3/4**
Tối nghiệp hàng: **Đường kính**
Theo quyết định số: **168/DT**
Ngày **18** tháng **4** năm **2015**



BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TỔNG CỤC DẠY NGHỀ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẰNG NGHỀ

HIỆU TRƯỞNG

Số hiệu: 001035063

/LĐTĐXH - DN

Trường: CAO ĐẲNG NGHỀ
GIAO THÔNG VẬN TẢI TRUNG ƯƠNG I

Cấp cho: NGUYỄN THÀNH TRUNG

Sinh ngày: 07/07/1988

Nguyên quán: Kim Bôi - Hoà Bình

Nghề đào tạo: *Thí nghiệm vật liệu đường bộ*

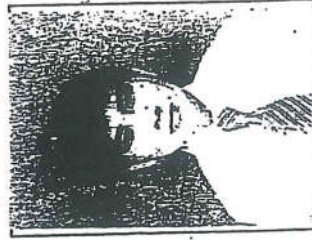
Từ ngày: 9/07 đến ngày 4/1/2009

Đạt trình độ thợ bậc: 3/7

Tốt nghiệp hạng: *Khá*

Theo quyết định số: 10/ĐT

Ngày 4 tháng 5 năm 2009



Chữ ký của người được cấp bằng

Vào sổ số: 20267
Ngày 04 tháng 5 năm 2009

CHÍNH THỰC BẢN SẠO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Hàng ngày 4 tháng 5 năm 2009
Quyết số: SCTBS



CÔNG CHỨNG VIÊN

Nguyễn Hồng Lười

LÀO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TỔNG CỤC DẠY NGHỀ

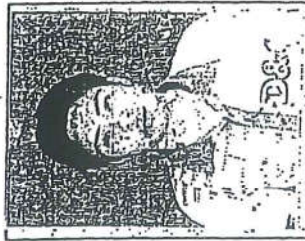
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẰNG NGHỀ

001035056

ILĐTBXH - DN

hiệu:



HIỆU TRƯỞNG

Trưởng: CAO ĐĂNG NGHỆ
GIAO THÔNG VẬN TẢI TRUNG ƯƠNG I

Cấp cho: **TA VĂN SƠN**

Sinh ngày: 14/03/1989

Nguyên quán: Ba Vì - Hà Nội

Nghề đào tạo: **Thí nghiệm vật liệu đường bộ**

Từ ngày 19/07 đến ngày 4/1/2009

Đạt trình độ thợ bậc: 3/7

Tốt nghiệp hạng: Khá

Theo quyết định số: 10/ĐT

Ngày 04 tháng 05 năm 2009

Hà Nội ngày 04 tháng 05 năm 2009

Ngày: 11-03-2022

Số chứng thực: 0136 đến số SCTBS

4 tháng 5 năm 2009

Trần Hữu Hùng

CAO ĐĂNG NGHỆ

GIAO THÔNG VẬN TẢI TRUNG ƯƠNG I

* Đào Văn Đường



CÔNG CHỨNG VIỆN

Nguyễn Hồng Lười

Chữ ký của người được cấp bằng

0 số số: 20262
04 tháng 05 năm 2009

VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VLXD NHIỆT ĐỚI
INSITUTE OF RESEARCH AND APPLICATION FOR
TROPICAL BUILDING MATERIALS (ITBM)



It is here by certified that:
Mr/Mrs: NGUYEN DUC BIEN
Has successfully passed Training Course on
Construction materials testing
In November 2019

Ref.Nº : 03225-A02019B/TND-TNV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ TỐT NGHIỆP
VIỆN TRƯỜNG

VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VLXD NHIỆT ĐỚI
CHỨNG NHẬN

Ông bà: NGUYỄN ĐỨC BIÊN

Ngày sinh: 03 - 07 - 2000

Thường trú: Lai Châu

Đã hoàn thành chương trình đào tạo về:

Thí nghiệm vật liệu xây dựng

Do Viện nghiên cứu và ứng dụng Vật liệu Xây dựng Nhiệt Đới
Trường Đại Học Xây Dựng tổ chức.

Thời gian đào tạo: Tháng 11 năm 2019

Kết quả học tập: Đạt loại khá

Hà Nội, ngày 21 tháng 11 năm 2019



VIỆN TRƯỞNG

PGS.TSKH. *Bach Dinh Chien*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----o0o-----

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số : 12/EATT/HĐKT/2012

- Căn cứ vào luật Thương mại nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam
- Căn cứ bộ luật dân sự và nghị quyết số 45/2005/QH11 của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt nam
- Căn cứ vào nhu cầu sử dụng và khả năng cung ứng của mỗi bên

Hôm nay, ngày 01 tháng 3 năm 2012, Chúng tôi gồm:

BÊN A: CÔNG TY TNHH MTV TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG THÁI HÀ

Do Ông : **Đặng Xuân Nghĩa**
Chức vụ : Giám đốc - làm đại diện
Địa chỉ : số 478 đường Trần Hưng Đạo — thị xã Lai Châu — tỉnh Lai Châu
ĐT : 0231 3792 216
MST : 6200 047 158
Tài khoản : 3621 000 010 5046 tại Ngân hàng Đầu tư và phát triển tỉnh Lai Châu.

BÊN B : CÔNG TY CP TM THIẾT BỊ VÀ CÔNG NGHỆ (EATT. JSC)

Do Ông : **Phạm Vũ Việt Hoàng**
Chức vụ : Giám Đốc - làm đại diện
Địa chỉ : Số 51 ngõ 91 Đường Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, Hà Nội
Tel : 04. 62661801/35561937 Fax: 04. 35561937
Tài khoản : 001-100-291-2556 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại
Thương Việt Nam

Cùng ký kết hợp đồng kinh tế với các điều khoản sau:

ĐIỀU 1 : NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

Bên B nhận cung cấp cho Bên A máy móc thiết bị, dụng cụ thí nghiệm chi tiết theo phụ lục hợp đồng kinh tế. Phụ lục hợp đồng là một phần không thể tách rời của hợp đồng

Tổng trị giá hợp đồng: **792.819.500 VNĐ**

(Bằng chữ: Bảy trăm chín mươi hai triệu, tám trăm mười chín nghìn, năm trăm đồng).

Giá trên là giá giao tại phòng thí nghiệm của bên mua tại Lai Châu, đã bao gồm thuế giá trị gia tăng, chi phí vận chuyển, lắp đặt, hướng dẫn sử dụng, kiểm định hiệu chuẩn thiết bị.

ĐIỀU 2 : QUY CÁCH PHẨM CHẤT

Hàng mới 100% theo đúng Catalogue đặt hàng, đảm bảo đúng yêu cầu kỹ thuật cơ bản của các thiết bị, dụng cụ thí nghiệm đã nêu trong phụ lục hợp đồng đính kèm.

Bảo hành 12 tháng (đối với những lỗi do nhà sản xuất) kể từ ngày hai bên tiến hành bàn giao thiết bị theo tiêu chuẩn của hãng.

ĐIỀU 3: THANH TOÁN

- Thanh toán bằng đồng Việt Nam Đồng
- Hình thức thanh toán: chuyển khoản
- Tiến độ thanh toán: 02 lần như sau:

+ Lần 1: Bên A chuyển tiền đặt mua hàng lần đầu cho bên B ngay sau khi hợp đồng giữa hai bên với số tiền là **200.000.000 VNĐ** (Hai trăm triệu đồng chẵn)

+ Lần 2: Sau khi bên B bàn giao thiết bị và dụng cụ thí nghiệm cho bên A kèm theo các giấy tờ liên quan đến việc hiệu chuẩn thiết bị, hướng dẫn sử dụng thiết bị Bên A có trách nhiệm thanh toán hết toàn bộ số tiền còn lại của hợp đồng cho bên B.

+ Bên B có trách nhiệm chuyển cho bên B toàn bộ hoá đơn tài chính của hợp đồng trên ngay sau khi bên A thanh toán hết cho bên B.

+ *Hợp đồng này chỉ được thanh lý trong trường hợp bên A đã chuyển hết số tiền cho bên B.*

ĐIỀU 4: GIAO HÀNG

- Thời gian giao hàng: 01 tuần kể từ ngày chuyển tiền lần 1.
- Địa điểm giao hàng: tại phòng thí nghiệm của bên A tại Lai Châu.

ĐIỀU 5: TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

BÊN A

- Thanh toán cho bên B theo quy định tại điều 3 của hợp đồng này
- Chuẩn bị nhân sự để tiếp nhận hàng khi có thông báo của bên B

BÊN B

- Bảo đảm hàng mới 100%, đúng chủng loại, quy cách, số lượng ghi trong yêu cầu của hợp đồng.

- Giao hàng đúng thời gian và địa điểm theo quy định tại điều 4 của hợp đồng này.

- Lắp đặt, vận hành thử, hướng dẫn sử dụng cho bên A, lập biên bản bàn giao, nghiệm thu và thanh lý hợp đồng.

- Thực hiện chế độ bảo hành theo điều 2 của hợp đồng này.

ĐIỀU 6: CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC

- Hai bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh hợp đồng này và không bên nào được tự ý huỷ bỏ hợp đồng nếu chưa có sự đồng ý của bên kia bằng văn bản.

- Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu có gì sửa đổi bổ sung, hai bên sẽ thảo luận và thống nhất với nhau trên tinh thần hợp tác để giải quyết. Trong trường hợp không đi đến thống nhất sẽ đưa ra Toà án kinh tế để giải quyết. Mọi phán xét của Toà án kinh tế là điều kiện bắt buộc thi hành đối với cả hai bên.

- Hợp đồng được lập thành 06 bản, Bên A giữ 02 bản, bên B giữ 04 bản bản có giá trị như nhau và có hiệu lực kể từ ngày ký.



Dương Xuân Nghĩa



Phạm Vũ Việt Hoàng

CHỦ TỊCH UBND XÃ NAM LƯƠNG
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

26-06-2017

Số CT: 49/ Nguyên số 1. CTTP/HT-BS



Giảng A Cua

PHỤ LỤC 01

THIẾT BỊ ĐÍNH KÈM HỢP ĐỒNG KINH TẾ SỐ: 12/EATT/HĐKT/2012

(Phụ lục này là một bộ phận không thể tách rời khỏi HĐKT số: 12/EATT/HĐKT/2012)

TT	Tên thiết bị - Thông số kỹ thuật	SL	ĐVT	Đơn giá (VNĐ)	VAT (%)	Thành tiền (VNĐ)
A	THÍ NGHIỆM THÉP, KIM LOẠI, MỎI HÀN					
1	Máy kéo nén vạn năng 1000KN - TQ. Hãng SX: WUXI - Triết Giang - Model: WE-1000B(Ngàm kẹp thủy lực) -Dải đo: 200KN/0,5KN; 500KN/1KN; 1000KN/2KN - Kéo thép tròn đường kính từ D6-D45mm và thép dẹt dày từ 0 - 40mm - Máy được dùng để nén bê tông, uốn bê tông, nén vữa xi măng, và kéo thép. - Hành trình piston 166mm - Kích thước máy: H2200xD760xW1900 - Trọng lượng: 3300kg - Điện áp nguồn: 380V/50Hz, 1,5 KW	1	bộ	140.000.000	10	154.000.000
B	THÍ NGHIỆM BÊ TÔNG NẶNG					
I	Thiết bị thí nghiệm trong phòng:					
1	Máy nén bê tông 2000 KN - WUXI - TQ Model: TYE-2000 - Dải đo: 800KN/2,5; 2000KN/5KN - Dễ sử dụng, phù hợp tiêu chuẩn Việt nam - Hoạt động bằng động cơ điện, nén tự động, tự động lưu giữ kết quả nén bằng đồng hồ hai kim. - Mẫu nén: mẫu lập phương và mẫu trụ - Điện nguồn: 220V/50Hz, 1 pha - Kích thước: 850x450x1400, 750kg	1	ch	50.000.000	10	55.000.000
2	Bộ gá uốn mẫu BT 2 điểm- TQ Model:TC150	1	bộ	4.200.000	10	4.620.000
3	Khuôn trụ đk150 x 300 -TQ Code: TN037	6	ch	680.000	10	4.488.000
4	Đế Capping D150mm - TQ Model: TC434	2	bộ	1.200.000	10	2.640.000
5	Khuôn lập phương 150x150x150-VN Model: TC384	6	ch	440.000	10	2.904.000
6	Khuôn lập phương 150x150x150 kép 3 -TQ, Model:TC393	4	bộ	1.100.000	10	4.840.000
7	Khuôn bê tông 200x200x200 -VN;	6	ch	760.000	10	5.016.000
8	Máy xác định độ thấm bê tông-Trung quốc Model: HS-4 (Code: TN033)	1	ch	13.500.000	10	14.850.000
9						
10	Áp lực làm việc 4MPa, nguồn 380V, 120W,					

TT	Tên thiết bị - Thông số kỹ thuật	SL	ĐVT	Đơn giá (VNĐ)	VAT (%)	Thành tiền (VNĐ)
11	kiểm tra 6 mẫu đồng thời, mẫu cao 150mm (chưa kèm bộ gá mẫu)					
12	Khuôn đúc mẫu bê tông hình côn cho máy thấm bê tông - TQ. Model: TC629	3	ch	460.000	10	1.518.000
13	Khuôn đúc mẫu bê tông hình trụ D150x cao 150 cho máy thấm - TQ; Model: TC413	3	ch	400.000	10	1.320.000
14	Bộ gá mẫu thấm bê tông hình trụ, theo tiêu chuẩn Việt nam - TQ Model: TC624	3	bộ	1.800.000	10	5.940.000
15	Côn thử độ sụt bê tông N1 - TQ Model: TC328 Côn chuẩn D101,6 x D203,2 x H303 Bao gồm: Côn chuẩn, phễu hứng, khay tôn, thanh dầm, ca xúc mẫu.	1	bộ	1.000.000	10	1.100.000
16	Máy cưa cắt mẫu bê tông - TQ Model: TC544 Kiểu bàn đẩy, an toàn, chính xác, tiện lợi, kèm 1 lưỡi cắt kim cương D400 (kiểu dáng ELE - ENGLAND)	1	ch	5.600.000	10	6.160.000
B	THÍ NGHIỆM GẠCH TỰ CHÈN					
1	Máy xác định độ mài mòn bê tông - TQ	1	ch	19.600.000	10	21.560.000
2	Bộ tấm ép mẫu gạch tự chèn - TQ Model: TE242	1	bộ	800.000	10	880.000
C	THÍ NGHIỆM XI MĂNG, VỮA, GẠCH XÂY					
1	Máy nén, uốn xi măng 300KN - TQ - Model: TYA300 - Khả năng nén max: 300KN - Chỉ thị bằng đồng hồ điện tử.	1	ch	34.000.000	10	37.400.000
2	Bộ gá uốn mẫu XM 40x40x160 Model: TE237	1	bộ	1.600.000	10	1.760.000
3	Bộ gá nén mẫu XM 40x40 - TQ Model: TE232	1	bộ	1.600.000	10	1.760.000
4	Bộ gá uốn mẫu gạch xây - TQ Model: TE241	1	bộ	2.500.000	10	2.750.000
5	Dụng cụ VICA Model: TE064 Bao gồm: Thân chính gắn thước, thanh dẫn chuẩn, 3 kim chuẩn, khâu chuẩn, tấm kính	1	bộ	1.200.000	10	1.320.000
6	Thùng hấp mẫu xi măng Model: TE094 Dung tích: 20 lít Kích thước thùng: 220x250x380 Điện nguồn: 220V/50Hz, 1,5KW	2	ch	1.000.000	10	2.200.000

T.T	Tên thiết bị - Thông số kỹ thuật	SL	ĐVT	Đơn giá (VNĐ)	VAT (%)	Thành tiền (VNĐ)
7	Khuôn uốn xi măng 40x40x160 kép 3 -TQ; (Code: TN066)	9	bộ	440.000	10	4.356.000
8	Khuôn xi măng Le Chaterlier - TQ (Code: TN070)	9	ch	120.000	10	1.188.000
9	Bình tỷ trọng xi măng - TQ Model: TE011	6	ch	160.000	10	1.056.000
10	Sàng độ mịn xi măng 0,09mm D200 - TQ Model: TA294	1	ch	140.000	10	154.000
11	Sàng độ mịn xi măng 0,09mm D200 - TQ	1	ch	200.000	10	220.000
12	Tủ dưỡng hộ mẫu xi măng - TQ Model: SHBY-40B (HBY-40B) (Code: TN072) Nhiệt độ và độ ẩm tiêu chuẩn Nguồn điện: 220V/50Hz	1	ch	22.500.000	10	24.750.000
13	Bàn dẫn vữa xi măng - TQ Model: TE134 kèm khâu chuẩn và thước kẹp	1	bộ	1.360.000	10	1.496.000
14	Khuôn vữa xi măng 70,7 x 70,7 x 70,7 kép 3 - TQ; (Code: TN068)	9	bộ	440.000	10	4.356.000
15	Khuôn 50x50x50 kép 3 - TQ Model: TE184	9	bộ	400.000	10	3.960.000
16	Phễu xác định khả năng giữ độ lưa động của vữa - TQ; Model: TE033	1	bộ	1.000.000	10	1.100.000
17	Thiết bị thí nghiệm độ mịn xi măng bằng phương pháp tỷ diện (Blain)	1	bộ	3.500.000	10	3.850.000
18	Bàn rung vữa xi măng - TQ	1	bộ	6.000.000	10	6.600.000
19	Máy trộn xi măng - TQ	1	bộ	5.000.000	10	5.500.000
D	THÍ NGHIỆM KẾT CẤU CÔNG TRÌNH					
1	Súng bắn bê tông - MATEST (ITALY) Model: C380 (Code: TN126)	1	ch	6.900.000	10	7.590.000
2	Máy siêu âm bê tông - MATEST - Ý Model: C369 (Code: TN128)	1	bộ	20.000.000	10	22.000.000
3	Siêu âm cốt thép - TRUNG QUỐC Model ZBL-R620 (Code: TN032) Máy được dùng để siêu âm đường kính cốt thép, định vị cốt thép và chiều dày lớp phủ bê tông.	1	bộ	25.000.000	10	27.500.000
4	Máy khoan bê tông D150 - Trung Quốc Khoan được mọi vị trí, mọi hướng, được dùng cho thủy điện, thủy lợi, cầu cống.... Hoạt động bằng động cơ điện 220V/50Hz (chưa kèm mũi khoan)	1	chiếc	15.000.000	10	16.500.000
E	THÍ NGHIỆM ĐÁT- ĐÁ - CẤP PHỐI - CÁT					
I	Thí nghiệm đầm nén tiêu chuẩn					

TT	Tên thiết bị - Thông số kỹ thuật	SL	ĐVT	Đơn giá (VNĐ)	VAT (%)	Thành tiền (VNĐ)
1	Protor cải tiến: cối TS195 + chày TS198 - TQ	1	bộ	1.200.000	10	1.320.000
2	Protor tiêu chuẩn: cối TS193 + chày TS196 - TQ	1	bộ	1.000.000	10	1.100.000
II	Bộ thí nghiệm CBR					
1	Máy nén CBR 50KN - TRUNG QUỐC Model: CBR - 1 (Code: TN094) Tốc độ gia tải 1,27mm/phút, kích thước gọn nhẹ, đơn giản, điện nguồn 220V/50Hz. (chưa kèm cung lực)	1	ch	18.000.000	10	19.800.000
2	Cung lực 50 KN - TQ, (Code: TN105) đồng hồ chỉ thị 10x0,01mm.	1	ch	4.800.000	10	5.280.000
3	Khuôn CBR - TQ Model: TS250	3	bộ	1.400.000	10	4.620.000
4	Bao gồm: Thân khuôn, cổ khuôn, đế khuôn, đĩa đo trung nở, quả gia tải					
5	có rãnh, quả gia tải không rãnh, giá đỡ đồng hồ so					
6	Đồng hồ so, dải đo 10 x 0,01mm - TQ Model: TS716	9	ch	150.000	10	1.485.000
7	Đĩa phân cách - TQ: Model: TS252	5	ch	300.000	10	1.650.000
8	Dao cắt bằng thép - TQ; Model: TS258	1	ch	200.000	10	220.000
9	Giấy lọc D150 (100tờ/hộp) - TQ Model: TS263	1	hộp	400.000	10	440.000
III	Thí nghiệm thành phần hạt					
1	Sàng cát tiêu chuẩn D200mm - TQ bao gồm: 10; 5; 2,5; 1,25; 0,63; 0,315; 0,14mm, đáy và nắp	9	ch	140.000	10	1.386.000
2	Bộ sàng đất dk200mm bao gồm: 10; 5; 2; 1; 0,5; 0,25; 0,1; đáy+nắp - TQ	8	ch	140.000	10	1.232.000
3	Bộ sàng đá dk200mm bao gồm: 75; 60; 50; 40; 30; 25; 20; 15; 10; 5; 3; đáy+nắp - TQ	12	ch	140.000	10	1.848.000
4	Bộ sàng đá cấp phối dk200mm gồm: 37,5; 25; 12,5; 4,75; 2,0; 0,425; 0,075; đáy+nắp - TQ	8	ch	140.000	10	1.232.000
5	Bộ sàng cốt liệu BTN dk200mm bao gồm: 37,5; 25; 20; 19; 12,5; 9,5; 4,75; 2,36; 1,18; 0,6; 0,3; 0,15; 0,075; đáy+nắp - TQ	14	ch	140.000	10	2.156.000
6	Bộ sàng đường kính D300 - TQ	40	ch	200.000	10	8.800.000
7	Lỗ sàng TCVN 80mm, mạ kẽm - TQ Code: TA358	1	ch	140.000	10	154.000
8	Lỗ sàng TCVN 90mm, mạ kẽm - TQ Code: TA359	1	ch	140.000	10	154.000

TT	Tên thiết bị - Thông số kỹ thuật	SL	ĐVT	Đơn giá (VNĐ)	VAT (%)	Thành tiền (VNĐ)
9	Lỗ sàng TCVN 100mm, mạ kẽm - TQ Code: TA360	1	ch	140.000	10	154.000
10	Lỗ sàng TCVN 110mm, mạ kẽm - TQ	1	ch	140.000	10	154.000
11	Tỷ trọng kế 0,995-1,030 - TQ (Code: TV302)	1	ch	450.000	10	495.000
12	Tỷ trọng kế 0- 60g - TQ (Code: TV303)	1	ch	450.000	10	495.000
IV	Giới hạn chảy, dẻo của đất- TQ				10	
1	Thiết bị chảy casagrande; Model: TS187, bao gồm: Dụng cụ khía rãnh, dao trộn, bát trộn.	1	ch	1.360.000	10	1.496.000
2	Bộ thí nghiệm Vaxilieps - TQ Model: TS730	1	bộ	600.000	10	660.000
3	Bộ thí nghiệm giới hạn dẻo của đất Model: TS169 Bao gồm: Tấm kính, bình xịt, 6 cốc ẩm, dao trộn, hộp đựng.	1	bộ	600.000	10	660.000
4	Tấm kính xác định giới hạn dẻo-TQ Model: TS188	1	ch	150.000	10	165.000
V	Độ mài mòn LOS ANGELES					
1	Máy thử độ mài mòn Los Angeles-TQ Model: MH-1(Code: TN003)	1	ch	19.900.000	10	21.890.000
VI	Thí nghiệm nén đập trong xi lanh					
1	Bộ xi lanh nén đập đá D75-TQ Model: TA662	1	bộ	450.000	10	495.000
2	Bộ xi lanh nén đập đá D150-TQ Model: TA661	1	bộ	950.000	10	1.045.000
VII	Thí nghiệm đương lượng cát					
1	Bộ xác định đương lượng cát Model: TS158	1	bộ	3.200.000	10	3.520.000
VIII	XĐ hàm lượng bụi bùn sét					
1	Thiết bị xác định hàm lượng sét của đá (Bình rửa đá) ; TS728	1	ch	800.000	10	880.000
2	Thiết bị xác định hàm lượng sét của cát (Bình rửa cát) ; TS729	1	ch	600.000	10	660.000
IX	XĐ lượng tạp chất hữu cơ				10	
1	Ống đong hình trụ 250ml; Model: TV111	3	ch	50.000	10	165.000
2	Hoá chất NaOH - TQ; model: TV455	5	lít	100.000	10	550.000
3	Bảng màu chuẩn - T-TECH Model: TS101	2	ch	80.000	10	176.000
X	XĐ hàm lượng mica					
1	Giấy nhám; Model: TS735	5	tờ	5.000	10	27.500
2	Phiếu thuỷ tinh-TQ; Model: TV206	2	ch	50.000	10	110.000
XI	Thí nghiệm KL thể tích xốp, độ xốp					
1	Phiếu xác định độ xốp của đá Model: TA754	1	ch	1.000.000	10	1.100.000

TT	Tên thiết bị - Thông số kỹ thuật	SL	ĐVT	Đơn giá (VNĐ)	VAT (%)	Thành tiền (VNĐ)
2	Phễu xác định độ xốp của cát Model: TA755	1	ch	600.000	10	660.000
3	Hộc đong 1l, 2l, 3l, 5l, 10l, 20l lít Model: TC347	1	ch	200.000	10	220.000
F	THÍ NGHIỆM ĐẤT HIỆN TRƯỜNG				10	
1	Phễu rót cát; kèm bình thể tích chuẩn và tấm dung trọng hiện trường, thùng gỗ Model: TS342	1	bộ	880.000	10	968.000
2	Bộ dao vòng lấy mẫu đất . Model: TS036. kèm 03 lưỡi dao TS084-01	1	bộ	1.600.000	10	1.760.000
3	Bộ đo E bằng tấm ép tĩnh VN Model: TS306 Bao gồm: Tấm ép đk340mm, tấm tự lựa, kích thủy lực 32tấn gắn đồng hồ chỉ thị lực, bộ giàn đỡ thiên phân ké, 02 thiên phân ké	1	bộ	3.600.000	10	3.960.000
4	Bộ cân Benkenman - VN kiểu dáng England Model: TB227 Tỷ lệ 2:1; làm bằng INOX , rút 3 đoạn, hình thức gọn gàng, dễ sử dụng	1	bộ	2.600.000	10	2.860.000
5	Thước phẳng 3m - TQ/TQ (Code: TN022)	1	bộ	1.600.000	10	1.760.000
6	Dụng cụ xác định độ nhám mặt đường bằng PP rắc cát; Model: TB230	1	bộ	400.000	10	440.000
7	Bộ xuyên tĩnh - TQ Model: TS040 Bao gồm: cần xuyên 3 thanh dài 500mm, 3 mũi xuyên, cung lực 1,2KN, tay cầm. (linh kiện nhập ngoại)	1	bộ	11.600.000	10	12.760.000
8	Bộ xuyên tiêu chuẩn SPT - TQ Bao gồm: Giá chữ A, tời kéo, bộ đóng SPT. Model: TS731	1	bộ	7.900.000	10	8.690.000
9	Máy đo điện trở đất - KYORITSU-NHẬT Model: 4102 (Code: TN129) Bao gồm: Máy chính, cáp truyền số liệu, cọc tiếp địa, túi da và sách hướng dẫn sử dụng.	1	bộ	4.800.000	10	5.280.000
G	ĐỊA CHẤT CÔNG TRÌNH					
1	Máy nén đất tam liên - TQ Model: WG-1C (Code: TN099) kèm đầy đủ phụ kiện như quả cân, đá thăm, dao cắt..	1	bộ	14.600.000	10	16.060.000
2	Máy cắt đất 2 tốc độ - TQ Model: EDJ - 1 (ZJ) (Code: TN101) kèm đầy đủ phụ kiện: quả cân, hộp cắt, cung lực, đồng hồ	1	bộ	12.600.000	10	13.860.000

TT	Tên thiết bị - Thông số kỹ thuật	SL	ĐVT	Đơn giá (VNĐ)	VAT (%)	Thành tiền (VNĐ)
3	Dao cắt đất 30cm2 - TQ Model: TS365	6	ch	100.000	10	660.000
4	Dao cắt đất 50cm2 - TQ Model: TS366	6	ch	120.000	10	792.000
5	Hộp thăm đất nam kinh - Trung Quốc Model: TST-55 (Code: TN096)	1	hộp	2.200.000	10	2.420.000
6	Bộ thăm đất cột nước không đổi - TQ Model: TST-70 (Code: TN097)	1	bộ	3.200.000	10	3.520.000
7	Bộ trưng nở đất - TQ; WZ-II (Code: TN098)	1	bộ	2.600.000	10	2.860.000
I	THÍ NGHIỆM NHỰA - BÊ TÔNG NHỰA					
I	Thí nghiệm nhựa theo PP Marshall.					
1	Máy nén Marshall 30KN - Model: TB069 (kiểu dáng MATEST-Ý) Hoạt động bằng động cơ điện, điện áp 220V/50HZ, theo tiêu chuẩn ASTM và AASHTO và phù hợp với tiêu chuẩn Việt nam, tốc độ gia tải 50,8mm/phút kèm theo piston, bộ gá ép 2 nửa, gá đỡ đồng hồ so (chưa kèm cung lực)	1	ch	16.800.000	10	18.480.000
2	Cung lực 30 KN - TQ, đồng hồ chỉ thị 10x0,01mm, (Code: TN013)	1	ch	4.600.000	10	5.060.000
3	Bộ chày đầm marshall bằng tay - TQ Model: TB058 kèm đế gỗ, 04 thanh định vị	1	bộ	3.200.000	10	3.520.000
4	TB053: Cỗ khuôn marshall	3	ch	200.000	10	660.000
5	TB054: Đế khuôn marshall	3	ch	100.000	10	330.000
6	TB052: Thân khuôn Marshall	3	ch	250.000	10	825.000
7	Thùng ổn nhiệt - TQ Model: TB106 Nhiệt độ điều khiển: 0-100 độ Dung tích: 32 lít	1	ch	4.600.000	10	5.060.000
8	Dao gọt mẫu; Model: TB231	2	ch	50.000	10	110.000
II	Thí nghiệm chiết xuất bằng PP ly tâm					
1	Máy ly tâm tách nhựa - TQ Model: LLC-15 Khả năng: 3000g Điện áp nguồn: 220V/50Hz	1	ch	15.500.000	10	17.050.000
2	Giấy lọc (100tờ/hộp); TB014	3	hộp	500.000	10	1.650.000
III	Thí nghiệm giãn dài					
1	Thiết bị giãn dài nhựa - TRUNG QUỐC Model: SY - 1,5 (Code: TN 016) tốc độ kéo tiêu chuẩn 50,8mm/phút, kéo dài max 1500mm, động cơ 220V/50Hz	1	ch	14.400.000	10	15.840.000
2	Khuôn mẫu chuẩn, hình số 8 bằng đồng - TQ; Model: TB115-11	3	ch	360.000	10	1.188.000

TT	Tên thiết bị - Thông số kỹ thuật	SL	ĐVT	Đơn giá (VNĐ)	VAT (%)	Thành tiền (VNĐ)
X	Thí nghiệm kim lún nhựa					
1	Thiết bị kim lún nhựa - TQ Model: DF-4 (Code: TN019)	1	bộ	5.500.000	10	6.050.000
X	Thí nghiệm bốc cháy nhựa					
1	Thiết bị TN bốc cháy nhựa - TQ. Model: SYD-3536 (Code: TN018)	1	bộ	3.200.000	10	3.520.000
2	Thiết bị TN hoá mềm nhựa-TQ Model: DF-5 (Code: TN020)	1	bộ	7.200.000	10	7.920.000
X	Thí nghiệm tổn thất khi nung					
1	Thiết bị XD tổn thất khi nung-TQ Model: TB139 Bao gồm: 1 lò sấy, mô tơ 5 vòng/phút, giá quay)	1	bộ	8.800.000	10	9.680.000
XI	Thí nghiệm bột khoáng					
1	Lò nung 1000 ⁰ C - TQ; 2,5-10 (Code: TN008)	1	ch	6.600.000	10	7.260.000
2	Kính lúp - TQ; Model: TV466	1	ch	300.000	10	330.000
3	Chén sứ chịu nhiệt - TQ; Model: TV196	3	ch	80.000	10	264.000
4	Bát sứ thí nghiệm - TQ; Model: TV182	3	ch	60.000	10	198.000
5	Bát INOX D 180 - VN; Model: TV195	3	ch	80.000	10	264.000
6	Chày cao su - TQ; Model: TV174	3	ch	80.000	10	264.000
7	Đũa thủy tinh - TQ; Model: TV259	1	ch	50.000	10	55.000
K	THIẾT BỊ DÙNG CHUNG					
1	Nhiệt kế thủy tinh 0 - 100 C - TQ Model: TV285	2	ch	50.000	10	110.000
2	Nhiệt kế thủy tinh 0 - 300 C - TQ Model: TV287	1	ch	60.000	10	66.000
3	Nhiệt kế kim loại 0-100C; TV276	1	ch	160.000	10	176.000
4	Nhiệt kế kim loại 0-250C; TV277	1	ch	160.000	10	176.000
5	Nhiệt kế kim loại 0-350C; TV278	1	ch	160.000	10	176.000
6	Bộ cối chày bằng sứ - TQ Model: TV176	1	bộ	80.000	10	88.000
7	Chày cao su - TQ; Model: TV174	1	ch	50.000	10	55.000
8	Bơm chân không - TQ Code: TV390	1	ch	3.300.000	10	3.630.000
9	Bình hút chân không 8 lít - TQ Model: TA250	1	ch	550.000	10	605.000
10	ống cao su; Model: TV391	1	m	50.000	10	55.000
11	Đồng hồ chỉ thị áp - TQ; TV392	1	ch	220.000	10	242.000
12	Thước kẹp tiêu chuẩn - TQ Model: TV317	1	ch	180.000	10	198.000
13	Thìa xúc mẫu; Model: TV360	1	ch	20.000	10	22.000
14	Đục thép 2,5cm; Model: TV378	1	ch	20.000	10	22.000
15	Xéng xúc cát; Model: TV376	1	ch	30.000	10	33.000
16	Cân đưng cát chuẩn 5 lít; Model: TV213	1	ch	10.000	10	11.000
17	Búa cao su - VN; Model: TV375	1	ch	30.000	10	33.000

TT	Tên thiết bị - Thông số kỹ thuật	SL	ĐVT	Đơn giá (VNĐ)	VAT (%)	Thành tiền (VNĐ)
18	Búa thép - VN; Model: TV373	1	ch	30.000	10	33.000
19	Dao để gạt đất - TQ; Model: TS260	1	ch	40.000	10	44.000
20	Thìa trộn - VN; Model: TV364	1	ch	20.000	10	22.000
21	Bay trộn - VN; Model: TV362	1	ch	20.000	10	22.000
22	Bình xịt rửa mẫu - TQ; Model: V210	1	ch	20.000	10	22.000
23	Hộp âm bằng nhôm Model: TV215	1	ch	40.000	10	44.000
24	Bộ cối chày bằng Đồng - TQ Model: TV180	2	bộ	550.000	10	1.210.000
25	Cân cơ 311g x 0,01g- TQ Code: TV002	1	ch	2.600.000	10	2.860.000
27	Cân điện tử 300g x 0.01g -TQ Code: TV035	1	ch	4.400.000	10	4.840.000
28	Cân điện tử 600g x 0.01g -TQ Code: TV039	1	ch	5.200.000	10	5.720.000
29	Cân điện tử 5000g x 0.5g -TQ	1	ch	5.400.000	10	5.940.000
30	Tủ sấy 300 ⁰ C, model 101-2; 126 lít - TQ (Code: TN005)	1	ch	5.000.000	10	5.500.000
31	Cân điện tử 30KG x 1g <i>Hãng sản xuất : OHAUS - Mỹ (lắp ráp tại TQ)</i>	1	bộ	5.800.000	10	6.380.000
32	Bếp điện - TQ	1	bộ	2.800.000	10	3.080.000
33	Máy chưng cất nước - TQ	1	bộ	6.500.000	10	7.150.000
34	Máy hút ẩm OASIS - America	1	bộ	4.500.000	10	4.950.000
35	Thước thép 5m	1	bộ	50.000	10	55.000
36	Thước thép 42m	1	bộ	150.000	10	165.000
	TỔNG CỘNG:					792.819.500

**HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Liên 2: Giao người mua
Ngày 22 tháng 03 năm 2012

Mẫu số: 01/GTKT3/01

Ký hiệu: AA/11P

Số HD: 00000000

Hàng bán: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI THIẾT BỊ VÀ CÔNG NGHỆ
51 ngõ 91 đường Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội
Điện thoại: 010 3057417
Số fax: 04 3556 1937 / 04 3782 3437 **Fax:** 04 3556 1937
Banking: 0011002912556 tại Sở giao dịch Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam

Người mua hàng:
Công ty TNHH MTV Tư vấn Kiến trúc Xây dựng Thái Hòa
Số 478 Đường Trần Hưng Đạo - TX Lạc Châu - T. Lạc Châu
Số tài khoản: 36210000105046 - Ngân hàng A.T.U PT Tỉnh Lạc Châu
Phương thức thanh toán: CK **Mã số thuế:** 6200047158

Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	3	4	5	6=4x5
1. Máy móc thiết bị dùng củ thí nghiệm (chi tiết theo phụ lục đính kèm hợp đồng kinh tế số 10/ENPT/HĐKT/2012 ngày 01/05/2012)				790.745.000

Cộng tiền hàng: 790.745.000

Tiền thuế GTGT: 79.074.500

CHỦ TỊCH UBND XÃ NAM LÔNG
CHUNG THỰC ĐƠN SỔ ĐĂNG KÝ VÀ ĐƠN CHẤM: 792.819.500

Người mua hàng: *Bảy Triệu chín nghìn hai trăm hai mươi lăm ngàn năm trăm tám mươi*
Ngày: 26-06-2017



Người bán hàng: *Phạm Văn Việt*
Số QĐ: *010002912556* **Giám đốc**
Phạm Văn Việt

Giảng A Cửa

BẢNG KÊ NĂNG LỰC MÁY MÓC THIẾT BỊ VÀ CÔNG NGHỆ

I. BẢNG KÊ MÁY MÓC THIẾT BỊ VĂN PHÒNG:

TT	Tên thiết bị - Thông số kỹ thuật	SL	ĐVT	Hiện trạng
1	Máy vi tính kỹ thuật	10	Bộ	Hoạt động bình thường
2	Máy tính xách tay	2	Bộ	Hoạt động bình thường
3	Máy in Canon 1210 (A4)	4	Cái	Hoạt động bình thường
4	Máy in HP laser 5000 (A3)	1	Cái	Hoạt động bình thường
5	Máy PhotoCopy RICOH 7500	1	Cái	Hoạt động bình thường
6	Máy in màu EPSON photo310 R	1	Cái	Hoạt động bình thường
7	Máy UPS lưu điện 8,5 KVA	1	Cái	Hoạt động bình thường
8	Ôn áp LIOA 15KVA	1	Cái	Hoạt động bình thường
9	Máy quét SKENE	1	Cái	Hoạt động bình thường
10	Máy khoan tay	2	Bộ	Hoạt động bình thường
11	Máy khoan CBY - 150 ZUB	1	Bộ	Hoạt động bình thường
12	Máy khoan XY-1	1	Bộ	Hoạt động bình thường
13	Máy xuyên tĩnh GOUDA	1	Bộ	Hoạt động bình thường
14	Máy toàn đạc điện tử	2	Cái	Hoạt động bình thường
15	Máy thủy bình	2	Cái	Hoạt động bình thường

II. BẢNG KÊ MÁY MÓC THIẾT BỊ PHỤC VỤ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH

TT	Tên thiết bị - Thông số kỹ thuật	SL	ĐVT	Hiện trạng
A	THÍ NGHIỆM THÉP, KIM LOẠI, MỎI HÀN			
1	Máy kéo nén vạn năng 1000KN - TQ. Hãng SX: WUXI - Triết Giang - Model: WE-1000B(Ngàm kẹp thủy lực) - Dài đo: 200KN/0,5KN; 500KN/1KN; 1000KN/2KN - Kéo thép tròn đường kính từ D6-D45mm và thép dẹt dày từ 0 - 40mm - Máy được dùng để nén bê tông, uốn bê tông, nén vữa xi măng và kéo thép - Hành trình piston 166mm - Kích thước máy: H2200xD760xW1900 - Trọng lượng: 3300kg - Điện áp nguồn: 380V/50Hz, 1,5KW	1	Bộ	Hoạt động bình thường
B	THÍ NGHIỆM BÊ TÔNG NẶNG			
I	Thiết bị thí nghiệm trong phòng			
1	Máy nén bê tông 1500 KN - UNIT-TEST - MALAYSIA SER: 13130027	1	ch	Hoạt động bình thường



TT	Tên thiết bị - Thông số kỹ thuật	SL	ĐVT	Hiện trạng
	- Dài đo: 1500KN/5KN			
	- Dễ sử dụng, phù hợp tiêu chuẩn Việt Nam			
	- Hoạt động bằng động cơ điện, nén tự động, tự động lưu giữ kết quả nén bằng đồng hồ hai kim.			
	- Mẫu nén: mẫu lập phương và mẫu trụ			
	- Điện nguồn: 220V/50Hz			
2	Máy nén bê tông 2000 KN - WUXI - TQ Model: TYE-2000	1	ch	Hoạt động bình thường
	- Dài đo: 800KN/2,5; 2000KN/5KN			
	- Dễ sử dụng, phù hợp tiêu chuẩn Việt Nam			
	- Hoạt động bằng động cơ điện, nén tự động, tự động lưu giữ kết quả nén bằng đồng hồ hai kim.			
	- Mẫu nén: mẫu lập phương và mẫu trụ			
	- Điện nguồn: 220V/50Hz, 1 pha			
	- Kích thước: 850x450x1400, 750kg			
3	Bộ gá uốn mẫu BT 2 điểm - TQ Model: TC150	1	bộ	Hoạt động bình thường
4	Khuôn trụ đk 150x300 - TQ Code: TN037	6	ch	Hoạt động bình thường
5	Đế Capping D150mm - TQ Model: TC434	2	bộ	Hoạt động bình thường
6	Khuôn lập phương 150x150x150 - VN Model: TC384	6	ch	Hoạt động bình thường
7	Khuôn lập phương 150x150x150 kép 3 - TQ Model: TC393	4	bộ	Hoạt động bình thường
8	Khuôn bê tông 200x200x200 - VN Model: TC385	6	ch	Hoạt động bình thường
9	Máy xác định độ thấm bê tông - Trung Quốc Model: HS-4 (Code: TN033)	1	ch	Hoạt động bình thường
10	Áp lực làm việc 4MPa, nguồn 380V, 120W kiểm tra 6 mẫu đồng thời, mẫu cao 150mm (chưa kèm bộ gá mẫu)			Hoạt động bình thường
	Khuôn đúc mẫu bê tông hình côn cho máy thấm bê tông TQ. Model: TC629	3	ch	Hoạt động bình thường
	Khuôn đúc mẫu bê tông hình trụ D150 x cao 150 cho máy thấm - TQ Model: TC413	3	ch	Hoạt động bình thường
	Bộ gá mẫu thấm bê tông hình trụ, theo tiêu chuẩn Việt Nam - TQ Model: TC624	3	bộ	Hoạt động bình thường
11	Côn thử độ sụt bê tông N1 - TQ Model: TC328 Côn chuẩn D101,6 x D203,2 x H303 Bao gồm: Côn chuẩn, phễu hứng, khay tôn, thanh đầm, ca xúc mẫu	1	bộ	Hoạt động bình thường
12	Máy cưa cắt mẫu bê tông - TQ Model: TC544 Kiểu bàn đẩy, an toàn, chính xác, tiện lợi, kèm 1 lưỡi cắt kim cương D400 (kiểu dáng ELE - ENGLAND)	1	ch	Hoạt động bình thường
B	THÍ NGHIỆM GẠCH TỰ CHÈN			
1	MÁY xác định độ mài mòn bê tông - TQ Model: TC632 Theo tiêu chuẩn Việt Nam	1	ch	Hoạt động bình thường

TT	Tên thiết bị - Thông số kỹ thuật	SL	ĐVT	Hiện trạng
2	Máy siêu âm bê tông - MATEST - Ý Model: C369 (Code: TN128)	1	bộ	Hoạt động bình thường
3	Siêu âm cốt thép - Trung Quốc Model ZBL-R620 (Code: TN032) Máy được dùng để siêu âm đường kính cốt thép, định vị cốt thép và chiều dài lớp phủ bê tông	1	bộ	Hoạt động bình thường
4	Máy khoan bê tông D150 - Trung Quốc Khoan được mọi vị trí, mọi hướng, được dùng cho thùy điện, thùy lợi, cầu cống... Hoạt động bằng động cơ điện 220V/50Hz (chưa kèm mũi khoan)	1	chiếc	Hoạt động bình thường
E	THÍ NGHIỆM ĐẤT - ĐÁ - CẤP PHỐI - CÁT			
I	Thí nghiệm đầm nén tiêu chuẩn			
1	Protor cải tiến: cối TS195 + chày TS198 - TQ	1	bộ	Hoạt động bình thường
2	Protor tiêu chuẩn: cối TS193 + chày TS196 - TQ	1	bộ	Hoạt động bình thường
II	Bộ thí nghiệm CBR			
1	Máy nén CBR 50KN - TRUNG QUỐC Model: CBR - 1 (Code: TN094) Tốc độ gia tải 1,27mm/phút, kích thước gọn nhẹ, đơn giản, điện nguồn 220v/50Hz (chưa kèm cung lực)	1	ch	Hoạt động bình thường
2	Cung lực 50 KN - TQ (Code: TN105) đồng hồ chỉ thị 10x0,01mm	1	ch	Hoạt động bình thường
3	Khuôn CBR - TQ Model: TS250	3	bộ	Hoạt động bình thường
4	Bào gồm: Thân khuôn, cổ khuôn, đế khuôn, đĩa đo trương nở, quả gia tải			Hoạt động bình thường
5	có rãnh, quả gia tải không rãnh, giá đỡ đồng hồ so			Hoạt động bình thường
6	Đồng hồ so, dải đo 10x0,01mm - TQ Model: TS716	9	ch	Hoạt động bình thường
7	Đĩa phân cách - TQ Model: TS252	5	ch	Hoạt động bình thường
8	Dao cắt bằng thép - TQ Model: TS258	1	ch	Hoạt động bình thường
9	Giấy lọc D150 (100 tờ/hộp) - TQ Model: TS263	1	hộp	Hoạt động bình thường
III	Thí nghiệm thành phần hạt			
1	Sàng cát tiêu chuẩn D200mm - TQ bao gồm: 10; 5; 2,5; 1,25; 0,63; 0,315; 0,14mm, đáy và nắp	9	ch	Hoạt động bình thường
2	Bộ sàng đất dk200mm bao gồm: 10; 5; 2; 1; 0,5; 0,25; 0,1; đáy + nắp - TQ	8	ch	Hoạt động bình thường
3	Bộ sàng đá dk200mm bao gồm: 75; 60; 50; 40; 30; 25; 20; 15; 10; 5; 3; đáy + nắp - TQ	12	ch	Hoạt động bình thường
4	Bộ sàng đá cấp phối dk200mm bao gồm: 37,5; 25; 12,5; 4,75; 2,0; 0,425; 0,075; đáy + nắp - TQ	8	ch	Hoạt động bình thường
5	Bộ sàng cốt liệu BTN dk200mm bao gồm: 37,5; 25; 20; 19; 12,5; 9,5; 4,75; 2,36; 1,18; 0,6; 0,3; 0,15; 0,075; đáy + nắp - TQ	14	ch	Hoạt động bình thường
6	Bộ sàng đường kính D300 - TQ	40	ch	Hoạt động bình thường
7	Lỗ sàng TCVN 80mm, mạ kẽm - TQ Code: TA358	1	ch	Hoạt động bình thường

TT	Tên thiết bị - Thông số kỹ thuật	SL	ĐVT	Hiện trạng
8	Lỗ sàng TCVN 90mm, mạ kẽm - TQ Code: TA359	1	ch	Hoạt động bình thường
9	Lỗ sàng TCVN 100mm, mạ kẽm - TQ Code: TA360	1	ch	Hoạt động bình thường
10	Lỗ sàng TCVN 110mm, mạ kẽm - TQ Code: TA361	1	ch	Hoạt động bình thường
11	Tỷ trọng kế 0,995-1,030 - TQ (Code: TV302)	1	ch	Hoạt động bình thường
12	Tỷ trọng kế 0-60g - TQ (Code: TV303)	1	ch	Hoạt động bình thường
IV	Giới hạn chảy, dẻo của đất - TQ			
1	Thiết bị chảy casagrande; Model: TS187, bao gồm: Dụng cụ khía rãnh, dao trộn, bát trộn.	2	Ch	Hoạt động bình thường
2	Bộ thí nghiệm Vaxilieps - TQ Model: TS730	2	Bộ	Hoạt động bình thường
3	Bộ thí nghiệm giới hạn dẻo của đất Model: TS169 Bao gồm: Tấm kính, bình xịt, 6 cốc âm, dao trộn, hộp đựng.	2	Bộ	Hoạt động bình thường
4	Tấm kính xác định giới hạn dẻo-TQ Model: TS188	2	Ch	Hoạt động bình thường
V	Độ mài mòn LOS ANGELES			
1	Máy thử độ mài mòn Los Angeles-TQ Model: MH-1(Code: TN003)	1	Ch	Hoạt động bình thường
VI	Thí nghiệm nén đập trong xi lanh			
1	Bộ xi lanh nén đập đá D75-TQ Model: TA662	1	Bộ	Hoạt động bình thường
2	Bộ xi lanh nén đập đá D150-TQ Model: TA661	1	Bộ	Hoạt động bình thường
VII	Thí nghiệm đương lượng cát			
1	Bộ xác định đương lượng cát Model: TS158	1	Bộ	Hoạt động bình thường
VIII	XĐ hàm lượng bụi bùn sét			
1	Thiết bị xác định hàm lượng sét của đá (Bình rửa đá); TS728	1	Ch	Hoạt động bình thường
2	Thiết bị xác định hàm lượng sét của đá (Bình rửa đá); TS729	1	Ch	Hoạt động bình thường
IX	XĐ lượng tạp chất hữu cơ			
1	Ống đong hình trụ 250ml; Model: TV111	3	Ch	Hoạt động bình thường
2	Hóa chất NaOH - TQ; Model: TV455	5	lít	Hoạt động bình thường
3	Bảng màu chuẩn - T-TECH Model: TS101	2	Ch	Hoạt động bình thường
X	XĐ hàm lượng mica			
1	Giấy nhám; Model: TS735	5	Tờ	Hoạt động bình thường
2	Phiếu thủy tinh-TQ; Model: TV206	2	Ch	Hoạt động bình thường
XI	Thí nghiệm KL thể tích xốp, độ xốp			
1	Phiếu xác định độ xốp của đá Model: TA754	1	Ch	Hoạt động bình thường
2	Phiếu xác định độ xốp của cát Model: TA755	1	Ch	Hoạt động bình thường

TT	Tên thiết bị - Thông số kỹ thuật	SL	ĐVT	Hiện trạng
3	Hộc đong 11, 21, 31, 51, 101, 201 lít Model: TC347	1	Ch	Hoạt động bình thường
F	THÍ NGHIỆM ĐẤT HIỆN TRƯỜNG			
1	Phễu rót cát; kèm bình thể tích chuẩn và tấm dung trọng hiện trường, thùng gỗ Model: TS342	1	Bộ	Hoạt động bình thường
2	Bộ dao vòng lấy mẫu đất. Model: TS036 kèm 03 lưỡi dao TS084-01	1	Bộ	Hoạt động bình thường
3	Bộ đo E bằng tấm ép tĩnh VN Model: TS306 Bao gồm: Tấm ép đk340mm, tấm tự lựa, kích thủy lực 32 tấn gắn đồng hồ chỉ thị lực, bộ giàn đỡ thiên phân kế, 02 thiên phân kế	1	Bộ	Hoạt động bình thường
4	Bộ cần Benkenman - VN kiểu dáng England Model: TB227 Tỷ lệ 2:1; làm bằng INOX, rút 3 đoạn, hình thức gọn gàng, dễ sử dụng	1	Bộ	Hoạt động bình thường
5	Thước phẳng 3m - TQ/TQ (Code: TN022)	1	Bộ	Hoạt động bình thường
6	Dụng cụ xác định độ nhám mặt đường bằng PP rắc cát; Model: TB230	1	Bộ	Hoạt động bình thường
7	Bộ xuyên tĩnh - TQ Model: TS040 Bao gồm: cần xuyên 3 thanh dài 500mm, 3 mũi xuyên, cung lực 1,2KN, tay cầm (linh kiện nhập ngoại)	1	Bộ	Hoạt động bình thường
8	Bộ xuyên tiêu chuẩn SPT - TQ Bao gồm: Giá chữ A, tời kéo, bộ đóng SPT. Model: TS731	1	Bộ	Hoạt động bình thường
9	Máy đo điện trở đất - KYORITSU-Nhật Model: 4102 (Code: TN129) Bao gồm: Máy chính, cáp truyền số liệu, cọc tiếp địa, túi da và sách hướng dẫn sử dụng.	1	Bộ	Hoạt động bình thường
G	ĐỊA CHẤT CÔNG TRÌNH			
1	Máy nén đất tam liên - TQ Model: WG-1C (Code: TN099) kèm đầy đủ phụ kiện như quả cân, đá thối, dao cắt...	1	Bộ	Hoạt động bình thường
2	Máy cắt đất 2 tốc độ - TQ Model: EDJ - 1 (ZJ) (Code: TN101) kèm đầy đủ phụ kiện: quả cân, hộp cắt, cung lực, đồng hồ	1	Bộ	Hoạt động bình thường
3	Dao cắt đất 30cm ² - TQ Model: TS365	6	Ch	Hoạt động bình thường
4	Dao cắt đất 50cm ² - TQ Model: TS366	6	Ch	Hoạt động bình thường
5	Hộp thấm đất Nam Kinh - Trung Quốc Model: TST-55 (Code: TN096)	1	Hộp	Hoạt động bình thường
6	Bộ thấm đất cột nước không đổi - TQ Model: TST-70 (Code: TN097)	1	Bộ	Hoạt động bình thường
7	Bộ trương nở đất - TQ; WZ-II (Code: TN098)	1	Bộ	Hoạt động bình thường
I	THÍ NGHIỆM NHỰA - BÊ TÔNG NHỰA			
I	Thí nghiệm nhựa theo PP Marshall			
1	Máy nén Marshall 30KN	1	Ch	Hoạt động bình thường

TT	Tên thiết bị - Thông số kỹ thuật	SL	ĐVT	Hiện trạng
	-Model: TB069 (kiểu dáng MATEST-Ý)			
	Hoạt động bằng động cơ điện, điện áp 220V/50HZ, theo tiêu chuẩn			
	ASTM và AASHTO và phù hợp với tiêu chuẩn Việt Nam, tốc độ gia tải 50,8mm/phút kèm theo piston, bộ gá ép 2 nửa, gá đỡ đồng hồ so (chưa kèm cung lực)			
2	Cung lực 30 KN - TQ, đồng hồ chỉ thị 10x0,01mm, (Code: TN013)	1	Ch	Hoạt động bình thường
3	Bộ chày đầm marshall bằng tay - TQ Model: TB058 kèm đế gỗ, 04 thanh định vị	1	Bộ	Hoạt động bình thường
4	TB053: Cỗ khuôn marshall	3	Ch	Hoạt động bình thường
5	TB054: Đế khuôn marshall	3	Ch	Hoạt động bình thường
6	TB052: Thân khuôn marshall	3	Ch	Hoạt động bình thường
7	Thùng ổn nhiệt - TQ Model: TB106 Nhiệt độ điều khiển: 0-100 độ Dung tích: 32 lít	1	Ch	Hoạt động bình thường
8	Dao gạt mẫu; Model: TB231	2	Ch	Hoạt động bình thường
II	Thí nghiệm chiết xuất bằng PP ly tâm			
1	Máy ly tâm tách nhựa - TQ Model: LLC-15 Khả năng: 3000g Điện áp nguồn: 220V/50Hz	2	Ch	Hoạt động bình thường
2	Giấy lọc (100 tờ/hộp); TB014	3	Hộp	Hoạt động bình thường
III	Thí nghiệm giãn dài			
1	Thiết bị giãn dài nhựa - TRUNG QUỐC Model: SY - 1,5 (Code: TN016)	1	Ch	Hoạt động bình thường
	Tốc độ kéo tiêu chuẩn 50,8mm/phút, kéo dài max 1500mm, động cơ 220V/50Hz			Hoạt động bình thường
2	Khuôn mẫu chuẩn, hình số 8 bằng đồng - TQ; Model: TB115-11	3	Ch	Hoạt động bình thường
X	Thí nghiệm kim lún nhựa			
1	Thiết bị kim lún nhựa - TQ Model: DF-4 (Code: TN019)	1	Bộ	Hoạt động bình thường
X	Thí nghiệm bốc cháy nhựa			
1	Thiết bị TN bốc cháy nhựa - TQ Model: SYD-3536 (Code: TN018)	1	Bộ	Hoạt động bình thường
2	Thiết bị TN hóa mềm nhựa-TQ Model: DF-5 (Code: TN020)	1	Bộ	Hoạt động bình thường
X	Thí nghiệm tổn thất khi nung			
1	Thiết bị XD tổng thất khi nung-TQ Model: TB139 Bao gồm: 1 lò sấy, mô tơ 5 vòng/phút, giá quay		Bộ	Hoạt động bình thường
XI	Thí nghiệm bột khoáng			
1	Lò nung 1000 °C - TQ; 2,5-10 (Code: TN008)	1	Ch	Hoạt động bình thường
2	Kính lúp - TQ; Model: TV466	1	Ch	Hoạt động bình thường
3	Chén sứ chịu nhiệt - TQ; Model: TV196	3	Ch	Hoạt động bình thường

TT	Tên thiết bị - Thông số kỹ thuật	SL	ĐVT	Hiện trạng
4	Bát sứ thí nghiệm - TQ; Model: TV182	3	Ch	Hoạt động bình thường
5	Bát INOX D 180 - VN; Model: TV195	3	Ch	Hoạt động bình thường
6	Chày cao su - TQ; Model: TV174	3	Ch	Hoạt động bình thường
7	Đũa thủy tinh - TQ; Model: TV259	1	Ch	Hoạt động bình thường
K	THIẾT BỊ DÙNG CHUNG			
1	Nhiệt kế thủy tinh 0 - 100°C - TQ Model: TV285	2	Ch	Hoạt động bình thường
2	Nhiệt kế thủy tinh 0 - 300°C - TQ Model: TV287	1	Ch	Hoạt động bình thường
3	Nhiệt kế kim loại 0-100°C; TV276	1	Ch	Hoạt động bình thường
4	Nhiệt kế kim loại 0-250°C; TV277	1	Ch	Hoạt động bình thường
5	Nhiệt kế kim loại 0-350°C; TV278	1	Ch	Hoạt động bình thường
6	Bộ cối chày bằng sứ - TQ Model: TV176	1	Bộ	Hoạt động bình thường
7	Chày cao su - TQ; Model: TV174	1	Ch	Hoạt động bình thường
8	Bơm chân không - TQ Code: TV390	1	Ch	Hoạt động bình thường
9	Bình hút chân không 8 lít TQ Model: TA250	1	Ch	Hoạt động bình thường
10	Ống cao su; Model: TV391	1	Ch	Hoạt động bình thường
11	Đồng hồ chỉ thị áp - TQ; TV392	1	Ch	Hoạt động bình thường
12	Thước kẹp tiêu chuẩn - TQ Model: TV317	1	Ch	Hoạt động bình thường
13	Thìa xúc mẫu; Model: TV360	1	Ch	Hoạt động bình thường
14	Đục thép 2,5cm; Model: TV378	1	Ch	Hoạt động bình thường
15	Xèng xúc cát; Model: TV376	1	Ch	Hoạt động bình thường
16	Cân đựng cát chuẩn 5 lít; Model: TV213	1	Ch	Hoạt động bình thường
17	Búa cao su - VN; Model: TV375	1	Ch	Hoạt động bình thường
18	Búa thép - VN; Model: TV373	1	Ch	Hoạt động bình thường
19	Dao để gạt đất - TQ; Model: TS260	1	Ch	Hoạt động bình thường
20	Thìa trộn - VN; Model: TV364	1	Ch	Hoạt động bình thường
21	Bay trộn - VN; Model: TV362	1	Ch	Hoạt động bình thường
22	Bình xịt rửa mẫu - TQ; Model: V210	1	Ch	Hoạt động bình thường
23	Hộp âm bằng nhôm Model: TV215	1	Ch	Hoạt động bình thường

TT	Tên thiết bị - Thông số kỹ thuật	SL	ĐVT	Hiện trạng
24	Bộ chày cối bằng đồng - TQ Model: TV180	2	Ch	Hoạt động bình thường
25	Cân cơ 311g x 0.01g - TQ Model: TV002	1	Ch	Hoạt động bình thường
27	Cân điện tử 300g x 0,01g - TQ Code: TV035	1	Ch	Hoạt động bình thường
28	Cân điện tử 600g x 0,01g - TQ Code: TV039	1	Ch	Hoạt động bình thường
29	Cân điện tử 5000g x 0,5g - TQ Code: TV045	1	Ch	Hoạt động bình thường
30	Tủ sấy 300°C, model 101-2; 126 lít - TQ (Code: TN005)	1	Ch	Hoạt động bình thường
31	Cân điện tử 30KG x 1g Hãng sản xuất: OHAUS - Mỹ	1	Ch	Hoạt động bình thường
32	Bếp điện - TQ	1	Ch	Hoạt động bình thường
33	Máy chung nước cất - TQ	1	Ch	Hoạt động bình thường
34	Máy hút ẩm OASIS - America	1	Ch	Hoạt động bình thường
35	Thước thép 5m	1	Ch	Hoạt động bình thường
36	Thước thép 42m	1	Ch	Hoạt động bình thường

**QUYẾT ĐỊNH CỦA GIÁM ĐỐC CÔNG TY TNHH MTV TƯ VẤN KIỂM
ĐỊNH XÂY DỰNG THÁI HÀ**

(V/v: Thành lập tổ soạn thảo Hệ thống QLCL ISO/IEC-17025 phòng thí nghiệm)

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số: 6200047158, đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 07 năm 2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 23 tháng 03 năm 2025 do Sở tài chính tỉnh Lai Châu phòng quản lý doanh nghiệp và đăng ký kinh doanh cấp;
- Căn cứ hoạt động của phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;
- Xét đề xuất của phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng về việc chuyển đổi áp dụng hệ thống quản lý chất lượng phòng thí nghiệm phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2005;
- Căn cứ tình hình hoạt động kinh doanh của công ty;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Thành lập tổ soạn thảo Hệ thống quản lý chất lượng phòng thí nghiệm theo Quy trình ISO/IEC 17025:2005 phân công cho các đồng chí có tên sau đây nhận nhiệm vụ soạn thảo hệ thống quản lý chất lượng cho phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (Phòng thí nghiệm LAS-XD 964).

TT	Họ và tên	Năm sinh	Nhiệm vụ
1	Hoàng Văn Anh	25/08/1985	Chủ nhiệm, chịu trách nhiệm chính về nội dung
2	Nguyễn Đức Biên	03/07/2000	Nhân viên soạn thảo các quy trình
3	Giàng A Vàng	05/01/1991	Nhân viên soạn thảo các quy trình

Điều 2: Các ông/bà Trưởng phòng thí nghiệm, các nhân chịu trách nhiệm trước giám đốc công ty về hoạt động của mình theo quy định của công ty.

Điều 3: Quyết định này có quyết định từ ngày ký, cá nhân có tên tại điều 1, các bộ phận có liên quan có trách nhiệm thực hiện quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Lưu: VT.

**CÔNG TY TNHH MTV TƯ VẤN KIỂM
ĐỊNH XÂY DỰNG THÁI HÀ**



GIÁM ĐỐC
Ks. Trần Anh Tuấn

**QUYẾT ĐỊNH CỦA GIÁM ĐỐC CÔNG TY TNHH MTV TƯ VẤN KIỂM
ĐỊNH XÂY DỰNG THÁI HÀ**

(V/v: Áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng phòng thí nghiệm)

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số: 6200047158, đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 07 năm 2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 23 tháng 03 năm 2025 do Sở tài chính tỉnh Lai Châu phòng quản lý doanh nghiệp và đăng ký kinh doanh cấp;
- Căn cứ điều lệ và quy chế hoạt động của công ty.
- Căn cứ điều lệ và quy chế hoạt động của phòng thí nghiệm.
- Xét đề xuất của phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng về việc chuyển đổi áp dụng hệ thống quản lý chất lượng phòng thí nghiệm phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2005;
- Căn cứ tình hình hoạt động kinh doanh của công ty;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Nay áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng phòng thí nghiệm theo Quy trình ISO 17025:2005 cho toàn bộ hoạt động của phòng thí nghiệm theo quy trình đã được phòng thí nghiệm xây dựng sửa đổi và trình ký.

Điều 2: Các ông/bà Trưởng phòng thí nghiệm, phòng hành chính, phòng kế toán, phòng vật tư, các phòng ban, đơn vị có liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Lưu: VT.

**CÔNG TY TNHH MTV TƯ VẤN KIỂM
ĐỊNH XÂY DỰNG THÁI HÀ**

GIÁM ĐỐC



GIÁM ĐỐC

Ks. Trần Anh Tuấn

**CÔNG TY TNHH MTV TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH
XÂY DỰNG THÁI HÀ.**
Số: 07/CT-TH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lai châu, ngày 23 tháng 02 năm 2026

**V/V. LẬP DANH MỤC CÁC TÀI LIỆU, TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY TRÌNH QUẢN LÝ
CHẤT LƯỢNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ, được sửa đổi bổ sung tại Điều 8 Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026;

Căn cứ yêu cầu tổ chức của Công ty TNHH MTV tư vấn kiểm định xây dựng Thái Hà;

Căn cứ tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty;

Danh mục các tài liệu và tiêu chuẩn kỹ thuật phục vụ công tác thí nghiệm, kiểm định chất lượng công trình chuyên ngành xây dựng của Công ty TNHH MTV tư vấn kiểm định xây dựng Thái Hà.

STT	Chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn áp dụng	Ghi chú
THỬ NGHIỆM XI MĂNG			
1	Độ mịn, khối lượng riêng của xi măng	TCVN 4030:03	
2	Xác định giới hạn bền uốn và nén	TCVN 6016: 11	
3	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017: 15	
CỐT LIỆU BÊ TÔNG VÀ VỮA			
4	Thành phần cỡ hạt, modun độ lớn	TCVN 7572-2 :06	
5	Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4 :06	
6	XĐ khối LR; KL thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-5 :06	
7	Xác định khối lượng thể tích và độ xốp và độ hồng	TCVN 7572-6 :06	
8	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7 :06	
9	XĐ HL bùn, bụi, sét trong cốt liệu và HL sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8: 06	
10	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572- 9:06	
11	Xác định cường độ và hệ số hoá mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:06	
12	XĐ độ nén đập và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572- 11:06	

STT	Chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn áp dụng	Ghi chú
13	XĐ độ hao mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn (Los Angeles)	TCVN 7572- 12:06	
14	XĐ hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13 :06	
15	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hoá	TCVN 7572- 17:06	
16	XĐ hàm lượng mica	TCVN7572-20:06	
17	Xác định Hệ số (ES)	ASTM DI 883-99	
18	PP xác định góc dốc tự nhiên của cát	ASTM D2419-91	
19	Xác định hàm lượng hạt bị đập vỡ	TCVN 9205:2012	
	BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG		
20	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông nặng	TCVN 3106:22	
21	Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông nặng	TCVN 3108:22	
22	Xác định độ tách nước, tách vữa	TCVN 3109:22	
23	Xác định hàm lượng bọt khí của bê tông	TCVN 3111:22	
24	Xác định khối lượng riêng	TCVN 3112:22	
25	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:22	
26	Xác định độ mài mòn	TCVN 3114:22	
27	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 3115:22	
28	Xác định độ chống thấm nước	TCVN 3116:22	
29	Thử độ co	TCVN 3117:22	
30	Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118:22	
31	Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119:22	
32	Xác định modun đàn hồi khi nén tĩnh của bê tông	TCVN 5726:2022	
33	Xác định độ kéo khi bửa	TCVN 3120:22	
	VỮA XÂY DỰNG		
34	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1: 22	
35	Xác định độ lưu động của vữa tươi (Phương pháp bàn dẫn)	TCVN 3121-3: 22	
36	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6: 22	
37	Xác định thời gian bắt đầu ninh kết của	TCVN 3121-9: 22	
38	Xác định Khối lượng thể tích mẫu vữa đông rắn	TCVN3121-10: 22	
39	Xác định cường độ uốn và nén của vữa đã đóng rắn	TCVN3121-11: 22	
40	Xác định độ hút nước của vữa đã đóng rắn	TCVN3121-18: 22	

STT	Chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn áp dụng	Ghi chú
41	Vữa không co trộn sẵn: Xác định độ chảy, độ tcahs nước, cường độ nén, thay đổi chiều cao, cột vữa trong quá trình đông kết của vữa	TCVN 9204:2022; TCVN 8824:11	
THÍ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH XÂY			
42	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6355-1:09	
43	Xác định cường độ nén	TCVN 6355-2:09	
44	Xác định cường độ uốn	TCVN 6355-3:09	
45	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:09	
46	Xác định khối lượng thể tích, khối lượng riêng	TCVN 6355-5:09	
47	Xác định độ rỗng	TCVN 6355-6:09	
48	Xác định vết tróc do vôi của các loại gạch xây	TCVN 6355-7:09	
49	Xác định sự thoát muối của gạch xây	TCVN 6355-8:09	
SẢN PHẨM BÊ TÔNG, GẠCH BÊ TÔNG			
50	Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6477:11	
51	Xác định cường độ nén	TCVN 6476:99	
52	Xác định độ hút nước	TCVN 6476:99	
53	Xác định độ mài mòn	TCVN 6476:99	
54	Xác định cọc bê tông ly tâm, cấu kiện bê tông ứng lực trước, Xác định kích thước, khuyết tật ngoại quan, độ bền nứt thân cọc, độ bền uốn gãy thân cọc, xác định, độ bền cắt thân cọc, độ bền uốn mối nối cọc	TCVN 7888:14	
55	Cột điện bê tông cốt thép li tâm, Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan, khả năng chịu tải của cột	TCVN 5847: 16	
THÉP, KIM LOẠI, MỐI HÀN			
56	Thử kéo	TCVN 197: 2014	
57	Thử uốn	TCVN 198: 2008	
58	Bu lông, đai ốc: Kiểm tra kích thước hình học, thử kéo	TCVN 1916: 95	
59	Mối hàn kim loại: thử kéo, thử uốn	TCVN 8310-10; TCVN 5401:10; TCVN 11977:17	
60	Xác định chiều dày lớp phủ sơn, mạ kẽm nóng	TCVN 2095:93; TCVN 5408:07	
61	Rọ đá, thảm đá và sản phẩm lưới lọc giác: Kiểm tra hình dạng kích thước mắt lưới, kích thước dây; thử kéo, độ giãn dài, khối lượng riêng, độ cứng	TCVN 10335:2014	

STT	Chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn áp dụng	Ghi chú
VẢI ĐỊA, BẮC THẨM, VÀ CÁC SẢN PHẨM ĐỊA KỸ THUẬT XÂY DỰNG			
62	Xác định độ dày tiêu chuẩn	TCVN 8220: 2009	
63	Xác định khối lượng trên đơn vị diện tích	TCVN 8221: 2009	
64	Xác định kích thước lỗ biểu kiến	TCVN 8871-6: 11	
65	Xác định độ thấm xuyên	TCVN 8487: 2010	
66	Xác định lực xé rách hình thang	TCVN 8871-2: 11	
67	Xác định lực kéo giật và độ giãn dài kéo giật	TCVN 8871-1: 11	
68	Xác định cường độ chịu kéo và độ giãn dài	TCVN 8485: 2010	
THỬ NGHIỆM GẠCH ỐP LÁT			
69	Xác định kích thước bề mặt	TCVN 6415-2:16	
70	Xác định độ hút nước, khối lượng riêng	TCVN 6415-3:16	
71	Xác định độ bền uốn	TCVN 6415-4:16	
ỐNG NHỰA PVC, uPVC, PPR, HDPE, PHỤ KIỆN ống NHỰA			
72	Đo đường kính, chiều dày thành ống	TCVN 6145:2007	
73	Xác định nhiệt độ hóa mềm Vicat	TCVN 6147-03	
74	Ống nhựa, gân xoắn HDPE xác định: Kích thước và sai lệch, độ bền của ống, trong môi trường hóa chất, độ biến dạng hình học của ống	TCVN 9070:2012	
75	Xác định độ bền kéo và giãn dài	TCVN 7434:2004	
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GỖ NHÂN TẠO			
76	Kích thước độ vuông góc, thẳng cạnh	TCVN 7756-2:07	
77	Độ ẩm	TCVN 7756-3:07	
78	Khối lượng thể tích	TCVN 7756-4:07	
79	Độ trương nở theo chiều dày	TCVN 7756-5:07	
80	Độ bền uốn tĩnh và modun đàn hồi	TCVN 7756-6:07	
81	Độ bền kéo vuông góc với mặt ván	TCVN 7756-7:07	
THÍ NGHIỆM CƠ LÝ GỖ TỰ NHIÊN			

STT	Chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn áp dụng	Ghi chú
82	Xác định độ ẩm, độ hút ẩm	TCVN8048-1:09; TCVN 8046:09	
83	Xác định khối lượng thể tích	TCVN8048-2:09	
84	Xác định độ bền uốn tĩnh	TCVN8048-3:09	
85	Thử nghiệm nén vuông góc với thớ	TCVN8048-5:09	
PHỤ GIA CHO BÊ TÔNG			
87	Xác định chỉ số hoạt tính	TCVN 8827:2011	
THÍ NGHIỆM BỘT BẢ			
88	Xác định độ mịn, khối lượng thể tích, thời gian đông kết, độ cứng bề mặt, độ bám dính với nền, độ giữ nước	TCVN 7239:14	
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT			
89	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:2012	
90	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012	
91	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:2012	
92	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:2012	
93	Thí nghiệm đầm nén đất; đá dăm trong phòng thí nghiệm	TCVN 12790: 20	
94	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 4202:2012	
95	Xác định sức chịu tải của đất (CBR)- Trong phòng thí nghiệm	22TCN 332- 06	
96	Xác định đặc trưng tan rã của đất	TCVN 8718:2012	
97	Xác định đặc trưng trương nở của đất	TCVN 8719:2012	
98	Xác định đặc trưng co ngót của đất	TCVN 8720:2012	
99	Xác định khối lượng thể tích khô lớn nhất và nhỏ nhất của đất rời trong phòng thí nghiệm.	TCVN 8721:2012	
100	Xác định hệ số thấm của đất	TCVN 8723:2012	
THÍ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG			
101	Đo dung trọng, độ ẩm, độ chặt của đất, cát tại hiện trường	TCVN 8729:2012; 22 TCN 02:1971	
102	Độ ẩm; Khối lượng TT của đất, đá dăm trong lớp kết cấu bằng pp rót cát	22TCN 346:06	
103	Xác định mô đun đàn hồi của nền đất và các lớp kết cấu áo đường bằng phương pháp sử dụng tấm ép cứng	TCVN 8861:11	

STT	Chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn áp dụng	Ghi chú
104	Độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3m	TCVN 8864:11	
105	Xác định Mô đun đàn hồi E chung của áo đường bằng cần Benkelman	TCVN 8867:11	
106	Phương pháp xác định modun biến dạng tại hiện trường bằng tấm nén phẳng	TCVN 9354:2012	
107	Cọc-PP thí nghiệm tại hiện trường bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393:2012	
108	Phương pháp không phá hoại sử dụng máy đo siêu âm và súng bật nảy để xác định cường độ nén của bê tông	TCVN 9335:2012	
109	Phương pháp không phá hoại sử dụng súng bật nảy để xác định cường độ bê tông	TCVN 9334:2012	
110	Thí nghiệm CBR - ngoài hiện trường	TCVN 8821:2011	
111	Đo điện trở đất	TCVN 9385:2012	
112	Thí nghiệm gia tải cấu kiện bê tông và bê tông cốt thép đúc sẵn đánh giá độ bền, độ cứng và khả năng chống nứt	TCVN 9347:2012	
113	PP điện từ xác định chiều dày lớp bê tông bảo vệ, vị trí và đường kính cốt thép trong bê tông	TCVN 9356:2012	
114	Xác định lực liên kết cốt thép, Bu lông trong bê tông	TCVN 9490:12	
115	Cọc khoan nhồi- Phương pháp siêu âm	TCVN 9396-2012; TCVN 9396:12	
THÍ NGHIỆM NHỰA BITUM, NHỰA ĐƯỜNG LỎNG, NHỮ TƯƠNG AXÍT			
116	Xác định độ kim lún, chỉ số kim lún PI theo phụ lục II Thông tư 27/2014/TT-BGTVT	TCVN 7495:05	
117	Xác định độ kéo dài	TCVN 7496:05	
118	Xác định nhiệt độ hoá mềm (PP vòng và bi)	TCVN 7497:05	
119	Xác định nhiệt độ bắt lửa	TCVN 8818-2:2011-/ TCVN 7498:05	
120	Xác định lượng tổn thất sau khối lượng sau khi gia nhiệt	TCVN 7499:05	
121	Xác định khối lượng riêng	TCVN 7501:2005	
122	Xác định hàm lượng paraphin bằng PP chung cất	TCVN 7503:05	
123	Xác định độ bám dính với đá	TCVN 7504:05	
124	Xác định độ lắng và độ ổn định lưu trữ	TCVN 8817-3:2011	
125	Xác định lượng hạt quá cỡ (Thử nghiệm sàng)	TCVN 8817-4:2011	
126	Xác định độ khử nhũ	TCVN 8817-6:2011	
127	Thử nghiệm trộn với xi măng	TCVN 8817-7:2011	

STT	Chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn áp dụng	Ghi chú
128	Xác định độ bám dính và sức chịu nước	TCVN 8817-8:2011	
129	Thử nghiệm chung cát	TCVN 8817-9:2011; TCVN 8818-4:11	
130	Thử nghiệm bay hơi	TCVN 8817-10:2011	
131	Xác định trộn lẫn với nước	TCVN 8817-13:2011	
132	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 8817-14:2011	
133	Xác định độ dính bám với cốt liệu hiện trường	TCVN 8817-15:2011	
134	Xác định hàm lượng nước	TCVN 8817-3:2011	
	BÊ TÔNG NHỰA		
135	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:11	
136	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy li tâm	TCVN 8860-2:11	
137	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:11	
138	Xác định tỉ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:11	
139	Xác định tỉ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đã đầm nén	TCVN 8860-5:11	
140	Xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:11	
141	Xác định độ góc canh của cát	TCVN 8860-7:11	
142	Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:11	
143	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:11	
144	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:11	
145	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:11	
146	Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:11	
	BỘT KHOÁNG CHO BÊ TÔNG NHỰA		
147	Bột khoáng cho bê tông nhựa: Xác định thành phần hạt, lượng mất khi nung, hàm lượng nước, khối lượng riêng, khối lượng thể tích, KL-TT và độ rỗng dư, hệ số hao nước hàm lượng chất hòa tan, trong nước, độ trương nở thể tích, chỉ số hàm lượng nhựa	22TCN:58:84	
148	Bột khoáng dùng cho hỗn hợp đá trộn nhựa: xác định thành phần hạt, độ ẩm, hệ số thích nước	TCVN 12884-2:2020	
	ĐẤT GIA CỐ CHẤT KẾT DÍNH		
153	Đất, cát gia cố xi măng: Xác định cường độ kéo khi ép chẻ, cường độ kháng nén, kháng uốn	TCVN 9403:12; TCVN 8862:11	

STT	Chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn áp dụng	Ghi chú
154	Đất gia cố chất kết dính: Xác định đầm nén chặt, cường độ kháng ép, nén, độ ổn định nước sau chu kỳ bão hòa sấy	TCVN 9843:13	
	MÀNG CHỐNG THẤM, BĂNG CHẶN NƯỚC		
155	Băng chặn nước PVC: Xác định sai lệch kích thước, khối lượng riêng, cường độ chịu nén, và độ giãn dài khi đứt, độ cứng shore, khối lượng riêng	TCVN 9407:14	

Phòng được phép thực hiện các phép thử trên theo tiêu chuẩn nước ngoài tương đương khác như: ASTM, AASHTO, TCV, BS, JIS...)

GIÁM ĐỐC



GIÁM ĐỐC
Ks. Trần Anh Tuấn



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)

Số (№): **IMC.4506.26**

Tên phương tiện đo (Object) **Máy thử độ bền nén (Compress testing machine)**

Kiểu (Type): **UNIT TEST UTS** Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): **13130027**

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): **MALAYSIA**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo(Range): **(0 ÷ 1500) kN**

Giá trị độ chia (Div): **0,01 kN**

Cơ sở sử dụng (Customer):

CÔNG TY TNHH MTV TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG THÁI HÀ

Địa chỉ (Address): **Số nhà 60, Chu Văn An, tổ 1, phường Đoàn Kết, tỉnh Lai Châu**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **ĐLVN 109 : 2002**

Máy thử độ bền kéo nén - Quy trình hiệu chuẩn

(Tensile - Compress testing machines - Methods and means of calibration)

Chuẩn được sử dụng (Standards used): **IMC.TB1.03 - Đầu đo lực (Force transducers)**

Độ không đảm bảo đo (Uncertainty), $U = 0,12 \cdot 10^{-2}$

Được liên kết tới hệ đơn vị đo quốc tế SI thông qua chuẩn quốc gia

(The Standard devices are traceable to National standards)

Kết quả (Results):

Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **17 - 04 -27**

Hà Nội, ngày 17 tháng 04 năm 2026

Trưởng phòng thí nghiệm

(Head of calibration Laboratory)



Trần Đình Tấn



(Date of issue)

GIAM ĐỐC

(Director)

Trang: 1/2
(№ of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

Kết quả hiệu chuẩn (Calibration results)



Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №): IMC.4506.26

STT (№)	Giá trị chỉ thị (kN) (Indicated values on the equipment)	Lực đo được (kN) (Measured force)	Sai số, % (Error, %)
1	0	0,0	0,00
2	300	299,05	0,318
3	600	597,86	0,358
4	900	896,93	0,342
5	1200	1197,57	0,203
6	1500	1497,81	0,146

- Thiết bị được hiệu chuẩn tại nhiệt độ: $(25 \pm 2) ^\circ\text{C}$ với độ không đảm bảo đo:
 $U = 0,8 \cdot 10^{-2}$, $k = 2$, mức tin cậy $P \approx 95\%$.

(The equipment has been calibrated at the temperature of $(25 \pm 2) ^\circ\text{C}$. The measurement uncertainty is: $U = 0,8 \cdot 10^{-2}$, $k = 2$, $P \approx 95\%$).



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)

Số (№): **IMC.4507.26**

Tên phương tiện đo (Object): **Máy thử độ bền kéo nén** (Tensile and Compression Testing Machine)

Kiểu (Type): **WE-1000B** Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): **130901**

Nơi sản xuất (Manufacturer): **Trung Quốc**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): **Phạm vi đo lớn nhất (Max range): 1000 kN**

Cơ sở sử dụng (Customer)

CÔNG TY TNHH MTV TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG THÁI HÀ

Địa chỉ (Address): **Số nhà 60, Chu Văn An, tổ 1, phường Đoàn Kết, tỉnh Lai Châu**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **ĐLVN 109 : 2002**

Máy thử độ bền kéo nén - Quy trình hiệu chuẩn

(Tensile - Compress testing machines - Methods and means of calibration)

Chuẩn được sử dụng (Standards used): **IMC.TB1.03 - Đầu đo lực (Force transducers)**

Độ không đảm bảo đo (Uncertainty), $U = 0,12 \cdot 10^{-2}$

Được liên kết tới hệ đơn vị đo quốc tế SI thông qua chuẩn quốc gia

(The Standard devices are traceable to National standards)

Kết quả (Results): **Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau**

(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **17 - 04 - 27**

Hà Nội, ngày 17 tháng 04 năm 2026




(Date of issue)

Trưởng phòng thí nghiệm

(Head of calibration Laboratory)




Trần Đình Tấn


GIÁM ĐỐC
(Director)



Trang: 1/2
(№ of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

Kết quả hiệu chuẩn

(Calibration results)



Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №): IMC.4507.26

Chỉ thị trên máy (Indicated on WE-1000B) (kN)	Lực đo được (Measured force) (kN)	Chỉ thị trên máy (Indicated on WE-1000B) (kN)	Lực đo được (Measured force) (kN)
Thang đo (0 ÷ 1000) kN; d = 2 kN		Thang đo (0 ÷ 500) kN; d = 1 kN	
0	0,00	0	0,00
150	151,1	80	80,52
300	302,05	160	160,86
450	451,98	240	241,03
600	601,63	320	321,22
750	752,02	400	401,36
900	900,38	480	481,35
Thang đo (0 ÷ 200) kN; d = 0,5 kN			
0	0,00		
30	30,09		
60	60,12		
90	90,16		
120	120,21		
150	150,18		
180	180,23		

- Thiết bị được hiệu chuẩn tại nhiệt độ: $(23 \pm 2) ^\circ\text{C}$ với độ không đảm bảo đo:
 $U = 1,2 \cdot 10^{-2}$, $k = 2$, mức tin cậy $P \approx 95\%$.

(The equipment has been calibrated at the temperature of $(23 \pm 2) ^\circ\text{C}$. The measurement uncertainty is:
 $U = 1,2 \cdot 10^{-2}$, $k = 2$, $P \approx 95\%$).



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)

Số (№): **IMC.4508.26**

Tên phương tiện đo (Object) : **Cân điện tử**

Kiểu (Type) : Điện tử - hiện số Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): 502542042

Nơi sản xuất (Manufacturer): **Ohaus - USA**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo (range): Max =15 kg

Độ phân giải (Resolution): d = 0,5 g

Cơ sở sử dụng (Customer):

CÔNG TY TNHH MTV TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG THÁI HÀ

Địa chỉ (Address): Số nhà 60, Chu Văn An, tổ 1, phường Đoàn Kết, tỉnh Lai Châu

Phương pháp thực hiện (Method of calibration):

QTHC 5.4 - 01- Quy trình hiệu chuẩn cân cấp độ chính xác 1 và 2, 3, và 4

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

IMC.TB1.34 - Quả cân F2

Chuẩn được liên kết tới quả cân chuẩn quốc gia
(Standard weights are traceable to the national mass standard)

Kết quả (Results) :

Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended):

17 - 04 -27

Hà Nội, ngày 17 tháng 04 năm 2026

(Date of issue)

Trưởng phòng thí nghiệm
(Head of calibration Laboratory)

GIÁM ĐỐC
(Director)



Trần Đình Tấn

Trang: 1/2
(№ of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

Kết quả hiệu chuẩn (Calibration results)



Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №): IMC.4508.26

STT	Mức cân, g	Giá trị chỉ thị, g	Số hiệu chính, g	ĐKĐBĐ U, g
1	500	500,0	0,0	0,12
2	1.000	1.000,0	0,0	0,12
3	2.000	2.000,0	0,0	0,23
4	5.000	5.000,0	0,0	0,24
5	10.000	10.000,0	0,0	0,24
6	15.000	15.000,5	-0,5	0,34

- Điều kiện môi trường (Environmental Conditions) :

	Nhiệt độ (Temperature) , °C	Độ ẩm (Humidity) , %RH
Bắt đầu	23,0	55,0
Kết thúc	23,2	58,0

- Các giá trị độ không đảm bảo đo mở rộng U ở trên được xác định với mức tin cậy P = 95,45% (k=2)



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

KẾT QUẢ ĐO
(Test Report)

Số (№): **IMC.4509.26**

Tên phương tiện đo (Object): **Thiết bị siêu âm bê tông**

Kiểu (Type): **TICO** Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): **232405**

Nơi sản xuất (Manufacturer): **Proceq - Thụy Sĩ**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): **Thang đo: 15 - 6550 μ s**
Độ phân giải: 0,1 μ s

Cơ sở sử dụng (Customer)

CÔNG TY TNHH MTV TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG THÁI HÀ

Địa chỉ (Address): **Số nhà 60, Chu Văn An, tổ 1, phường Đoàn Kết, tỉnh Lai Châu.**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **Đo, kiểm tra chức năng hoạt động của máy**
Phép đo thời gian truyền sóng siêu âm qua thanh mẫu chuẩn 42,5 μ s

Chuẩn được sử dụng (Standards used) **Thước đo; U= 0,03mm**
:
Thanh mẫu chuẩn 42,5 μ s

Kết quả (Results):

Lần thử	1	2	3	4	5
Kết quả (μ s)	42,6	42,6	42,4	42,6	42,5

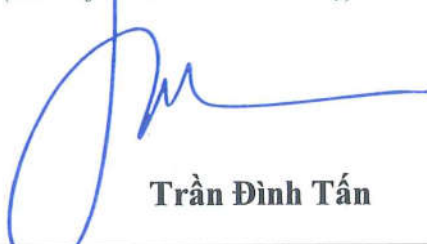
- Nhiệt độ hiệu chuẩn : (24 \pm 2) °C; độ ẩm 70%RH

Địa điểm thực hiện: số 3 Phan Đình Phùng, phường Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

Ngày đề nghị kiểm tra tiếp theo: **17 - 04 -27**
(Retesting recommended)

Hà Nội, ngày 17 tháng 04 năm 2026
(Date of issue)

Trưởng phòng thí nghiệm
(Head of calibration Laboratory)


Trần Đình Tấn

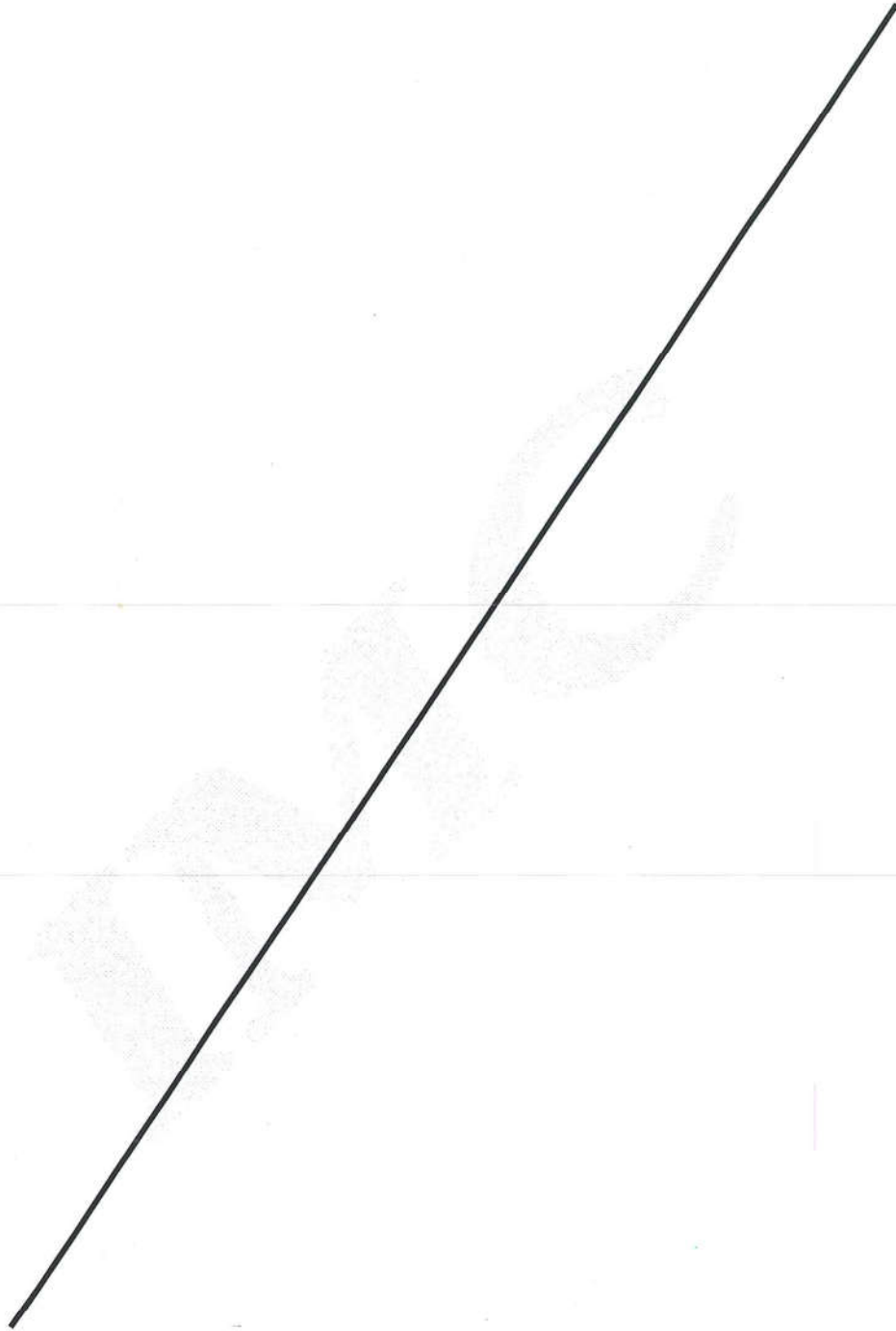


Trang: 1/2
(№ of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

Kết quả đo
(Test results)



Trang: 2/2
(No of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn nhanh; Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:

0888.333.717



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**
(Vietnam Industrial Measuring Center, JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)

Số (№): **IMC.4510.26**

Tên phương tiện đo (Object): **Búa thử độ cứng bê tông**

Kiểu (Type): **C380** Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): **1701458**

Nơi sản xuất (Manufacturer): **ITALIA**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): **Phạm vi đo : 10 -100 R/ Độ phân giải: 2R**

Cơ sở sử dụng (Customer):

CÔNG TY TNHH MTV TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG THÁI HÀ

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **ĐLVN 150 : 2004**

Thiết bị thử cường độ bê tông bằng phương pháp bập nảy - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used): **IMC.TB1.13 - Đe hiệu chuẩn 80 ± 2 ; U = 2R**

Kết quả (Results): **Giá trị bập nảy của búa khi thử trên đe chuẩn**

Lần thử	1	2	3	4	5
Kết quả	77	78	77	76	77

- Nhiệt độ hiệu chuẩn : $(25 \pm 2) ^\circ\text{C}$;

- Với độ không đảm bảo đo : $U = 2,0 R$, $k = 2$, mức tin cậy $P \approx 95\%$.

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **17 - 04 -27**

Hà Nội, ngày 17 tháng 04 năm 2026

(Date of issue)

Trưởng phòng thí nghiệm

(Head of calibration Laboratory)



Trần Đình Tấn



GIÁM ĐỐC

(Director)

Trang: 1/2
(№ of pages)

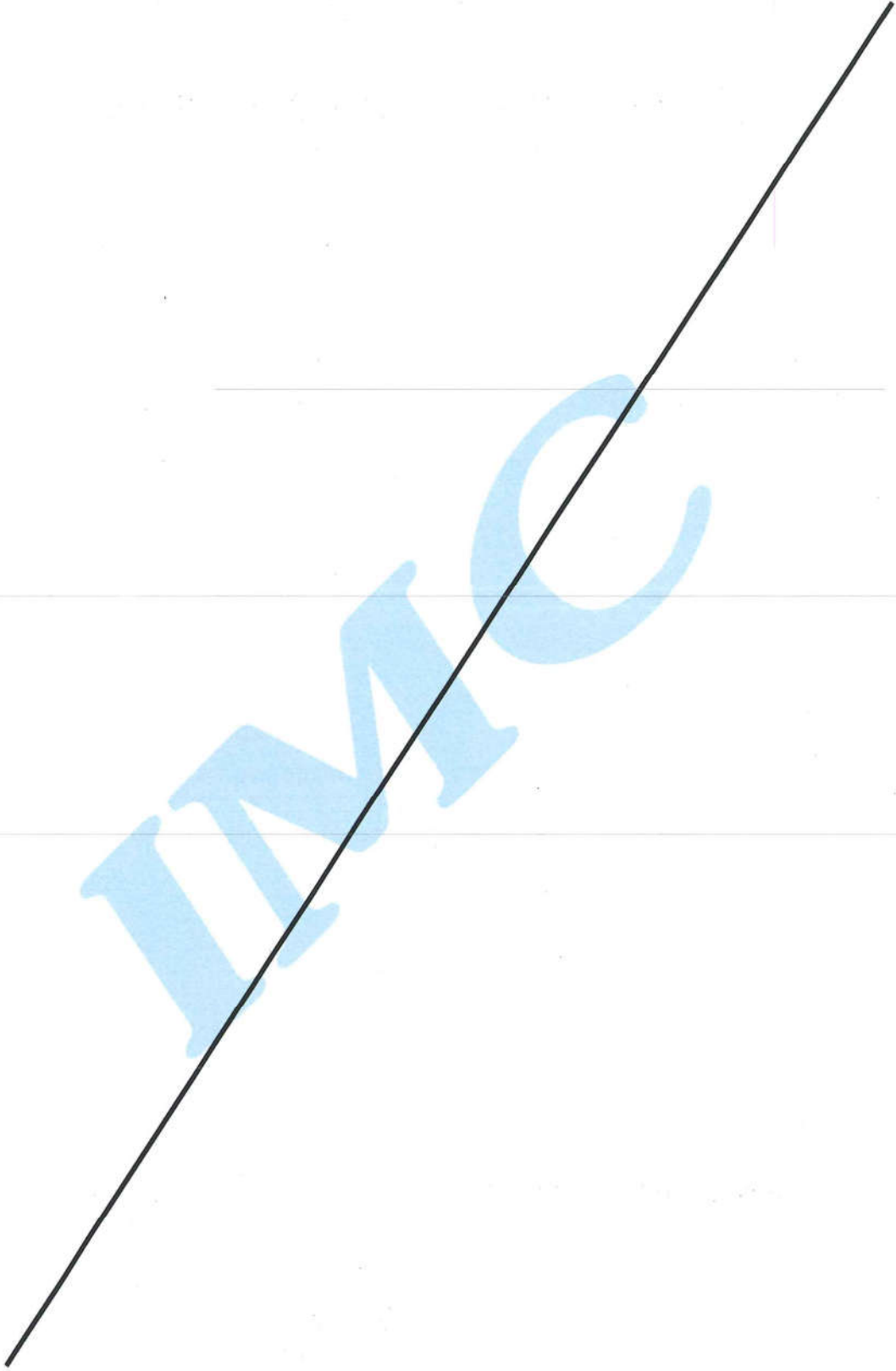
Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

Kết quả hiệu chuẩn

(Calibration results)





**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)

Số (No): **IMC.4511.26**

Tên phương tiện đo (Object) : **Thiết bị đo độ kim lún nhựa đường**

Kiểu (Type) : **DF6** Số (Serial No) / Mã QL(Tag No): **2561.21**

Nơi sản xuất (Manufacturer): **Trung Quốc**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): **AASHTO T49, ASTM D5**

Cơ sở sử dụng (Customer):

CÔNG TY TNHH MTV TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG THÁI HÀ

Địa chỉ (Address): **Số nhà 60, Chu Văn An, tổ 1, phường Đoàn Kết, tỉnh Lai Châu**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **QTHC 5.4-10**

Thiết bị đo độ kim lún nhựa đường - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Cân kỹ thuật, $U = 1.10^{-3}$

Thiết bị đo độ dài: Pan me, $d = 0,001$ mm; Thước cặp $d = 0,001$ mm

Kết quả (Results) : **Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau**
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **17 - 04 -27**

Hà Nội, ngày 17 tháng 04 năm 2026

(Date of issue)

Trưởng phòng thí nghiệm

(Head of calibration Laboratory)


Trần Đình Tấn



GIÁM ĐỐC

(Director)

Trang: 1/2
(No of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

Kết quả hiệu chuẩn (Calibration results)



Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №): IMC.4511.26

TT	Tên chỉ tiêu	Giá trị danh nghĩa	Kết quả	
			Giá trị đo được	U
1	Khối lượng trục kim và kim	$(50 \pm 0,05)$ g	50,03 g	0,03 g
2	Khối lượng quả tải trọng 1	$(50 \pm 0,05)$ g	50,03 g	0,03 g
3	Khối lượng quả tải trọng 2	$(100 \pm 0,05)$ g	100,02 g	0,02 g
4	Đường kính thân kim	$(1,00 \pm 1,02)$ mm	1,01 mm	0,005 mm

- Thiết bị được hiệu chuẩn tại nhiệt độ: (22 ± 2) °C với $k = 2$, mức tin cậy $P \approx 95\%$.

IMC



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)

Số (№): **IMC.4512.26**

Tên phương tiện đo (Object): **Thiết bị thử hóa mềm nhựa đường**

Kiểu (Type): **DF-12** Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): **2362.21**

Nơi sản xuất (Manufacturer): **Trung Quốc**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): **Phạm vi đo (range): Max 125°C**

Độ phân giải (Resolution): 1 °C

Cơ sở sử dụng (Customer):

CÔNG TY TNHH MTV TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG THÁI HÀ

Địa chỉ (Address): **Số nhà 60, Chu Văn An, tổ 1, phường Đoàn Kết, tỉnh Lai Châu**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **QTHC 5.4-07**

Tủ nhiệt - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Bộ đo nhiệt độ đa kênh

Độ không đảm bảo đo $U = 0,6$ °C

Kết quả (Results): **Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau**
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **17 - 04 -27**

Hà Nội, ngày 17 tháng 04 năm 2026

(Date of issue)

Trưởng phòng thí nghiệm

(Head of calibration Laboratory)


Trần Đình Tấn



Trang: 1/2
(№ of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

Kết quả hiệu chuẩn (Calibration results)



Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №): IMC.4512.26

Chỉ thị (Indicator) (°C)	Chuẩn (Standard) (°C)	Số hiệu chỉnh (Correction) (°C)	Độ không đảm bảo đo (P=95% CL, k=2) (°C)
100	102	-2	2
120	122	-2	

IMC



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)

Số (№): IMC.4513.26

Tên phương tiện đo (Object): **Thiết bị thí nghiệm bốc cháy nhựa**

Kiểu (Type): SYD-3536 Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): 2563.21

Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Max 400 °C

Cơ sở sử dụng (Customer):

CÔNG TY TNHH MTV TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG THÁI HÀ

Địa chỉ (Address): Số nhà 60, Chu Văn An, tổ 1, phường Đoàn Kết, tỉnh Lai Châu

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): QTHC 5.4-07

Chuẩn được sử dụng (Standards used): Bộ đo nhiệt độ đa kênh;
Độ không đảm bảo đo $U = 0,2$ °C

Kết quả(Results):

Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended):

17 - 04 - 27




Hà Nội, ngày 17 tháng 04 năm 2026

(Date of issue)

Trưởng phòng thí nghiệm
(Head of calibration Laboratory)




Trần Đình Tấn


GIÁM ĐỐC
(Director)


VLAC 1.1230
ISO/IEC 17025:2017

Trang: 1/2
(№ of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

Kết quả hiệu chuẩn (Calibration results)



Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №): IMC.4513.26

Nhiệt độ chỉ thị (Indicator) °C	Nhiệt độ chuẩn (Standard) °C	Số hiệu chính, °C
80	80,7	0,7
125	125,7	0,7
200	201,3	1,3
Độ KĐBĐ (P=95% CL, k=2) °C	2,0	

IMC



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)

Số (№): **IMC.4514.26**

Tên phương tiện đo (Object) : **Máy chiết nhựa ly tâm**

Kiểu (Type) : **SLF-400** Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): **10690**

Nơi sản xuất (Manufacturer): **Việt Nam**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification):
Tốc độ vòng quay: **2900 vòng/phút**

Cơ sở sử dụng (Customer):

CÔNG TY TNHH MTV TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG THÁI HÀ

Địa chỉ (Address): Số nhà 60, Chu Văn An, tổ 1, phường Đoàn Kết, tỉnh Lai Châu

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **QTHC 5.4 - 09**

Máy chiết xuất ly tâm - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Đồng hồ đo tốc độ vòng quay

Kết quả (Results) : **Xem kết quả trang sau**

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **17 - 04 -27**

Hà Nội, ngày 17 tháng 04 năm 2026

(Date of issue)

Trưởng phòng thí nghiệm

(Head of calibration Laboratory)



Trần Đình Tấn

GIÁM ĐỐC

(Director)



Trang: 1/2
(№ of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

Kết quả hiệu chuẩn (Calibration results)

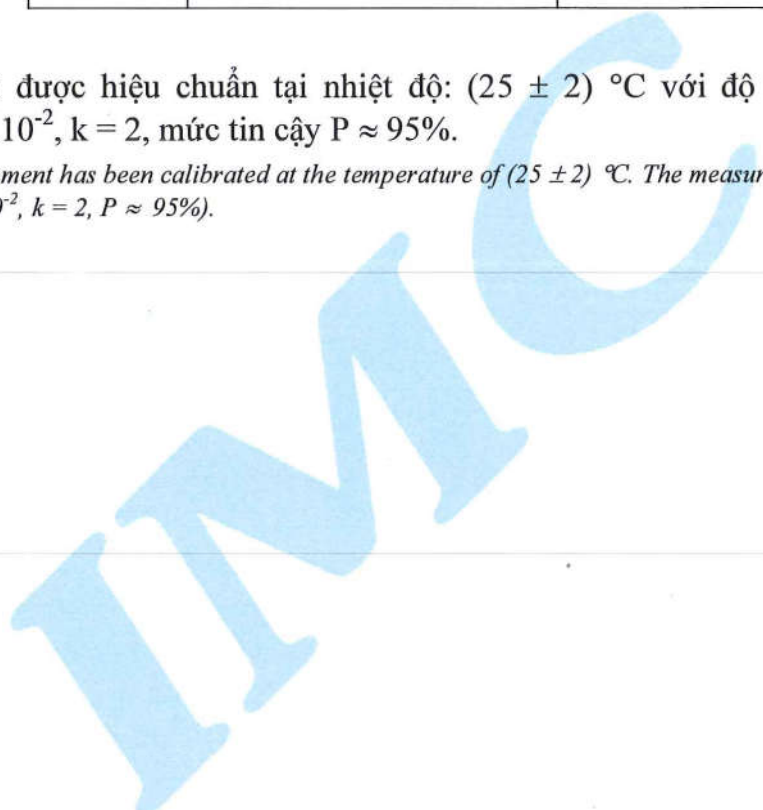


Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate No): IMC.4514.26

STT	Giá trị đặt (vòng/p)	Đo được (vòng/p)
1	1800	1801
2	2600	2604
3	2900	2909

- Thiết bị được hiệu chuẩn tại nhiệt độ: (25 ± 2) °C với độ không đảm bảo đo: $U = 1,0 \cdot 10^{-2}$, $k = 2$, mức tin cậy $P \approx 95\%$.

(The equipment has been calibrated at the temperature of (25 ± 2) °C. The measurement uncertainty is: $U = 1,0 \cdot 10^{-2}$, $k = 2$, $P \approx 95\%$).





**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)

Số (№): **IMC.4515.26**

Tên phương tiện đo (Object) : **Máy nén CBR**

Kiểu (Type) : **CBR-2** Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): **2905**

Nơi sản xuất (Manufacturer) : **Trung Quốc**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification) : Phạm vi đo lớn nhất(Max range): **50 kN**

Cơ sở sử dụng (Customer) :

CÔNG TY TNHH MTV TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG THÁI HÀ

Địa chỉ (Address): Số nhà 60, Chu Văn An, tổ 1, phường Đoàn Kết, tỉnh Lai Châu

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **ĐLVN 108 : 2002**

Phương tiện đo lực - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used) **IMC.TB1.03 - Đầu đo lực(Force transducers)**
: **Độ không đảm bảo đo (Uncertainty), $U = 0,13.10^{-2}$**

Được liên kết tới hệ đơn vị đo quốc tế SI thông qua chuẩn quốc gia
(The Standard devices are traceable to National standards)

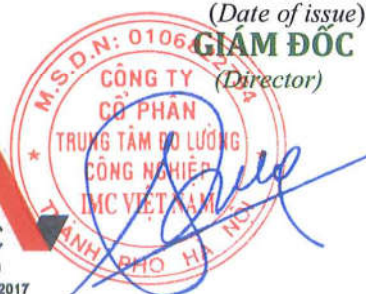
Kết quả (Results) : **Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau**
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **17 - 04 -27**

Hà Nội, ngày 17 tháng 04 năm 2026

Trưởng phòng thí nghiệm
(Head of calibration Laboratory)


Trần Đình Tấn



(Date of issue)
GIÁM ĐỐC
(Director)

Trang: 1/2
(№ of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

Kết quả hiệu chuẩn (Calibration results)



Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №): IMC.4515.26

STT (№)	Giá trị chỉ thị, kN	Giá trị đo được, kN	Sai số, %
01	0	0,0	0,00
02	5	5,02	-0,40
03	10	10,04	-0,40
04	15	15,05	-0,33
05	20	20,06	-0,30
06	30	30,08	-0,27
07	40	40,07	-0,17
08	50	50,05	-0,10

- Thiết bị được hiệu chuẩn tại nhiệt độ: $(24 \pm 2) ^\circ\text{C}$ với độ không đảm bảo đo: $U = 0,8 \cdot 10^{-2}$, $k = 2$, mức tin cậy $P \approx 95\%$.

(The equipment has been calibrated at the temperature of $(24 \pm 2) ^\circ\text{C}$. The measurement uncertainty is: $U = 0,8 \cdot 10^{-2}$, $k = 2$, $P \approx 95\%$).



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)

Số (Số): **IMC.4516.26**

Tên phương tiện đo (Object) : **Máy nén Marshall**
Kiểu (Type) : **MSY-30** Số (Serial No) / Mã QL(Tag No): **2566.21**
Nơi sản xuất (Manufacturer) : **Trung Quốc**
Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification) : **Phạm vi đo đến: 30 kN**
Đồng hồ so (0 - 10) mm; Giá trị độ chia: d = 0,01 mm

Cơ sở sử dụng (Customer) :

CÔNG TY TNHH MTV TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG THÁI HÀ

Địa chỉ (Address): **Số nhà 60, Chu Văn An, tổ 1, phường Đoàn Kết, tỉnh Lai Châu**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **ĐLVN 108 : 2002**

Phương tiện đo lực - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used) : **IMC.TB1.03 - Đầu đo lực (Force transducers)**
Độ không đảm bảo đo (Uncertainty), $U = 0,12 \cdot 10^{-2}$

Được liên kết tới hệ đơn vị đo quốc tế SI thông qua chuẩn quốc gia
(The Standard devices are traceable to National standards)

Kết quả (Results) : **Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau**
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **17 - 04 -27**

Hà Nội, ngày 17 tháng 04 năm 2026

(Date of issue)

Trưởng phòng thí nghiệm
(Head of calibration Laboratory)


Trần Đình Tấn



GIÁM ĐỐC
(Director)



Trang: 1/2
(No of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

Kết quả hiệu chuẩn

(Calibration results)



Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №): IMC.4516.26

STT	Lực đo (kN)	Giá trị chỉ thị trung bình (vạch $\times 0,01$ mm)
1	0	0,0
2	3	17,0
3	6	33,9
4	9	50,2
5	12	66,0
6	15	82,4
7	18	99,5
8	21	115,5
9	24	131,5
10	27	147,5

Phương trình hiệu chuẩn:

$$y = 0,1832x - 0,1233$$

Với y là lực (kN) và x là số vạch chỉ thị trên đồng hồ so

- Thiết bị được hiệu chuẩn tại nhiệt độ: (24 ± 2) °C với độ không đảm bảo đo: $U = 0,8 \cdot 10^{-2}$, $k = 2$, mức tin cậy $P \approx 95\%$.

(The equipment has been calibrated at the temperature of (24 ± 2) °C. The measurement uncertainty is: $U = 0,8 \cdot 10^{-2}$, $k = 2$, $P \approx 95\%$).



CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)

(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)

Số (№) : IMC.4517.26

Tên phương tiện đo (Object) : **Máy đo điện trở đất**

Kiểu (Type) : UNI-T

Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): UT521

Nơi sản xuất (Manufacturer) : Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification) :

Phạm vi đo (Range) : (0~20) Ω

ĐCX: ±2 % rdg ±0,1 dgt

(0~200) Ω

ĐCX: ±2 % rdg ±3 dgt

(0~2000) Ω

ĐCX: ±2 % rdg ±3 dgt

Cơ sở sử dụng (Customer) :

CÔNG TY TNHH MTV TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG THÁI HÀ

Địa chỉ (Address): Số nhà 60, Chu Văn An, tổ 1, phường Đoàn Kết, tỉnh Lai Châu

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): IMC.OHM-1.0

Dụng cụ đo điện trở - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used) :

Hộp điện trở chuẩn

Chuẩn được liên kết tới chuẩn quốc gia

Kết quả (Results) :

Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended):

17 - 04 -27

Hà Nội, ngày 17 tháng 04 năm 2026

(Date of issue)

Trưởng phòng thí nghiệm

(Head of calibration Laboratory)



Trần Đình Tấn



GIÁM ĐỐC

(Director)

Trang: 1/2
(№ of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

Kết quả hiệu chuẩn (Calibration results)



Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate No): IMC.4517.26

Thang đo	Giá trị chuẩn <i>Std. Input Value</i>	Giá trị đo được <i>Reading Value</i>	ĐKĐBB <i>Uncertainty</i> (k=2;95%CL)
20 Ω	1	0,99	0,50%
	10	10,02	
	19	19,03	
200 Ω	10	10,1	
	100	100,4	
	190	191,7	
2000 Ω	100	101	
	1000	1005	
	1900	1907	

Độ không đảm bảo đo được ước lượng với mức tin cậy 95% tương ứng hệ số phủ $k = 2$

- Thiết bị được hiệu chuẩn tại nhiệt độ: $(24 \pm 2) ^\circ\text{C}$



CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)

Số (No): **IMC.4518.26**

Tên phương tiện đo (Object): **Đồng hồ đo biến dạng**

Kiểu (Type): **Cơ khí (Mechanical)** Số (Serial No) / Mã QL(Tag No): **541002**

Nơi sản xuất (Manufacturer): **Trung Quốc**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo (Range): **(0 - 10) mm**
Giá trị độ chia (Div): **0,01 mm**

Cơ sở sử dụng (Customer):

CÔNG TY TNHH MTV TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG THÁI HÀ

Địa chỉ (Address): **Số nhà 60, Chu Văn An, tổ 1, phường Đoàn Kết, tỉnh Lai Châu**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **ĐLVN 75 : 2001**

Đồng hồ so - Quy trình hiệu chuẩn
(Dial indicators calibration)

Chuẩn được sử dụng (Standards used): **Bộ căn mẫu song phẳng (Gauge block) (0,5 - 100) mm**
: $U = \sqrt{0,064^2 + (1,5L)^2} \mu m$

Kết quả (Results): **Xem kết quả ở hiệu chuẩn trang sau**
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **17 - 04 - 27**

Hà Nội, ngày 17 tháng 04 năm 2026
(Date of issue)

Trưởng phòng thí nghiệm
(Head of calibration Laboratory)




Trần Đình Tấn

GIÁM ĐỐC
(Director)


M.S.D.N: 0106822304
CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM
TỈNH HÀ NỘI
VLAC 1.1230
ISO/IEC 17025:2017

Trang: 1/2
(No of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

Kết quả hiệu chuẩn (Calibration results)



Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate No): IMC.4518.26

Thành phần	Sai số thành phần	Sai số tổng	Độ hồi sai	Độ lặp lại
Độ lớn (μm)	-8	-12	3	1

Độ không đảm bảo đo $U = (2,96 + 0,84L) \mu m$ với hệ số phủ $k=2$, mức tin cậy $p = 95\%$; $[L] : m$

Hiệu chuẩn tại nhiệt độ: $26^{\circ}C$; Độ ẩm tương đối: $70\%RH$

IMC



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)

Số (№): **IMC.4519.26**

Tên phương tiện đo (Object): **Tủ sấy (Oven)**

Kiểu (Type): **101-2A**

Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): **30049**

Nơi sản xuất (Manufacturer): **Trung Quốc**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo (range): **Max 300 °C**

Độ phân giải (Resolution): **1 °C**

Cơ sở sử dụng (Customer):

CÔNG TY TNHH MTV TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG THÁI HÀ

Địa chỉ (Address): **Số nhà 60, Chu Văn An, tổ 1, phường Đoàn Kết, tỉnh Lai Châu**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **QTHC 5.4-07**

Tủ nhiệt - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Bộ đo nhiệt độ đa kênh;

Độ không đảm bảo đo $U = 0,2 \text{ } ^\circ\text{C}$

Kết quả (Results):

Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **17 - 04 -27**

Hà Nội, ngày 17 tháng 04 năm 2026

(Date of issue)

Trưởng phòng thí nghiệm

(Head of calibration Laboratory)





GIÁM ĐỐC

(Director)

Trần Đình Tấn

Trang: 1/2
(№ of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

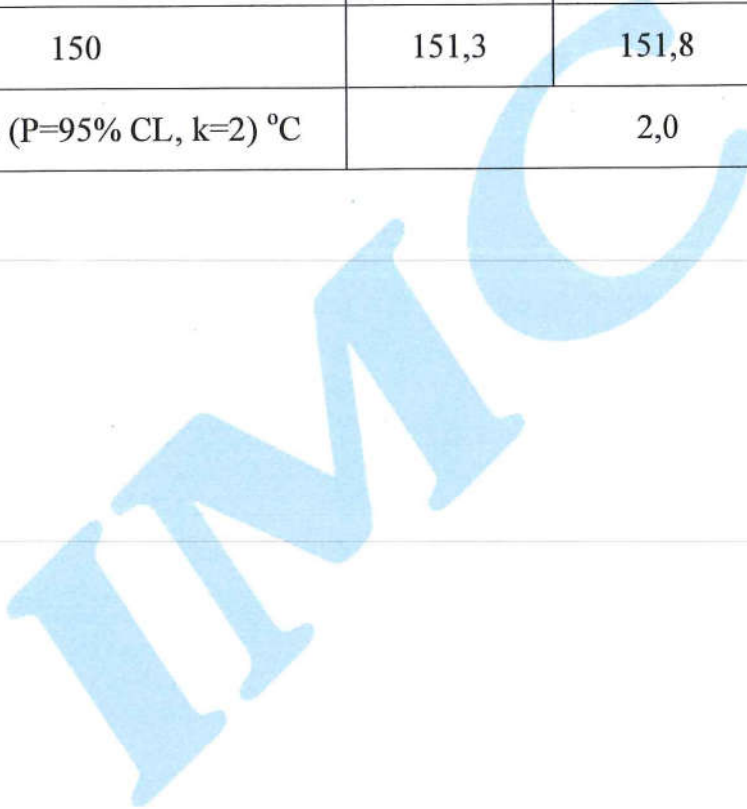
Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

Kết quả hiệu chuẩn (Calibration results)



Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №): IMC.4519.26

Nhiệt độ chỉ thị (Indicator) °C	Nhiệt độ chuẩn (Standard) °C		
	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
105	105,6	106,6	105,4
115	115,3	115,7	115,5
150	151,3	151,8	151,4
Độ KĐBĐ (P=95% CL, k=2) °C	2,0		





**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)

Số (№): **IMC.4520.26**

Tên phương tiện đo (Object) **Máy nén uống xi măng**

Kiểu (Type): **1500**

Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): **HA-0456-01-08**

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): **Trung Quốc**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo(Range): **(0 ÷ 1500) kN**

Giá trị độ chia (Div): **0,01 kN**

Cơ sở sử dụng (Customer):

CÔNG TY TNHH MTV TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG THÁI HÀ

Địa chỉ (Address): **Số nhà 60, Chu Văn An, tổ 1, phường Đoàn Kết, tỉnh Lai Châu**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **ĐLVN 109 : 2002**

Máy thử độ bền kéo nén - Quy trình hiệu chuẩn

(Tensile - Compress testing machines - Methods and means of calibration)

Chuẩn được sử dụng (Standards used): **IMC.TB1.03 - Đầu đo lực (Force transducers)**

Độ không đảm bảo đo (Uncertainty), U = 0,12.10⁻²

Được liên kết tới hệ đơn vị đo quốc tế SI thông qua chuẩn quốc gia

(The Standard devices are traceable to National standards)

Kết quả (Results):

Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

(See the results of the calibration on the next page)

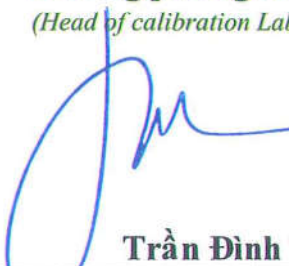
Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **17 - 04 -27**

Hà Nội, ngày 17 tháng 04 năm 2026

(Date of issue)

Trưởng phòng thí nghiệm

(Head of calibration Laboratory)




Trần Đình Tấn


GIÁM ĐỐC
(Director)


VLAC 1.1230
ISO/IEC 17025:2017

Trang: 1/2
(№ of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

Kết quả hiệu chuẩn (Calibration results)



Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №): IMC.4520.26

STT (№)	Giá trị chỉ thị (kN) (Indicated values on the equipment)	Lực đo được (kN) (Measured force)	Sai số, % (Error, %)
1	0	0,0	0,00
2	300	299,56	0,15
3	600	598,66	0,22
4	900	897,58	0,27
5	1200	1196,64	0,28
6	1500	1495,29	0,31

- Thiết bị được hiệu chuẩn tại nhiệt độ: $(25 \pm 2) ^\circ\text{C}$ với độ không đảm bảo đo:
 $U = 0,8 \cdot 10^{-2}$, $k = 2$, mức tin cậy $P \approx 95\%$.

(The equipment has been calibrated at the temperature of $(25 \pm 2) ^\circ\text{C}$. The measurement uncertainty is: $U = 0,8 \cdot 10^{-2}$, $k = 2$, $P \approx 95\%$).



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)

Số (№) : IMC.4521.26

Tên phương tiện đo (Object) : **Cung lực – máy nén Marshall**

Kiểu (Type) : **Ứng biến** Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): **4521.26**

Nơi sản xuất (Manufacturer) : **Trung Quốc**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification) : Phạm vi đo lớn nhất(Max range): **30 kN**
Đồng hồ so (0-10)mm; giá trị độ chia (Div): **0,01 mm**

Cơ sở sử dụng (Customer) :

CÔNG TY TNHH MTV TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG THÁI HÀ

Địa chỉ (Address): **Số nhà 60, Chu Văn An, tổ 1, phường Đoàn Kết, tỉnh Lai Châu**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **ĐLVN 108 : 2002**

Phương tiện đo lực - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used) : **IMC.TB1.03 - Đầu đo lực(Force transducers)**
Độ không đảm bảo đo (Uncertainty), U = 0,12.10⁻²

Được liên kết tới hệ đơn vị đo quốc tế SI thông qua chuẩn quốc gia
(The Standard devices are traceable to National standards)

Kết quả (Results) : **Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau**
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **17 - 04 -27**

Hà Nội, ngày 17 tháng 04 năm 2026

(Date of issue)

Trưởng phòng thí nghiệm
(Head of calibration Laboratory)

Trần Đình Tấn



GIÁM ĐỐC
(Director)



Trang: 1/2
(№ of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

Kết quả hiệu chuẩn (Calibration results)



Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №): IMC.4521.26

STT (№)	Lực đo, kN (Reference Force, kN)	Giá trị chỉ thị, × 0,01 mm (Indicated, × 0,01 mm)
01	0	0,0
02	5	37,68
03	10	81,93
04	15	126,19
05	20	170,42
06	25	214,68
07	30	258,94

Phương trình hiệu chuẩn:

$$y = 0,113x + 0,741$$

Với y là lực (kN) và x là số vạch trên đồng hồ so

- Thiết bị được hiệu chuẩn tại nhiệt độ: $(24 \pm 2) ^\circ\text{C}$ với độ không đảm bảo đo:
 $U = 1,2 \cdot 10^{-2}$, $k = 2$, mức tin cậy $P \approx 95\%$.



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)

Số (№): **IMC.4522.26**

Tên phương tiện đo (Object) : **Vòng đo lực - Máy nén CBR-2**
Kiểu (Type) : **Ứng biến** Số (Serial №) / Mã QL(Tag №) : **4522.26**
Nơi sản xuất (Manufacturer) : **Trung Quốc**
Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification) : **Phạm vi đo đến: 50 kN**
Đồng hồ so (0~10)mm/0,01mm

Cơ sở sử dụng (Customer) :

CÔNG TY TNHH MTV TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG THÁI HÀ

Địa chỉ (Address): **Số nhà 60, Chu Văn An, tổ 1, phường Đoàn Kết, tỉnh Lai Châu**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **ĐLVN 108 : 2002**

Phương tiện đo lực - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used) : **IMC.TB1.03 - Đầu đo lực (Force transducers)**

Độ không đảm bảo đo (Uncertainty), $U = 0,12 \cdot 10^{-2}$

Được liên kết tới hệ đơn vị đo quốc tế SI thông qua chuẩn quốc gia

(The Standard devices are traceable to National standards)

Kết quả (Results) : **Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau**
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **17 - 04 -27**

Hà Nội, ngày 17 tháng 04 năm 2026

(Date of issue)

Trưởng phòng thí nghiệm
(Head of calibration Laboratory)


Trần Đình Tấn



GIÁM ĐỐC
(Director)



Trang: 1/2
(№ of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

Kết quả hiệu chuẩn

(Calibration results)



Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate No): IMC.4522.26

STT (No)	Lực đo, kN (Reference Force, kN)	Giá trị chỉ thị, $\times 0,01$ mm (Indicated, $\times 0,01$ mm)
01	0	0,0
02	10	38,3
03	20	76,3
04	30	114,4
05	40	154,5
06	50	193,3

Phương trình hiệu chuẩn:

$$y = 0,26x + 0,09$$

Với y là lực (kN) và x là số vạch chỉ thị trên đồng hồ so

- Thiết bị được hiệu chuẩn tại nhiệt độ: (24 ± 2) °C với độ không đảm bảo đo: $U = 0,8.10^{-2}$, $k = 2$, mức tin cậy $P \approx 95\%$.

(The equipment has been calibrated at the temperature of (24 ± 2) °C. The measurement uncertainty is: $U = 0,8.10^{-2}$, $k = 2$, $P \approx 95\%$).

